

200 năm

NGUYỄN DU

(1765 - 1965)



số 43

tập san VĂN số 43



Paris * 03.2025

Bìa : tranh thủy mặc
Nguồn : Lê Tùng Châu
Thư viện Tiểu Lùn

tập san VĂN **số 43**

Tập san Văn * Năm thứ hai
Số 43 ra ngày 01-12-1965

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ hai / số 43 /

Ngày 01-12-1965



trong số này :

**Số đặc biệt Kỷ niệm
200 năm Nguyễn Du**

- | | |
|--|----|
| 1. Nhà xuất bản Nam Sơn | 11 |
| Thân thế và thời đại Nguyễn Du | |
| 2. Giản Chi | 25 |
| Độc Tiểu Thanh ký | |
| 3. Giản Chi | 27 |
| Nguồn gốc truyện Kiều | |
| 4. Nguyễn Hiến Lê | 76 |
| và Trương Văn Chính * Tiếng “đâu”
trong truyện Kiều | |

5. Lê Nhân Phủ 113
Thơ Vương Thúy Kiều viếng nữ giáo thư
Lưu Đạm Tiên
6. Võ Hồng 115
Nhân vật Thúc Sinh
7. Nguyễn Văn Xung 135
Mụ quản gia, một nhân vật lạnh mạnh
trong truyện Kiều
8. Nguyễn Mạnh Côn 150
Trên đường về già nhổ tóc sâu cho vợ hay
là từ Nguyễn Du đến Nguyễn Văn Chỉnh
9. Dương Nghiễm Mậu 198
Tù Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng
10. Lục bát qua thời gian 259
Tản Đà; Đông Hồ; Lưu Trọng Lư; Thế
Lữ; Xuân Diệu; Huy Cận; Hồ Dzếnh;
Nguyễn Bính; Vũ Hoàng Chương; Chế
Lan Viên; Đinh Hùng

11. Thanh Tâm Tuyền 301
Ung thư * truyện dài * phần thứ ba
12. Trần Thiện Đạo, 337
Trần Phong Giao * Albert Schweitzer
không còn nữa
13. Mõ làng VẮN 366
Quét sân đình

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút).

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn).

*Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn).

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

* Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Đ.T. : 23.595

* Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963.

thân thế và thời đại Nguyễn-Du¹

Nguyễn Du sinh vào thời Lê Mạt, vào lúc xã hội đang trải qua cơn khủng hoảng trầm trọng, lịch sử dồn dập những biến cố đảo điên. Cơ nghiệp nhà Lê bắt đầu từ Lê Thái Tổ lên ngôi năm 1428 đến khi Vũ văn Nhậm ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh và Lê Chiêu Thống chạy sang cầu viện nhà Thanh. Trên thực tế nhà Lê đã mất từ đầu thế kỷ XVI năm 1527 khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi của Lê Chiêu

1 Tài liệu rút trong Chân dung Nguyễn Du, Nam Sơn xuất bản, Sài gòn,

Tông, sử chép : “... từ khi nhà Lê Trung Hưng lên trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ ở phương Nam, họ Trịnh xưng chúa ở xứ Bắc; trên tuy còn tôn vua nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương Phúc-Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu bình làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiêu đãi, đình thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy².

Chế độ tập quyền thiết lập từ nhà Đinh ở thế kỷ thứ X đến hết thế kỷ XV thì bắt đầu tan rã. Nguyên nhân thứ nhất có thể kể đến là nước Việt-nam không sợ bị nạn ngoại xâm đe dọa ở phương

2 “Việt-Nam Sử lược” của Trần Trọng Kim, trang 368. 1960.

Bắc, Trung-hoa đang bị bối rối về sự phân tranh giữa Minh và Thanh; nguyên nhân thứ hai là sự bành trướng đất đai về phương Nam, công cuộc Nam tiến từ nhà Lý coi như đã thành tựu dưới thời Lê, các chúa Nguyễn sau này chỉ kế tiếp việc bỏ dở không gặp sự kháng cự nào đáng kể. Suốt từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII là sự tranh chấp phân chia quyền hành liên miên, hết Nam Bắc triều đến Trịnh - Nguyễn, tới thời Nguyễn Du sự tranh chấp ấy diễn ra cảnh chia xé nát bét : Tây Sơn khởi nghĩa đuổi Nguyễn diệt Trịnh, anh em Tây Sơn chia rẽ nhau. Có lúc trên một lãnh thổ thiết lập ba triều đình khác nhau : luẩn quẩn khi Gia định khi Phú-quốc là triều đình Nguyễn Phúc Ánh, ở Phú-xuân là triều đình anh em Tây Sơn, ở Thăng-long là triều đình nhà Lê. Cái tinh thần dân tộc thống nhất hùng mạnh dưới những đời Lê - Lý -

Trần Lê không còn nữa, Nguyễn Nhạc lúc đuổi theo Nguyễn Huệ ta Thăng-long để gọi em về, đã nói với Lê Chiêu Thống những lời sau này : Vì họ Trịnh hiếp chế, cho nên chúng tôi ra giúp nhà vua ; nếu bằng đất nước họ Trịnh thì một tắc cũng không để lại nhưng mà của nhà Lê, thì một tắc cũng không dám lấy. Xin mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, để đời đời giao hiếu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đấy.

Xét riêng xã hội Bắc hà vào cuối thế kỷ XVIII dưới các triều chúa Trịnh cuối cùng là một xã hội mục nát hoàn toàn không phương cứu vớt. Trong gia đình nhà Trịnh, việc phế trưởng lập thứ của Trịnh Sâm gây mầm nội loạn tranh chấp, anh em mưu hại lẫn nhau. Bọn quan lại suy đốn trốn tránh nhiệm vụ, phỉnh nịnh luồn lọt người trên, tàn bạo hà

hiếp dân lành, bọn kiêu binh lộng hành uy hiếp nhà chúa, trừ diệt những người đối lập, cướp bóc ức hiếp dân chúng [Độc Hoàng Lê Nhất Thống Chí]. Một vài sự kiện điển hình của thời đại bấy giờ, sử chép : “Lệ cú tứ phẩm trở xuống ai nộp 600 quan thì được thăng chức một bậc, còn những người chân trắng mà ai nộp 2800 quan thì được bổ tri phủ, 1800 quan thì được bổ tri huyện, đó là tình hình quan trường. Đến năm Canh Ngọ (1750) đời Cảnh Hưng, nhà nước thiếu tiền, lại đặt ra lệ thông kinh, hễ ai nộp ba quan thì được đi thi, mà không phải khảo hạch. Thành ra lúc bấy giờ những người đi làm ruộng, đi buôn, đi bán thịt, ai cũng được nộp quyền vào thi, đến nỗi lúc vào thi, người tranh nhau vào trường xéo đạp lẫn nhau, có người chết. Vào ở trong trường người thì dùng sách, kẻ đi thuê người làm bài, học trò với quan trường thì thông với

nhau, thành ra cái chợ thi, đó là quanh cảnh cuộc tuyển lựa nhân tài giúp việc trong bộ máy cai trị. Từ đó quân kiêu binh kéo nhau hàng trăm hàng nghìn đi cướp phá các làng. Hễ có đứa nào đi lẻ loi thì dân làng lại bắt giết đi, thành ra quân với dân xem nhau như cừu địch mà các văn thân võ tướng cũng bó tay mà chịu không làm sao được : đó là tình trạng an ninh của dân chúng. Tóm lại xã hội Bắc Hà bấy giờ không còn một chút kỷ cương giường mối nào nữa, một xã hội ngắc ngoải chờ chết. Đám dân lành phải gánh chịu mọi tai ương : thuế khóa nặng nề, mất mùa đói kém, giặc giã chiến tranh. Khâm định Việt-sử nói về thời đại ấy đã ghi : “chính sự hư hỏng thuế khóa nặng nề, lòng người ước ao sự loạn lạc”.

Nguyễn Du lớn lên trong xã hội ấy.

Dòng dõi trâm anh, tư chất thông

minh, nếu sinh vào thời bình, Nguyễn Du cũng sẽ hiển đạt như cha và anh – tiến sĩ Nguyễn Nghiêm tước Xuân quận công, tiến sĩ Nguyễn Khả chức Tham tụng, Điều nhạc hầu Nguyễn Điều trấn Sơn-tây – chẳng may sinh vào thời loạn, Nguyễn Du phải trải trăm nghìn cay đắng. Thi Hương đỗ tam trường, làm chánh thủ hiệu ở Thái nguyên, lúc Tây Sơn ra Bắc, Chiêu Thống chạy sang Trung-hoa, Nguyễn Du về quê vợ ở làng Hải-an huyện Quỳnh-côi tỉnh Sơn-nam (nay thuộc Thái-bình) mưu đồ khôi phục nhà Lê nhưng thất bại. Trong mười năm trời, lưu lạc trốn tránh ở đất Bắc, nếm đủ mùi gian nan : nghèo túng, bệnh hoạn. Về sau thấy sức mình không xoay nổi thời thế, ông tìm đường vào Nam, định mượn tay Nguyễn Ánh diệt Tây Sơn, nhưng việc tiết lộ ông bị bắt giam ở Vinh, ít lâu thì được tha. Từ đây ông về quê sống cuộc

đời ẩn dật. Già nửa đời người sống trong cảnh loạn lạc, bất đắc chí với những kinh nghiệm bản thân chịu đựng đã có ảnh hưởng gần như quyết định trong sự này nở của thiên tài bất hủ về thi ca của Nguyễn Du.

Khi Gia Long thống nhất đất nước, xã hội tạm thời ổn định nhưng lòng người, nhất là ở Bắc hà, vẫn còn hoang mang chưa tin tưởng. Sự nghi kỵ giữa triều đình nhà Nguyễn đối với con cháu và đám cựu thần nhà Lê, càng làm tăng thêm bầu không khí bất mãn của đám nho sĩ đất Bắc. Trong giai đoạn thứ hai của đời Nguyễn Du, mặc dầu ra làm quan với Gia Long nhưng ông không tỏ ra sốt sắng, nhiều lần cáo bệnh xin về, ở trong triều, theo sách Chính-Biên liệt-truyện, ông ít nói năng, nhà vua đã có lần quở trách. Cũng theo sách này Nguyễn Du là

người bề trong có ý trợ phụ, mà bề ngoài ra mặt thật thà cẩn thận ; khi thi sĩ mắc bệnh nặng, không chịu uống thuốc, lúc biết mình sắp chết chỉ nói một tiếng : “ được ”, không trối lại điều gì cả.

Sinh thời Nguyễn Du là một người học thức rộng : ông học Nho nhưng sách Phật, Lão đều có đọc, văn chương cổ kim Trung hoa và của ta ông đều biết. Ông còn là một người tài hoa, từng sống cuộc đời phong lưu công tử ở chốn đô khi học ở Thăng-long, lúc về ẩn dật thường sang chơi bên Trường-lưu với Nguyễn Huy Hồ (tác giả Mai Đình Mộng Ký, con trai Nguyễn Huy Tự, cháu ngoại Nguyễn Khản), có khi cùng nhau đi nghe phường vải ở đấy hát suốt đêm nên những câu ca lời hát trong những cuộc gặp gỡ gái trai ở nông thôn cũng như giọng hát cung đàn trên chiếu rượu ông đều thông

thuộc. Rồi những năm lưu lạc ở đất Bắc, ông từng trải nhiều nên thông cảm sâu sắc được mọi cảnh ngộ éo le, sự khổ cực của người đời. Cuộc đời phức tạp sóng gió của Nguyễn Ju đã giúp ông tạo được những tác phẩm giàu tính cách nhân đạo, nghệ thuật tuyệt vời.

TÌNH HÌNH VĂN HỌC THỜI NGUYỄN DU

Nếu phân chia thời kỳ văn học dựa vào tinh thần thời đại phản chiếu trong tác phẩm, ta phải xếp Nguyễn Du vào thế kỷ XVII. Thế kỷ XVIII là thời phồn thịnh trong lịch sử văn chương Việt-nam, có một tinh thần độc đáo mà kết tinh đặc biệt nhất của tinh thần ấy là Đoạn-trường tân-thanh của Nguyễn-Du. Xét như thế sẽ nhận định được rằng riêng

về phương diện văn học sự xuất hiện tác phẩm của Nguyễn Du không phải là đột ngột, Đoạn trường tân thanh chỉ là một bước trong quá trình phát triển văn chương Việt-nam trong thế kỷ XVIII.

Văn chương chữ nôm từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ XVII còn nghèo nàn khuôn sáo về nội dung, vụng về non nớt về hình thức. Tới thế kỷ XVIII, mở đầu là Chinh Phụ Ngâm, rồi Cung Oán Ngâm Khúc, văn chương chữ nôm đã trở thành một ngôn ngữ thi ca đáng kể diễn tả được những tình cảm tư tưởng tinh vi tế nhị. Các tác phẩm tiến sát gần tới đời sống, ghi lại được mọi khía cạnh phức tạp của đời người trong hoàn cảnh lịch sử. Tổng quát mà nói các tác giả ở thế kỷ XVIII đều bi quan, tác phẩm của họ phần lớn đều bi đát.

I. – Những tác giả chính trong thế kỷ XVIII

1. ĐOÀN THỊ ĐIỂM (1705-1748) :
Dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn

2. NGUYỄN GIA THIỀU (1741-1798) : Cung Oán Ngâm Khúc

3. NGUYỄN HUY TỰ (1743-1790) :
Truyện Hoa Tiên

4. PHẠM THÁI (1777-1813) : Chiến
Tụng Tây Hồ Phú ; Văn xuôi Khóc Trương
Quỳnh Như, Sơ Kinh Tân Trang

5. HỒ XUÂN HƯƠNG (?) : Thơ

6. NGUYỄN DU (1765-1820) : Đoạn
Trường Tân Thanh ; Văn Tế Thập Loại
Chúng Sinh.

II. – Những tác giả phụ

7. NGUYỄN BÁ LÂN (1701-1785) :
Giai Cảnh Hưng Tình Phú ; Ngã Ba Hạc
Phú.

8. NGUYỄN CƯ TRINH (1716-
1767) : Sãi Vãi

9. LÊ QUÝ ĐÔN (1726-1784) : Văn
sách Kinh Nghĩa, Thơ.

10. NGUYỄN HUY LƯỢNG (?) :
Tụng Tây Hồ Phú.

11. NGUYỄN HỮU CHÍNH (? -
1787) : Quách Tử Nghi Phúc, Ngôn
Âm Thi Tập, Cung Oán Thi, Bài Văn Tế
Chị.

12. LÊ NGỌC HÂN (1770-1799) :
Văn Tế vua Quang-Trung ; Ai Tư Văn.

13. PHAN HUY ÍCH (1750-1822) :
Dụ Am Văn Tập, Dụ Am Ngâm Tập.

14. NGUYỄN HUY HỔ (1783-
1841) : Mai Đình Mộng Kỳ.

độc tiểu thanh ký

Tây Hồ hoa uyển tậ thành khu

Độc điếu song tiền nhất chỉ thư

Chi phần hữu thân lân tử hậu

Văn chương vô mệnh lụy phần dư

Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kỳ oan ngã tự cư

Bất tri tam bách dư niên hậu³

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.

3 Từ Tiểu Thanh tới Tố Như cách hơn ba trăm năm. Tiểu Thanh chết thì Tố Như khóc, còn Tố Như chết thì ba trăm năm sau ai là người khóc Tố Như đây ?

đọc truyện tiểu thanh

Hoa uyên Hồ Tây năm đất tro

Viếng ai song vắng một vần thơ

Phấn son đất lấp thương còn mãi

Bút mực tro tàn lụy vẫn lừa

Mối hận xưa nay đành thế thế

Cái oan phong vận buộc khứ khứ

Ba trăm năm lẻ người thiên hạ

Chẳng biết rồi ai khóc Tố Như.

GIẢN CHI

GIẢN CHI

nguồn gốc truyện Kiều

“Phong Tình Lục” nào là “lam bản” của truyện Kiều

Mỗi lần đọc lại Truyện Kiều, tôi thường nhớ tới câu này của André Maurois :

“C’est elle (la forme) qui assure la durée des œuvres. Le sujet n’est rien⁴”.

“Chính hình thức làm cho tác phẩm bất hủ. Đề tài không là gì cả”.

⁴ Les Roses de Septembre.

Nói rằng “đề tài không là gì cả” thì e có phần nào quá đáng. Nhưng quả thật chính nhờ hình thức tân kỳ và kỹ thuật sáng tác độc đáo mà một văn nghệ phẩm trở thành bất hủ. Truyện Kiều là một thiết chứng cho nhận xét này. Cốt chuyện cự tác của Tố Như Tử không có gì gọi được là độc đặc, bất quá vẫn chỉ quanh quẩn trong cái chủ đề khuôn sáo “trung, hiếu, tiết, nghĩa” của văn giới đương thời. Cái giá trị nghệ thuật không tiền của thi phẩm này, hoàn toàn nằm trong những vần điệu tiêu tao và phân tích tâm lý tinh vi của tác giả. Cốt chuyện ở đây gần như chỉ là một cái “cớ” mà thôi.

Tuy nhiên, không phải vì vậy mà có thể bỏ qua không tra cứu cho rõ ràng về nguồn gốc của câu chuyện.

Ai cũng biết rằng tích truyện Kiều là rút từ một quyển tiểu thuyết cũ của

Trung-quốc ; chính tác giả, khi vào truyện, đã nói rõ điều này :

Cảo thơm lần giở trước đèn

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh,

Đầu năm Gia Tĩnh triều Minh...

Thế nhưng tập “Phong tình” chép câu chuyện xảy ra vào đời Gia Tĩnh triều Minh này là “phong tình lục” nào ? Nhan đề là gì ? Nội dung ra sao ? Những điều này cần thiết cho chúng ta để viết đúng những gì cụ Nguyễn Du đã vay mượn của văn chương Trung-quốc và biết rõ cụ chỉ vay mượn cốt chuyện hay là cụ thật đã phiên dịch một truyện cũ như đã nói trong một bài tựa Đoạn Trường Tân-Thanh ; biết đúng, biết rõ những điều đó thì sự bình giá tác phẩm truyện Kiều sẽ thêm phần xác đáng.

Hai thuyết nêu trong hai bài biên khảo giá trị về nguồn gốc Truyện Kiều

Hai bài biên khảo về nguồn gốc Truyện Kiều có giá trị nhất từ trước đến nay là :

a) bài của Thượng-Chi, nhan đề : “Truyện Kiều”, đăng trong Thượng-Chi Văn-tập, xuất bản tại Hà-nội năm 1943 và tái bản tại Sài-gòn năm 1962.

Bài này (Mục I) thuật lại nội dung cuốn “ Vương Thúy Kiều Truyện ” của Dư Hoài Ân 余懷 tự Đạm-Tâm 淡心 chép trong thuyết bộ Ngu Sơ Tân Chí 虞初新志 , và Thượng-Chi đưa ra ý kiến rằng lai lịch Truyện Kiều là cuốn “ Vương Thúy Kiều Truyện ” này, rằng cụ Tiên-Điền nhân tiêu thuyết ấy mà đặt thành truyện nôm.

b) bài của giáo sư Dương Quảng Hàm, nhan đề : “ Nguồn gốc quyền Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du ”, đăng trong tạp chí Tri-Tân số 4, ngày 24-6-1941 (trang 75, 76, 93, 94 và 95) xuất bản tại Hà-nội.

Bài này lược thuật ý kiến của những tác giả đã từng nghiên cứu về nguồn gốc Truyện Kiều (như Abel des Michels, Georges Cordier, H. Maspéro, Thượng-Chi, Kiều-Oánh-Mậu, Phan-Sĩ-Bảng và Lê-Thước), và xét lại các bản khảo chứng, nghĩa là những sách vở do các tác giả kể trên đã viện ra làm bằng cứ. Giáo sư kết luận rằng :

“Tóm lại nguồn gốc Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du là một cuốn Tiểu thuyết Tàu nhan là Kim-Vân-Kiều truyện, do một tác giả hiệu là Thanh Tâm Tài Nhân soạn ra về cuối thế kỷ thứ 16 hoặc đầu

thế kỷ thứ 17 do Kim Thánh Thán (1627-1662) bình luận. Quyển tiểu thuyết ấy đã xuất bản ở bên Tàu. Ý hản cụ Nguyễn Du khi sang sứ bên Tàu năm 1813, đem về bên nước ta, rồi người ta theo đó mà chép ra nhiều bản. Sau khi cụ Nguyễn Du đã soạn quyển Truyện Kiều nôm, một nhà nho ẩn danh ở nước ta mới dịch quyển truyện nôm ra Hán văn, tức là quyển “Kim-Vân-Kiều” đã khắc in nhiều lần ở Hà-nội (1876-1883-1896).

Một tài liệu mới

Vào năm 1954, ở Hà-nội, nhờ có người bạn thơ giới thiệu, tôi được tiếp chuyện một vị giáo sư Trung-hoa, họ Phan; nhân nói đến Kim Thánh Thán, tôi có đề cập quyển tiểu thuyết “Kim-Vân-Kiều Truyện” mà Kim Thánh Thán đã

phê bình, thì giáo sư họ Phan cho tôi biết thêm rằng Từ Hải, Vương Thúy Kiều và Hồ Tôn Hiến là những nhân vật có thật, sử sách đời Minh có chép. Nghe vậy thì biết vậy, chứ cũng không có đủ sách để mà truy cứu. May thay, sau đó mấy tháng, trước khi dời vào Nam, thì vừa hay một người bạn cũ là Lê Nhân Phủ đến thăm và gửi lại một tập bút kí bằng Việt ngữ viết theo những tài liệu Hoa văn, liên quan đến nguồn gốc Truyện Kiều, mà ông đã tình cờ thu thập được trong mấy năm vong mệnh nơi đất khách. Theo tập tài liệu này thì :

– Việc Hồ-Tôn-Hiến đánh dẹp bọn giặc bể Uông Trục (汪 直) và Từ Hải (徐 海) tức Sĩ chùa Hồ-bào, có chép trong “Minh sử Kỉ sự bản mật”, của Cốc Ứng Thái và “Minh sử thông tục diễn nghĩa” (quyển 7 hồi 65) ;

Ngoài ra, còn những sách Tàu có sau đây có liên quan đến Truyện Kiều :

a) Từ Văn Trường tập (徐文長集) và Thanh Đằng Lộ Sử Phân Thích (青藤路史分科) của Từ Vị⁵ (徐渭), trong chép “Kim Vân Kiều truyện”, hay “Thanh Tâm Tài Nhân”.

b) Ngu Sơ tân Chí (虞初新志), trong chép “Vương Thúy Kiều truyện” của Dư Hoài (余懷) tự Đạm Tâm (淡心).

c) Hồ Khoáng thập di lục tàn cảo (đời Minh) (胡曠拾遺錄殘稿), trong cũng chép “Vương Thúy Kiều Truyện” của Dư Hoài, tự Đạm Tâm, nhưng chép hơi khác với “Vương Thúy Kiều truyện” trong Ngu Sơ Tân Chí về một vài chi tiết.

5 Từ Vị tự là Văn Trường (文長) biệt tự là Thiên Trì (天持) văn hiệu là Thanh Đằng (青藤). Người Sơn-âm, đời Minh, giỏi thi văn, sành thư họa, làm mặc tân cho Hồ Tôn Hiến và từng theo họ Hồ đánh đông dẹp bắc, lập nhiều chiến công.

d) “Quán Hoa đường⁶ bình luận Kim Vân Kiều truyện” do Thanh Tâm Tài Tử biên thứ và Kim Thánh Thán phê bình.

Nay xin theo tập bút ký của ông Nhân Phủ mà sắp xếp lại và tóm tắt như sau nội dung từng truyện :

a) KIM VÂN KIỀU TRUYỆN trong “Tủ Văn Trường tập” và Thanh Đăng lộ sử phân thuyết của Tủ Vị.

Đời Minh, có người tên là Vương Vũ Tùng (王 雨 松) tự Tử-Trinh (子 貞), tổ tiên quê ở Côn-sơn, đạo Giang-tô, đến đời cha thì dời đến dạy học và làm thuốc ở phố phủ Bắc-bình (sau đổi là Bắc-kinh) rồi nhập tịch ở đấy. Vũ Tùng nổi nghiệp cha và nổi tiếng là lương y, trị chứng thương hàn rất giỏi.

Wũ Tùng được tổ tiên để lại cho nhiều

6 Tên thư viện của Kim Thánh Thán.

bức cổ họa quý giá vẽ phong cảnh núi Hoa-sơn. Ông đem một bức biểu một vị triều thần và nhờ vậy được đặc thưởng hàm Viên-ngoại. Từ đó, người trong vùng thường gọi ông là Vương Viên-ngoại.

Vũ Tùng kết duyên với Hà-thị (hậu duệ quan tiến sĩ, đề học-sú Hà-Trọng-Mạc, vốn quê huyện Tấn-dương, tỉnh Sơn-đông đến lập nghiệp ở Bắc-bình). Vì hiếm hoi, hai vợ chồng đến cầu tự ở ngôi đền trên ngọn Thiên Trụ Sơn, thuộc núi Nam Nhạc, huyện Hành-Sơn, Hà-nam. Trong lúc ăn chay nằm mộng, Hà-thị, trong mơ, nghe vẳng trên không có tiếng bát âm và tiếng hợp ca khúc Đại-thạch-giác 大石角 (khúc hát này, theo « Tổng sử âm nhạc chí », gồm có hai phần là Hồng Lô Hỏa 紅爐火 và Thúy Vân Cửu 翠雲裏) ; ngừng trông lên

thì thấy một đám mây kéo đến, rợp một góc trời với một cụ già đầu tóc bạc phơ, quần áo trắng, đai lưng xanh, văn hài cỏ, ngồi trên lưng một con hạc xanh, cánh màu phi thúy, tay cầm một quyển đàn thư và mấy cành đào. Cụ già vui vẻ trao cho Hà-thị ba cành đào, một cành hoa đã nở, nửa tươi nửa héo; một cành hoa còn hàm tiếu và một cành đã kết thành quả. Giật mình tỉnh dậy, Hà-thị kể hết đầu đuôi giấc mộng cho Vũ Tùng nghe.

Gần một năm sau, tức đầu năm Gia Tĩnh thứ 3, Hà-thị loan sinh (để đôi) hai gái ; cách một năm sau, lại sinh một trai, mặt mũi, theo Hà-thị nói, giống hệt cụ già trong mộng. Nhớ lại câu chuyện vợ nằm mơ, Vũ Tùng đặt tên hai con gái đầu lòng là Vương-Hồng-Lô (Hong Lô Hỏa), Vương-Thúy-Vân (Thúy Vân-Cừu) và người con trai út là Vương Hoắc 王和

(Hoắc tức là Hoắc Sơn 和山, một biệt danh của Hành Sơn, gồm có ngọn Nam Nhạc) tự là Dục Quan 欲觀 (lấy chữ trong Kinh Thư : ngô dục quan cổ nhân chi tượng 吾欲觀古人之像, nghĩa là : “ta muốn xem hình tượng người xưa”, có ý nói Vương Hoắc giống cụ già trong mộng). Tên Vương-Hồng-Lô, sau, vì kỵ húy, được đổi ra là Vương Thúc Kiều (Thúc Kiều có nghĩa là cánh con chim xanh).

Năm Gia Tĩnh thứ 14, ngày rằm tháng bảy, Thúc Kiều và Thúc Vân (lúc đó được 11 tuổi) theo mẹ đi lễ chùa, gặp người tướng sĩ là Trương-Thanh-Phủ 張青父 coi tướng cho và đoán rằng : Thúc Kiều tài sắc hơn người nhưng mà bạc mệnh, còn Thúc Vân thì hưởng phúc giàu sang....

Năm 14 tuổi (Gia Tĩnh thứ 17) Thúy Kiều học lực⁷ đã khá, cầm, kỳ, thi, họa đều tinh, sở trường nhất là ngón đàn Hồ cầm.

Năm 16 tuổi (Gia Tĩnh thứ 19) Thúy Kiều cùng hai em đi dự hội Đạp-thanh. Trong dịp tảo mộ này, nàng chú ý đến một ngôi mộ hoang, mồ của một người ca kỹ bạc mệnh tên là Đạm Tiên. Lúc sắp ra về, nàng gặp Kim Trọng, một thư sinh vốn là bạn đồng song của Vương Dục Quan.

Thúy Kiều trở lại nhà, lòng ngổn ngang trăm mối : phần tơ tưởng khách văn nhân, phần xót thương người bạc

7 Thơ văn của Thúy Kiều khá nhiều. Những bài : Bạc mệnh thiên, thơ đề mộ Đạm Tiên, Thơ “Mới” (10 bài) làm giúp Đạm Tiên lúc gặp nàng trong mộng, Thơ đề bức tranh tùng của Kim Trọng, thơ đề trên quạt của Mã-Giám-Sinh, khúc Bạc Mệnh, thơ Kinh mộng-giác (8 bài) thơ Thập bát gia (10 bài), thơ vịnh Mộc già (cái gông gỗ) v.v... sẽ chép và dịch riêng thành tập.

mệnh. Đêm đó, nàng mơ thấy Đạm Tiên về thăm, cho nàng hay, rằng nàng có tên trong “sổ đoạn trường” và với Đạm Tiên nàng là người cùng thuyền cùng hội. Giấc mộng này từ đó ám ảnh nàng : nàng yên trí rằng số nàng hẩm hiu ; nàng bi quan đối với tương lai, và tự chuốc lấy phiền não.

Từ buổi gặp Kiều, Kim Trọng cũng đem lòng thầm yêu trộm nhớ. Lấy cố du học, chàng tìm đến thuê ngôi nhà bên cạnh nhà Vương Viên-ngoại. Thấy ngôi nhà đó có biển đề ba chữ Lâm Thúy Hiền thiếp vàng, thì cho ngay rằng đó là một điềm tốt : chữ Thúy chỉ chị em Thúy Kiều, còn vàng thì ứng vào chữ Kim (Kim là vàng) là họ của chàng. Và chàng mừng thầm rằng duyên trời đã định.

Một bữa, đang ngồi đánh đàn, chàng nhác thấy có bóng người đẹp thấp thoáng

trong vườn đào ở phía đông. Vội vàng bước theo thì bóng ai đã khuất, chỉ còn thoang thoảng hương trầm. Ngó quanh, chàng chợt thấy một chiếc thoa vàng còn bỏ sót trên cành đào. Chàng liền lượm lấy đem về. Chiếc thoa vàng này về sau sẽ là cơ hội để Kim và Kiều nhiều lần gặp mặt. Rồi hai người thương nhau, rồi hai người thể bỏi. Mỗi tình đang khăng khít, thì Kim Trọng chợt nhận được tin chú mất phải về ngay Liêu-dương hộ tang. Chàng vừa đi xong thì gia đình Vương Viên ngoại xảy ra biến cố : Vương Vũ-Tùng bị một tên cướp lợi hại, nguyên trước làm nghề lái tơ (nguyên văn là hưởng mà ti khách 響馬絲容) tên là Trần Giáo 陳校 xung xuất tại phủ đường Lô-châu. Vũ-Tùng và Dục Quan đều bị bắt đưa về giam tại phủ nha Bắc-bình. Gia tài nhà họ Vương bị bọn nha lại vét hết. Để chuộc tội cho cha, em, Kiều phải

tính chuyện bán mình. Tin này tung ra, mọi người đưa một cựu giám-sinh trường quốc tử giám⁸ Lôi-châu tên là Mã-Thành 馬 成 đến vấn danh. Mã Thành là con nhà quý phái quê ở Vệ Thanh Bình, học giỏi nhưng có máu mê cờ bạc, rất thích đánh bài mã giáp⁹ 馬 姿, cho nên các bạn đồng học đặt tên riêng cho là Mã-Giáp. Sau vì lêu lổng không chịu học, Mã bị đuổi ra khỏi trường, và nhân đó lại nhận được thêm một xước hiệu là Mã Bất Tiến 馬 不 進. Bỏ học về ở Lâm-tri, Mã Giám Sinh cầu hợp với một vợ là Tú-Bà, tên thật Phùng-Nhi 馮 尼, cũng gọi là Phùng-Mạ 馮 媽. Hai người chung lưng mở một ngôi hàng bán phần buôn hương.

8 Thời Minh, ở các Châu cũng có trường Quốc Tử Giám.

9 Bài có 25 cây, vẽ màu để phân biệt hơn kém, định được thua. Khi chơi phải đủ 5 người.

Được tin Thúy Kiều bán mình, Tú Bà giao cho Mã Giám Sinh (lúc đó đã ngót 40 tuổi) một món tiền để mưu việc mua Kiều về cho hành viện. Bề ngoài Mã đánh tiếng là cưới Kiều về làm vợ. Giá cả ngã ngũ là 400 lạng bạc.

Kiều đưa số tiền này cho viên lại giả Chung Sự 終事 nhờ lo lót cho cha và em được “tại ngoại cầu cứu”. Nhận của dứt rồi, quan phủ Bắc-bình tư sang Lôi châu, đại ý nói : “Phủ Bắc bình không có ai tên là Vương-Vũ-Tùng 王雨松 chỉ có tên Vương Lưỡng Tùng 王雨松 mà thôi ; mà Vương Lưỡng Tùng thì vốn người lương thiện, xưa nay chưa can khoản gì, hiện làm mạc tân ở nhà tên trưởng lại Chung Sự và hôm xảy ra sự biến ở Lôi-châu, Lưỡng Tùng có mặt ở nhà Chung Sự”. Nhờ lời tư này, cha con Vương Viên ngoại được tạm lãnh về

nhà. Về tới nhà, được tin Kiều bán mình, Vương ông thương con định tự tử. Kiều can ngăn mãi mới thôi.

Trước khi theo Mã Giám Sinh lên đường, Kiều ngỏ hết tâm sự với Thúy Vân, cậy Vân thay mình để vẹn ước với Kim Trọng và nhờ Vân đưa hộ cho Kim một bức thư từ biệt, một bài thơ thất ngôn Đường luật và tám bài “Kinh Mộng Giác”.

Mã Giám Sinh đưa Kiều về trú phường và cùng nàng thành thân. Ngay lúc đó, nhận thấy cử chỉ ngôn ngữ thô tục của họ Mã, Kiều đã sinh nghi và đã trở về nhà nói hết nỗi lo âu với Vương bà.

Về tới Lâm-tri, họ Mã đưa Kiều ra mắt mẹ Tú. Tú bà bắt Kiều vào lễ thần Bạch-my¹⁰ 白眉, lễ từ đường, rồi lại

10 Vị thần được các nhà chứa thờ làm tiên sư.

bắt nàng phải lấy mình, gọi mình là mẹ và lấy Mã Giám Sinh, gọi y là cha. Kiều kể hết sự thực đã xảy ra, giữa Mã Giám Sinh và nàng ; nàng tỏ vẻ ngạc nhiên về cái việc thay bậc đổi ngôi của Mã đối với nàng thì liền bị Tú bà đánh đập tàn nhẫn. Kiều bèn rút dao giấu sẵn trong tay áo ra tự vẫn. Trong khi mê man, nàng lại thấy Đạm Tiên về cho biết rằng nàng dù muốn chết, trời cũng chưa cho, còn phải đợi mười lăm năm nữa mới hết kiếp đoạn trường : Khi đó Đạm Tiên sẽ đón nàng ở trên sông Tiền đường.

Sau khi đã cứu sống Kiều, Tú bà một mặt giả vờ nhượng bộ, cho nàng ra ở riêng ở lầu Ngưng Bích, nói rằng để nàng tĩnh dưỡng, chờ cơ hội sẽ gả bán cho con nhà lương gia ; một tên lừa bịp là Sở Huyên 楚衛, tục gọi là Sở Khanh¹¹

11 Con cháu Sở-Diễn xưa, một người nổi tiếng về môn thuật số.

楚卿 để quyển rũ Kiều.

Phong cảnh lầu Ngưng Bích rất nên thơ, phía đông có biển cả, phía bắc trông sang Kim-môn, phía nam hướng về Kim-lăng, phía tây, xa xa, là dãy Kỳ-sơn chạy dài. Trong cảnh cô tịch, để khuây khỏa nỗi lòng, Kiều một mình chỉ ngày ngày hết xem tập “thập mĩ đồ họa”, lại làm thơ tiêu sầu¹². Một hôm, giữa lúc vừa ngâm thơ vừa thơ thẩn lên lầu xuống gác, thì chợt nghe, có tiếng người họa vắn : ngó ra xem thì là một trang thư sinh áo quần bảnh bao, mày râu nhẵn nhụi. Thư sinh tỏ vẻ thương xót và ngỏ lời sẵn lòng giúp nàng khỏi bước khó khăn. Thoạt đầu, Kiều còn bán tín bán nghi, nhưng về sau cái ý muốn thoát thân bất cứ bằng giá nào đã làm cho nàng hết do dự. Nàng bèn trao cho “thư sinh” một tờ tiên kể

12 Thơ “Thập bát giai” là sáng tác vào hồi này.

hết cảnh ngộ, tâm sự và nhờ chàng ra tay tế độ. Chiều hôm sau, nàng nhận được phúc thư, trong có đề hai chữ “tích việt” 昔越. Theo phép sách tự (拆字) trong Ngọc Đường Tập Ký 玉堂雜記, hai chữ tích việt, tách ra thành 一日, 戌走 “chấp nhất nhật, tuất tẩu, nghĩa là giờ tuất, ngày hai mươi mốt sẽ cùng trốn”. Kiều xem thư hiểu ý và đúng ngày giờ hẹn, nàng tiếp “thư sinh” và lên ngựa theo chàng. Chạy từ giờ tuất đến giờ dần thì chợt nghe phía sau có tiếng người đuổi. Nhìn theo phía trước, thì người “cứu” nàng đã rẽ cương lẩn trốn tự bao giờ. Đoàn người đuổi theo ập tới, dưới sự chỉ huy của Tú bà. Tú bà nổi giận, sai người áp điệu Kiều về hành viện, khép nàng vào tội theo trai và đánh cho một trận toi bời, trước khi bắt nàng làm tờ bảo lãnh. Từ ngày hôm sau, nàng phải ra ở phòng riêng tiếp khách và học đủ “bảy

chữ¹³ ” “ tám nghề¹⁴ ”

Năm Gia Tĩnh thứ 19, mùa đông, có người lái buôn là Thúc Kỳ Tâm 束其心 thường qua lại xóm bình khang. Thúc sinh người huyện Vô-tích, phủ Thường-châu, Giang-tô, là con một phú thương tên Thúc Chí 束志 (sau đổi là Thúc Chính 束正) vốn xưa là dòng dõi thư hương. Thúc sinh học dở dang, ăn chơi

13 Bấy chữ là : a. Khấp 汰, khóc lóc vờ là thương yêu ; b. Tiễn 剪 cắt giải lụa buộc vào tay khách, tỏ ý một lòng quyến luyến, khăng khít ; c. Thích 刺 thích tên khách vào cánh tay mình ; d. Thiêu 燒 trích máu, đốt hương cùng nhau thể thốt ; e. Giá 假 hẹn hò lấy nhau ; f. Tẩu 走 hẹn nhau đi trốn, sau khi đã bòn hết của của khách, để rồi cùng bị bắt, cốt ý làm cho khách sợ phải bỏ rơi ; g. Tử 死 ý thể cùng sống chết để buộc lòng khách.

14 Tám nghề là : a. Kích cổ thôi hoa pháp 嫁摧花法, dùng đối với khách bé nhỏ ; b. Kim liên song tỏa pháp 金蓮雙鑽法 dùng đối với khách to lớn ; c. Đại triển kỳ cổ pháp 大展旗敲法 dùng với khách tính cấp ; d. Man đả khinh xao pháp 漫打輕敲法 dùng với khách tính hoạn ; e. Khẩn thuyên tam trật pháp 緊控三跌法 dùng với khách chưa quen ; f. Tả chi hữu ngô pháp 左支右吾法 dùng với khách đã thạo ; g. Tỏa tâm truy hồn pháp 鑽心追魂法 dành cho khách si tình ; và h. Nhiếp thần thiểm tỏa pháp 攝神閃生法 dành cho khách tham sắc.

phung phí. Chàng theo cha đến Lâm-tri mở tiệm buôn. Gặp Kiều, chàng mê ngay. Thừa dịp cha về thăm quê, chàng bỏ cả việc buôn để được ngày đêm cùng Kiều gần gũi. Mùa hạ năm sau, chàng mượn cớ đem Kiều sang nghỉ mát ở nhà một người thổ hào, tên Vệ Hoa Dương 衛華陽 rồi sai gia nhân của người thổ hào này là Bộ Tân 步賓 đến gặp Tú bà vừa điều đình chuộc Kiều, vừa dọa nạt buộc mẹ vào tội “mãi lương vi xướng” (mua con gái nhà tử tế về làm nghề nhà chứa) và đe sẽ mang việc lên cửa công. Tú bà phải nhượng bộ chỉ xin được thu lại đủ vốn : 400 lạng bạc. Thế là Kiều về ở với Thúc Sinh.

Trở lại Lâm-tri, rõ việc Thúc Sinh cưới vợ bé, Thúc ông cả giận bắt Thúc Sinh phải bỏ Kiều. Thúc Sinh van lạy tạ tội, nhưng bỏ Kiều thì quyết tâm không

bỏ. Thúc ông đưa việc lên quan. Quan xử : Kiều phải trở về “lầu xanh”. Thúc Sinh kêu xin, trình bày mọi lẽ. Được Thúc Sinh cho biết rằng Kiều là con nhà lương thiện và có học, quan ra cho Kiều bài thơ Mộc già Mộc già 木 枷 (cái gông gỗ) để thử tài. Nhờ bài thơ mãn tiệp, Kiều được quan thương và vụ cha kiện dẫu con cũng được thu xếp êm đẹp.

Sau một năm chung sống với Thúc Sinh, Kiều lấy lẽ phải trái khuyên chàng nên về quê thăm người vợ cả và nên thú thực mọi việc. Lúc tiễn đưa, Kiều có làm mười bài thơ “Kim tịch thị hà tịch” tình ý rất lâm li.

Vợ cả Thúc Sinh, Hoạn-Huệ-Minh 官 惠 明, là con gái quan Trùng-tể họ Hoạn (nguyên trước là họ Hứa 許), nên thường gọi là Hoạn Thư 宦 姐. Hoạn Thư kết duyên với Thúc Kỳ Tâm đã năm,

sáu năm nhà vẫn chưa có con. Nàng không theo chồng sang Lâm-tri vì còn phải ở lại nhà trông nom rừng ruộng. Từ lâu nàng đã được tin báo Thúc Sinh có vợ hai, nhưng nàng vẫn làm thình. Khi Thúc Sinh về thăm. Hoạn Thư đón tiếp vui vẻ, hình như không hay biết gì. Nàng là người thâm trầm và kín đáo.

Thúc Sinh ở quê được một năm thì Hoạn Thư khuyên chàng nên trở lại Lâm-tri để làm tròn bốn phận thần hôn định tỉnh và để tiếp tục lo việc bán buôn. Thúc Sinh vừa đi khỏi thì Hoạn Thư cũng về quê ngoại thăm mẹ. Nàng kể hết hành vi phụ bạc của Thúc Sinh cho mẹ nghe và xin Hoạn bà cho phép thi hành kế hoạch mà nàng đã định. Hoạn bà bằng lòng. Hoạn Thư liền sai hai tên gia nhân là Khuyển Ưng và Khuyển Phê tức tốc vượt thuyền tắt sang bên Tế – tức

là Lâm-tri – đến thẳng nơi Thúy Kiều ở, bắt cóc Kiều, đánh thuốc cho mê mà đem về nộp cho Hoạn bà. Trước khi rút lui, Khuyển Ưng, Khuyển Phệ lại nổi lửa đốt nhà, đem một chiếc thây vô chủ vút vào, chủ ý làm lạc hướng dư luận. Thúc ông nhà ở gần đó, đốc thúc gia nhân đến cứu, nhưng vô hiệu, và cũng như mọi người, tưởng lầm rằng đồng xương cháy tàn kia là thây Thúy Kiều.

Về tới Lâm-tri, Thúc Sinh vô cùng thương cảm trước biến cố xảy ra. Nghe trong vùng có thầy đạo sĩ là Động Huyền 洞玄 giới ngôn “phi phù trí quỷ”, Thúc Sinh bèn mời đạo sĩ về nhà lập đàn và nhờ đánh đồng thiếp xuống âm phủ tìm gặp cho bằng được mặt Thúy Kiều. Tỉnh đồng, đạo sĩ cho biết rằng mặt Kiều thì không gặp, nhưng việc nàng thì đã tra ra : Nàng chưa chết và hiện đang mắc nạn,

phải chờ một năm nữa mới rõ sự tình.

Thúy Kiều ở hầu hạ Hoạn bà và được
mụ quản gia biệt đãi.

Ít lâu sau, Hoạn Thư lại về thăm mẹ.
Hoạn bà truyền cho Thúy Kiều theo hầu
Hoạn Thư.

Mùa xuân năm sau, Thúy Kiều được
lệnh Hoạn bà cho theo Hoạn Thư về Vô-
tích (quê Thúc Sinh) làm tì nữ, đổi tên là
Hoa Nô 花奴. Mùa thu năm ấy, Thúc
Sinh cũng nhớ quê trở về thăm Hoạn
Thư. Trong tiệc tẩy trần lần này, Hoạn
Thư cho Kiều ra mắt Thúc Sinh, và bắt
nàng phải chuốc rượu mời chàng, gảy
đàn hầu chàng. Kiều bị hành hạ đủ điều ;
Thúc Sinh muốn che chở mà e dè không
dám, Kiều đành phải thảo một tờ trình
kể rõ sự thực với Hoạn Thư và xin phép
cho ra nương mình nơi cửa không. Lời

thỉnh cầu này được Hoạn Thư chấp nhận sau khi hỏi ý Thúc Sinh.

Thúy Kiều ra ở Quan Âm Các, chuyên việc viết kinh và đổi tên là Trạc Toàn 灌泉. Hoạn Thư lại cho hai người tớ gái là Xuân Hoa và Thu Nguyệt theo hầu để đỡ việc đèn hương sớm tối. Kỳ thực là để giám sát Kiều và ngăn chặn sự đi lại của Thúc Sinh.

Một hôm, Hoạn Thư vờ về quê vấn an thân mẫu. Thúc Sinh thừa cơ lén sang thăm Thúy Kiều, không ngờ bị Hoạn Thư quay về bắt được. Thay vì làm dữ, Hoạn Thư vẫn cười nói chào hỏi như thường. Thúy Kiều tự nghĩ : đàn bà mà như Hoạn Thư thì thật là nguy hiểm, còn chống mà nhu nhược như Thúc Sinh thì hết đường cậy mong che chở, âu là tự mình tìm kế thoát thân là hơn. Nàng bèn thừa lúc đêm khuya, trốn khỏi Quan Âm Các, mang

theo cả sổ chuông vàng khánh bạc của nhà chùa, phòng để hộ thân. Đến Chiêu Ẩn Am, may được sư trưởng là Giác Duyên dung nạp, nàng nộp hết chuông khánh và xin ở lại trừ trừ nơi này.

Cuối năm Gia Tĩnh thứ 24, có người đàn việt đến Chiêu Ẩn Am hành lễ, nhận ra chuông vàng khánh bạc của nhà Hoạn Thư và nói rõ điều đó cho sư trưởng Giác Duyên biết. Sư trưởng hỏi lại Kiều thì Kiều khai hết sự thực. Để tránh những sự không lành có thể xảy ra cho Kiều, Giác Duyên cho mời một người vẫn lui tới đèn nhang của Phật là Bạc Bà 薄婆 lại, và yêu cầu Bạc Bà ta cho Thúy Kiều được về tạm trú nhà mẹ trong ít lâu. Bạc Bà nắm được cơ hội, lãnh Thúy Kiều về và ép nàng kết duyên với cháu mẹ là cháu mẹ là Bạc Hạnh 薄幸. Bạc Hạnh đem bán nàng cho một hành viên ở Châu-

thai. Thế là một lần nữa Kiều lại đọa lạc vào nơi buôn hương bán phấn...

Ở thanh lâu, hai năm mau, nàng gặp một khách biên đình là Từ Hải. Từ giúp nàng “thoát tịch hoàn lương” để cùng nàng chung sống ; được nửa năm, động lòng bốn phương, Từ dứt áo ra đi, dặn nàng gắng chờ và hẹn trong ba năm, sẽ lại gặp mặt. Quả nhiên, ba năm sau, Từ hùng cứ toàn vùng Chiết-giang và sai binh tướng đến đón Thúy Kiều về phong làm phu nhân. Nhờ uy thế Từ, Thúy Kiều đã đến được ân và trả được oán.

Năm Gia Tĩnh thứ 33, Minh triều đặc sai Tổng-đốc Hồ Tôn Hiến đồng nhung phủ tiểu, nhưng mặc dù binh hùng tướng mạnh, Hồ vẫn không làm sao thắng được Từ. Thất bại về quân sự, Hồ cho dò la rồi tìm cách mua chuộc Thúy Kiều để dụ Từ quy thuận. Từ vì nể Kiều nên nghe lời

nàng, nhưng khi sửa soạn tiếp sứ thì bị đại quân Triều đình đánh úp. Thế cùng lực kiệt, Từ thu lĩnh nơi trận tiền...

Trong tiệc hạ công, Hồ truyền cho Kiều đánh đàn hầu rượu, rồi, sau khi tàn tiệc, lại ngỏ lời muốn thu nạp nàng.... Kiều nghĩ đến ơn tri ngộ của Từ nên không ưng thuận, chỉ xin được về nơi cố lý để được gặp mặt song thân. Nhưng sáng hôm sau, nghĩ lại, Hồ lấy làm thẹn về cử chỉ đêm qua và, để chữa thẹn, ép Kiều phải lấy tên tù Vĩnh Thuận. Kiều theo thổ tù đi đến sông Tiền-đường thì chợt nhớ lời Đạm Tiên xưa hẹn hò trong mộng và gieo mình xuống sông tự trầm.

Về phần Kim Trọng, về Liêu-dương hộ tang được nửa năm thì chàng lại trở lại hiên Lãm-thúy. Được tin Kiều gập cơn gia biến phải bán mình chuộc cha, Kim vô cùng thương cảm, tìm đến thăm

gia đình Vương Viên-ngoại, lúc đó đang lâm vào cảnh khốn cùng. Rồi Kim cho sửa sang lại nếp vườn cũ và đón gia đình họ Vương cùng về ở chung. Rồi chiêu ý Vương ông, Kim kết duyên với Thúy Vân để giải thể cho Kiều.

Năm Gia Tĩnh thứ 29, Triều đình mở chế khoa. Kim Trọng và Vương Quan đều chiếm xuân bảng (Hội thí) : Kim được bổ tri huyện Lâm-tri, Vương bổ tri huyện Thương-khưu. Trước khi phó nhậm, Vương sang tạ biệt Chung Sự và được họ Chung gả con gái trưởng tên là Chung Nguyệt Viên 終月圓 cho.

Đến huyện Lâm-tri, Kim cho tra hỏi về tung tích Thúy Kiều thì được người lại mục họ Đô 都 kể cho nghe hết những tao ngộ của nàng nhưng chung cuộc đời nàng ra sao thì vẫn không rõ.

Năm Gia Tĩnh thứ 34, mùa xuân, Kim cải nhậm huyện Nam-bình, Vương cũng cải nhậm huyện Phú-dương. Lúc đó vùng Phúc-kiến, Chiết-giang đã trở lại thanh bình. Đường tới nhiệm sở mới của Kim cũng như của Vương đều phải qua Hàng-châu. Hỏi thăm tin tức về Thúy Kiều, mới hay rằng nàng đã gieo mình xuống sông Tiền-đường tự tận. Kim và Vương thiết lập đàn trường bên sông Tiền đường để cầu siêu cho nàng.

Theo lời bạt ở tập “Thanh đăng lộ sử phân thích” thì tác giả Từ Vị, mặc tâm của Hồ Tôn Hiến, đã căn cứ vào sự thực mà viết ra Kim-Vân Kiều Truyện, đến chỗ Thúy Kiều tự trầm ở sông Tiền-đường là hết.

Dụng ý của Từ-Vị, khi viết truyện

này, vẫn theo lời bạt, là để ca tụng tướng tài của Hồ Tôn Hiến.

Đến khi Hồ Tôn Hiến bị bại, Từ Vị phát điên giết vợ và bị hạ ngục. Sau được ân xá về, họ Từ mới hối hận ; phần sót thương người vợ hồng nhan bạc mệnh, phần chán ngán cái “phù thế công danh”, bấy giờ Từ mới thấy rõ rằng sống ở đời chỉ có cái lạc thú gia đình là chân thật và đáng kể. Rồi liên tưởng đến thân thể Thúy Kiều, Từ cảm cảnh của nàng và viết nổi “Kim Vân Kiều Truyện”, dưới nhan đề là “Phá Kính Trùng Viên”. Truyện nổi như sau :

Trong bước vân du, sư Giác Duyên gặp đạo cô Tam Hợp. Giác Duyên hỏi đạo cô về thân thể Thúy Kiều. Đạo cô cho biết Thúy Kiều đã tự trầm ở sông Tiền-đường và khuyên Giác Duyên nếu nhớ nghĩa xưa thì nên đợi nàng trên

sông Tiên-đường mà cứu. Giác Duyên y lời đạo cô và thuê người “Kết chài giăng sông”, vớt được Thúy Kiều. Trong lúc còn mê man, Kiều lại gặp Đạm Tiên. Đạm Tiên báo cho Kiều biết rằng lòng hiếu lòng nhân của Kiều đã thấu đến Trời, rằng tên Kiều đã được rút khỏi sổ đoạn trường và Kiều sẽ còn được nhiều hưởng thụ về sau.

Sau khi được cứu sống, Kiều theo Giác Duyên về nường nấu trong một chiếc am cỏ ở bên sông...

Một hôm Giác Duyên đi qua, thấy đàn trường thiết lập trên bờ sông Tiên-đường thì ngó vào xem, và hết sức ngạc nhiên khi nhận thấy tên đề trên bài vị lại là Vương Thúy Kiều. Nhà sư liền cho sự chủ hay rằng Thúy Kiều còn sống và dẫn mọi người về thảo am thăm nàng. Tiếp đó là cuộc sống đoàn viên giữa Thúy

Kiều, Kim Trọng, Thúy Vân và gia đình Vương Viên-ngoại. Tự xét mình không còn xứng đáng làm vợ Kim Trọng nữa, Kiều xin với Kim cho “đem tình cầm sắt đòi ra cầm kỳ”.

b) Vương-Thúy Kiều Truyện, trong Ngu sơ tân chí : chép đúng như Phạm Quỳnh đã đăng trong tạp chí Nam Phong

c) Vương-Thúy-Kiều Truyện, trong “Hồ Khoáng Thập di lục tànảo” :

Vương Thúy Kiều, quê Lâm-tri, phủ Thanh-châu, tỉnh Sơn-đông (Trung-quốc), tư chất thông minh, nhan sắc kiều diễm, có tài về văn thơ, ca hát và sành về âm luật.

Thuở nhỏ nhà nghèo, cha mẹ đem bán cho mù họ Mã làm con nuôi, đặt tên là Kiều-Nhi đến phủ Bắc kinh mở nhà hát. Vốn tính đậm bạc, nàng vụng tiếp khách, vì vậy bị mẹ nuôi đánh mắng luôn. Nhờ nhan sắc Kiều-Nhi ngày thêm lộng lẫy, hành viện của mù Mã ngày thêm đông khách. Sau vì khách làng chơi ghen tuông nhau, nên xảy ra sự biến ; việc đem lên cửa công. May có kẻ lại già thương giúp, mẹ con Kiều-Nhi được tha về. Từ đó khách hàng thưa thớt. Làm ăn sa sút, mù Mã phải bán Kiều-Nhi cho một phú thương là Thúc Kỳ Tâm, làm vợ bé. Mấy tháng sau, vì vợ cả ghen, Kiều Nhi phải trốn về ở với mù Mã. Rồi hai mẹ con đem nhau về vùng Giang-nam, kiếm ăn bằng nghề đi hát mảnh, đời sống rất là long đong. Về sau, quẫn quá, mù Mã phải bán Kiều Nhi cho La Long Vân để lấy tiền độ nhật. Họ La đem Kiều-Nhi về Thai-

châu bán lại cho nhà họ Bạc làm gái ở hành viện. Chẳng bao lâu, Kiều Nhi trở thành một danh kỹ. Trong dịp này, nàng được gặp lại Từ Minh Sơn, một khách làng chơi đã từng quen biết nàng khi còn trôi nổi ở vùng Giang-nam.

Từ Minh Sơn vốn là một tay hảo hơn, trượng nghĩa khinh tài, tinh thông lục thao tam lược và thường sinh nhai về nghề thảo khấu. Nay gặp tình xưa nghĩa cũ, Từ liền bỏ tiền ra chuộc Kiều-Nhi và mua nhà cho ở riêng. Chung sống với nhau được chừng nửa năm, thì Từ bỗng lại động lòng bốn phương, cùng Kiều Nhi từ biệt ; Lúc ra đi Từ dặn Kiều Nhi gắng đợi, khi nào đắc chí, Từ sẽ trở lại đón nàng.

Từ chiêu binh mãi mã và chưa đầy một năm đã khống chế cả vùng Phúc-kiến, Chiết-giang. Kiều-Nhi được đón

từ Thai-châu về phong làm phu nhân và đổi tên là Thúy Kiều.

Khí thế quân Từ ngày một mạnh. Triều đình lấy làm lo. Vua Thế Tông đặc sai Tổng đốc Hồ Tôn Hiến đi đánh dẹp. Mặc dầu quân hùng, tướng mạnh, Hồ vẫn không thu được kết quả như ý muốn. Biết rằng không thể lấy sức mạnh thắng được Từ, mà để dằng dai thì thời gian sẽ làm lợi cho thanh thế địch, Hồ bèn cho người thám thính và biết được rằng có Thúy Kiều tham dự vào việc quân cơ của Từ. Hồ bèn dùng kế “Tệ trọng ngôn cam”, dụ Từ “về hàng”, một mặt cho đem vàng ngọc, gấm vóc đứt lót Thúy Kiều, một mặt sai bộ hạ là Hà-Chính đến gặp Từ để thuyết phục. Nể lời Thúy Kiều, họ Từ bằng lòng tiếp sứ. Nhưng vừa chĩnh nghi tiếp kiến thì vương sư đã ào ạt tập công : Biết mắc kế, Từ một mình tả xung hữu đột, giết được hàng chục danh tướng

của triều đình. Đến lúc thể cùng lực tận, Từ mới chống giáo “thu linh” nơi trận tiền. Trừ được họ Từ rồi, Hồ Tôn Hiến mở tiệc hạ công. Trong khi đắc ý quá say, Hồ bắt Thúy Kiều hầu đàn và dần dà có ý nài ép. Kiều không chịu. Sáng hôm sau, để chữa thẹn, Hồ đem Thúy Kiều gán cho tên thổ tù Vĩnh Thuận. Thổ tù đem Thúy-Kiều đi đến sông Tiền-đường thì nàng gieo mình xuống sông tự trầm.

Truyện viết theo thể văn ký sự bằng bạch thoại. Cuối đoạn thỉnh thoảng có điểm xuyết vào mấy câu thơ hoặc mấy câu phú.

Tỉ dụ, tả Thúy Kiều ở hành viện thì :

THƠ :

一雙玉手千人枕

半點朱唇萬客賞

Nhất song ngọc thủ thiên nhân trẫm
Bán điểm chu thần vạn khách thường
(Đôi cánh tay ngà nghìn khách gối
Nửa vành môi đỏ vạn người kề)

Tả vợ cả Thúc-Kỳ-Tâm biết chồng đã
cưới Kiều-Nhi làm vợ lẽ thì :

PHÚ :

觀月中之月,復有一月;覺身
外之身,復有一身

Quan nguyệt trung chi nguyệt, phục
hữu nhất nguyệt ; giác thân ngoại chi
thân, phục hữu nhất thân. (Xem mặt
trăng ở trong mặt trăng, có thêm một
mặt trăng nữa. Biết ngoài thân mình ra,
còn có một thân mình thứ hai).

d) Kim-Vân-Kiều truyện do Thanh-Tâm Tài-Tử biên thứ (Quán Hoa đường bình luận Kim-Vân-Kiều truyện).

Nội dung đại để giống như Kim-Vân-Kiều Truyện của Từ Vị, nhưng viết thành hồi. Tất cả có 20 hồi, chia làm 4 quyển :

Quyển 1 : 6 hồi, I đến 6, từ lúc Thúy Kiều đi du xuân gặp Kim Trọng đến lúc nàng bán mình.

Quyển 2 : 4 hồi, 7 đến 10, từ lúc Thúy Kiều thất thân với Mã Giám Sinh đến lúc Thúy Kiều theo Sở Khanh bị bắt về, bắt buộc phải ra ở riêng tiếp khách, học đủ “ bảy chữ ”, “ tám nghề ”.

Quyển 3 : 7 hồi, 11 đến 17, từ lúc Thúy Kiều gặp Thúc Sinh đến lúc gặp Từ Hải.

Quyển 4 : 3 hồi, 18 đến 20, từ lúc Thúy Kiều “báo ân báo oán” đến lúc gặp lại Kim Trọng và gia đình.

Trên đầu mỗi hồi, có một bài “ tán ” và một “ từ khúc ”, cả hai viết bằng thể cổ văn, dưới tựa sự thì viết bằng bạch thoại.

KẾT LUẬN :

So sánh, người ta thấy Truyện Kiều của cụ Tiên-Điền, về nội dung không đúng hẳn, với “ Vương Thúy Kiều truyện ” trong “ Hồ khoáng Thập di lục tàn cáo ” và khác xa “ Vương Thúy Kiều ” của Dư Hoài in trong “ Ngu Sơ Tân Chí ” nhưng trái lại, giống hệt “ Kim Vân Kiều Truyện ” hay “ Thanh Tâm Tài Nhân ” của Từ Vị, một phần ghi trong . “ Từ Văn Trường Tập ”, một phần ghi trong “ Thanh Đằng Lộ Sử Phân Thích ” .

Mặt khác, sự tích, “ Kim Vân Kiều Truyện ” của Từ Vị cũng là sự tích “ Kim Vân Kiều Truyện ” do Thanh Tâm Tài Tử biên thứ và do Kim Thánh Thán phê bình.

Như vậy, nguồn gốc “ Truyện Kiều ” chắc chắn không phải là “ Vương Thúy Kiều Truyện ” của Dư Hoài, như nhà học giả Phạm Thượng Chi nghĩ, cũng không phải là “ Vương Thúy Kiều truyện ”, trong “ Hồ khoáng thập di lục tàn cảo ” mà là “ Kim Vân Kiều truyện ” của Từ Vị hoặc “ Kim Vân Kiều truyện ” do Thanh Tâm Tài Tử biên thứ.

Nhưng, như ở trên đã nói, Từ Vị là người đồng thời với Hồ Tôn Hiến. Vậy “ Kim Vân Kiều Truyện ” của họ Từ hiển nhiên là viết vào đời Gia Tĩnh triều Minh. Còn “ Kim Vân Kiều truyện ” của Thanh Tâm Tài Tử thì có lẽ viết sau

và viết lại (thành hồi) theo “ Kim Vân Kiều Truyện ” của Tù Vị. Vậy thì, dĩ kỳ nói như giáo sư Dương Quảng Hàm rằng nguồn gốc Truyện Kiều... là một quyển tiểu thuyết Tàu nhan là Kim Vân Kiều truyện do một tác giả hiệu là Thanh Tâm Tài Nhân (Theo ông Nhân-Phủ thì là Thanh Tâm Tài Tử - Thanh Tâm Tài Nhân là một biệt danh “ Kim Vân Kiều Truyện ” của Tù Vị) soạn ra, về cuối thế kỷ thứ 16 hoặc đầu thế kỷ thứ 17 và do Kim Thánh Thán (1627-1662) bình luận, sao bằng nói : “ Lam bản ” truyện Kiều là quyển “ Kim Vân Kiều Truyện ” của Tù Vị, viết vào thời Gia Tĩnh triều Minh đầu thế kỷ XVI (Niên hiệu Gia Tĩnh đời vua Minh Thế Tông bắt đầu từ năm 1522).

Điều cần nói nữa là, nhân một cốt truyện tầm thường bằng văn xuôi, đã được dụng ý cắt xén cho hết những chi

tiết rườm rà, mà viết nên một tập truyện dài bất hủ bằng thơ, Tố Như Tử thật đã hoàn thành một sự nghiệp sáng tác chứ không phải chỉ thành công trong một công trình phiên dịch như có người đã hiểu lầm. Và giá trị quán cổ của Truyện Kiều thật hoàn toàn nhờ vào thiên tài của tác giả chứ không hề tùy thuộc cái cốt truyện tầm thường là Kim Vân Kiều truyện của Từ Văn Trường.

GIẢN CHI

cảm đề truyện Kiều

NHẤT ANH

*Chén rượu thề hoa chữa ráo vàng,
Gánh tình xẻ nửa, khách đôi phương
Cầm trăng còn thoảng cung sầu nã
Phận bạc này đây cảnh phũ phàng !
Đội Đức sinh thành thôi phận thiếp
Để lời thệ hải phụ duyên chàng !
Mười lăm năm nhớp Sông Tiền rửa
Ai đó ngàn sau thấu đoạn trường !*

mạn hứng II

*Hành cước vô căn nhiệm chuyển
hồng*

*Giang Nam giang Bắc nhất nang
không*

Bách niên cùng tử văn chương lý

Lục xích phù sinh thiên địa trung

Vạn lý hoàng quan tương mộ cảnh

Nhất đầu bạch phát tán tây phong

Vô cùng kim cổ thương tâm sự

Ycựu thanh sơn tịch chiếu hồng.

mạn hứng II

*Chân nâng mặt khóm bông trôi nổi
Bến Bắc bờ Nam khách trắng tay
Xơ xác trăm năm đời hãn mặc
Lênh đênh sáu thước khoảng cao đầy
Mũ vàng muôn dặm đêm gần xuống
Tóc bạc lưng đầu gió lộng bay
Kim cổ mãi dài đau cuộc sống
Non xanh xưa đó bóng chiều nay.*

GIẢN CHI

NGUYỄN HIỂN LÊ &
TRƯƠNG VĂN CHÍNH

**tiếng “đâu”
trong truyện Kiều**

Ngoài giá trị vô song về văn học, truyện Kiều còn có một giá trị rất lớn về ngôn ngữ học mà chúng ta mới nhận chân được và bắt đầu khai thác từ mấy chục năm nay. Khi soạn những bộ Tự điển V.N. và ngữ pháp V.N., muốn qui định ý nghĩa những hư từ hay bán hư từ, ta phải dẫn văn thơ của cổ nhân để làm tỉ dụ, mà trong những áng văn thơ nôm còn lưu truyền tới ngày nay, truyện

Kiều có giá trị nhất về cả hai phương diện lượng và phẩm : lượng vì nó vừa dài lại vừa tả nhiều tình tiết, cảnh ngộ, cảnh vật, do đó giúp cho ta được rất nhiều tỉ dụ¹⁵ ; phẩm vì lối dùng tiếng của Nguyễn Du đúng hơn hết mà lời của ông lại có giọng bình dị, không chịu ảnh hưởng quá nhiều của Trung-hoa như Hoa Tiên hoặc Cung oán ngâm khúc.

Hội Khai-Trí Tiến-Đức đã nhận thấy vậy nên trong bộ Việt-nam Tự điển đã trích rất nhiều câu trong Kiều để cho vào phần Văn liệu. Nhưng có lẽ vì thiếu người, thiếu tài chánh, Hội chỉ mới kịp sơ thảo thôi, hình như nhớ đâu trích dẫn đó, không lục soát kỹ để tìm đủ cái nghĩa và cách dùng, của mỗi tiếng.

Theo cho chúng tôi biết, người đầu

15 Trong Kiều ta thấy xuất hiện đủ hạng người trong xã hội cổ, trừ hạng nông dân.

tiên có công lục soát đó là Phan Khôi. Trong cuốn Việt ngữ nghiên cứu (nhà xuất bản Văn nghệ, năm 1955), chương “Hư tự trong truyện Kiều”, ông viết :

“Dùng hư tự¹⁶ theo tôi thấy, Truyện Kiều của Nguyễn Du dùng đúng hơn hết, ta nên lấy đó làm gương mẫu. Tôi bèn đọc hết cả cuốn truyện, gặp mỗi hư tự thì lục riêng từng chữ ra với nhau, có chữ dùng năm ba lần hay mười, mười lăm lần, có chữ dùng đến năm bảy chục lần. Xong rồi tôi soát đi soát lại từng chữ, qui nạp nó vào một nghĩa hay mấy nghĩa và tìm thấy cái qui luật ứng dụng nó...” (trang 130)

Dùng phương pháp đó, ông phân

16 Danh từ này Phan Khôi dùng để trỏ tất cả “những chữ không cứ thuộc về tự loại nào mà đã không có hình thể lại không có đối tượng” như : nếu, bèn, mà, ừ..... (trang 129) ; như vậy, những tiếng ông gọi là hư tự gồm những tiếng mà chúng tôi gọi là hư từ và bán hư từ.

tích được ý nghĩa và cách dùng những tiếng : bao, bầy, bầy, đầu, đầu, đưa ra được nhiều nhận xét mới mẻ và gọi cho chúng ta phải suy nghĩ, tìm tòi thêm.

Chính vì đọc chương “Hư tự trong truyện Kiều” đó mà chúng tôi mới có ý viết bài này. Số là đọc đoạn ông viết về tiếng ĐẦU, chúng tôi thấy những nhận xét của ông tuy đại khái thì đúng song có chỗ chưa được minh bạch. Nhưng đọc kỹ lại lập luận của ông, chúng tôi không tìm ra được cái lẽ vì đầu mà đoạn đó không làm cho chúng tôi hoàn toàn mãn ý. Rút cục chúng tôi đành bỏ lập luận của ông, đi lại bước đường ông đã đi, nghĩa là lục hết những tiếng đầu trong truyện Kiều ra để ráng tìm ý nghĩa và cách dùng của nó ; và chúng tôi đã thấy Nguyễn Du dùng tiếng đó khoảng chín chục lần, theo những nghĩa dưới đây.

✱

1. “Đâu” diễn tả ý bất định.

Trường hợp này chỉ gặp độ mười lần trong truyện Kiều :

1’ Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào
1170

2’ Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh
đênh 2020

3’ Dón chân đứng núp đợi đâu nửa
giờ 1996

4’ Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này
406

5’ Tiểu thư lại giở những lời đâu đâu
1582

Mấy câu trên là những câu thường,
không phải là câu hỏi hoặc câu cảm

thán. Trong hai câu đầu, “đâu” trở một nơi nào đó. Câu 3’ “đợi đâu nửa giờ” nghĩa là đợi vào khoảng nửa giờ. Câu 4’ “cũng đâu thế này”, là cũng đại khái như thế này. Câu 5’ : “những lời đâu đâu” là những lời bâng quơ, không có căn cứ. Vậy “đâu” hoặc “đâu đâu” trong những tỉ dụ đó có một nghĩa chung là trở một cái gì bất định.

6’ Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy 1517

7’ Lạ tai nghe chưa biết đâu 947

8. Khắp thế giới đâu đâu cũng có chiến tranh (Câu này chúng tôi đặt ra, truyện Kiều không thấy dùng “đâu đâu” theo cái nghĩa khắp mọi nơi như vậy).

Ý nghĩa câu 6’ và 7’ là phủ định hẳn hoi, mà phủ định là vì có tiếng “chẳng”

(câu 6'), tiếng « chữa » (câu 7'), còn tiếng « đâu » trong hai câu vẫn chỉ có cái nghĩa không xác định (indéterminé) : (chẳng) đi đâu = (chẳng) vì một lẽ nào ; (chữa) biết đâu = (chữa) biết điều này hay điều khác. Rõ ràng nhất là câu 8 diễn ý khẳng định, “đâu đâu” nghĩa là ở nơi này hay ở nơi khác – ở mọi nơi.

So sánh hai tỉ dụ này :

a) – Đi đâu cũng gặp nó.

b) – Không tìm đâu ra nó.

thì ta thấy “đâu” vì có nghĩa là khắp nơi nên ở trong một câu khẳng định (a) thì làm cho ý khẳng định mạnh lên, mà ở trong một câu phủ định (b) thì làm cho ý phủ định mạnh lên; chứ bản chất nó, trong trường hợp 1 này, không có nghĩa khẳng định mà cũng không có

nghĩa phủ định, chỉ có nghĩa là nơi này hay nơi khác, là khắp nơi, rút cục cũng là cái nghĩa bất định.

2. “Đâu” dùng trong một câu hỏi, có nghĩa : ở chỗ nào¹⁷ ?

Tỉ dụ :

1’ Hỏi rằng : “Này khúc ở đâu ? ”
2573

2’ Này trong khuê các đâu mà đến đây ? 296

3’ Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu ? 1147

Trong truyện Kiều, chúng tôi thấy có năm sáu câu dùng tiếng “đâu” với nghĩa đó. Câu 2’ “đâu mà đến đây”, = ở đâu mà

¹⁷ Đúng như Phan Khôi đã nói (trang 143 sách đã dẫn) đâu thay cho đằng nào, cũng như bao thay cho bằng nào.

đến đây : lược trạng từ ở. Câu 3’ “vốn người để đâu ?” “đâu” từ cái nghĩa ở chỗ nào ? chuyển ra cái nghĩa để làm gì ? ; như ta thường nói : “Túi khôn của anh để đâu ?” = để làm gì mà không đem ra dùng ? “Đâu” trong trường hợp này đều đi với một trạng từ (verbe).

3. “Đâu” dùng trong một câu vừa có ý hỏi vừa có ý phủ định mà ý phủ định lẫn ý hỏi.

Trường hợp này dùng nhiều nhất, trên bốn chục lần. “Đâu” cũng đi với một trạng từ, thường là đứng sau nó, cũng có khi đứng trước mà không phải là do sự bó buộc vì luật bằng trắc trong thơ.

a. Đứng sau trạng từ (trên ba chục lần).

Tỉ dụ :

1' Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi
! 3156.

2' Người buồn cảnh có vui đâu bao
giờ ? 1244

3' Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thừa
! 336

4 Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa
đâu ! 262

Trong những câu đó, ý hỏi đã rất nhẹ, gần như chỉ còn ý phủ định: Còn tình đâu nữa = không còn tình nữa ; cảnh có vui đâu = cảnh không vui ; trẻ thơ đã biết đâu = trẻ thơ không biết gì ; thấy gì đâu nữa = không thấy gì nữa.

Câu 2' có ý hỏi mạnh hơn ba câu kia là vì có thêm tiếng “bao giờ” ; bỏ tiếng này đi thì ý hỏi sẽ chỉ còn rất nhẹ ; mà để nó thì ý hỏi cũng chỉ ngang ý phủ định thôi.

Chính vì lẽ ý phủ định lẫn ý hỏi nên cuối những câu 1', 3', 4' ta không nên đánh dấu hỏi (?) mà đánh dấu cảm thán (!). Ngay như câu 2', đánh dấu cảm thán cũng vẫn được.

Tuy nhiên ý hỏi không phải là mất hẳn, mà hỏi thì có nghĩa là nghi ngờ, cho nên những câu đó không phủ định mạnh bằng những câu dùng tiếng “không”, chẳng hạn : không còn tình nữa ; người buồn cảnh cũng không vui ; trẻ thơ không biết gì ; không trông thấy gì nữa.

So sánh với Hoa ngữ, chúng ta thấy rằng câu : “Quỉ thần an năng tri thủ sự” xây dựng cũng y như câu : “Quỉ thần biết đâu được việc đó” của ta ; và ý phủ định của nó cũng nhẹ hơn câu : “Quỉ thần bất năng tri thủ sự” tương đương với câu : “Quỉ thần không biết được việc đó” của ta. Về điểm đó, hai ngữ pháp giống nhau.

b. Đứng trước trạng từ (chúng tôi chỉ đếm được có bốn lần; có thể rằng chúng tôi còn bỏ sót, nhưng dù sao, trường hợp này cũng hiếm).

1' Nguyên người quanh quất đâu xa
147

2' Cũng người một hội một thuyền
đâu xa 202

3' Tin xuân đâu dễ đi về cho năng
368

4' Nhân duyên đâu lại còn mong¹⁸
1927

Cũng như trường hợp trên (đứng sau trạng từ), ý phủ định lẫn hản ý hỏi :
đâu xa = không xa ; đâu dễ = không dễ ;
đâu lại còn mong = không còn mong.

Đặt tiếng “đâu” trước trạng từ như

18 Về câu này xin coi thêm trang 109.

vậy, không phải là muốn trọng luật bằng trắc, vì trong lời nói hằng ngày, chúng ta vẫn thường nghe. Tôi đâu muốn vậy. – Việc đó đâu phải dễ. – Đâu có xa gì...

Ý phủ định trong trường hợp b này hình như có mạnh hơn trong trường hợp a một chút.

Tựu trung về ý nghĩa, trường hợp này cũng như trường hợp trên : “đâu” từ cái ý bất định biến qua ý hỏi, rồi biến lần nữa, thành ý phủ định. Luật đó, chúng ta có cách kiểm soát lại được : tìm những câu cấu tạo như những tỉ dụ trên (nghĩa là dùng tiếng “đâu” có ý hỏi mà như phủ định), nhưng có thêm một tiếng phủ định nữa, xem nghĩa có hóa ra khẳng định không, vì hai phủ định phải thành một khẳng định.

Trong truyện Kiều, chúng tôi kiểm

được hai câu (có thể rằng chúng tôi bỏ sót vài ba câu thôi, chứ không nhiều), xin chép lại đây:

1' Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh ? (= phải biết chứ) 1158

2' Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ? (= sẽ là chiêm bao) 444

Hai câu đều có ý khẳng định cả. Tất nhiên, tùy cách cấu tạo của mỗi câu, tùy những tiếng trong câu, mà ngoài cái ý khẳng định, câu 1' còn chứa thêm ý trách móc ; câu 2 diễn thêm ý nghi ngờ, tuy khẳng định nhưng chỉ có thể là chiêm bao thôi, chứ không nhất định là chiêm bao, vì trong câu dùng tiếng “biết đâu” mà tiếng này trở một sự phỏng đoán (biết đâu = biết đâu chừng). So sánh với Hoa ngữ, ta thấy câu 2> cấu tạo theo một ngữ pháp giống với ngữ pháp Trung-hoa.

Chẳng hạn câu : “Tái ông thất mã, an tri phi phúc” cũng dùng tiếng “an tri” tương đương với “biết đâu”, và cũng dùng tiếng “phi” tương đương với “chẳng”, mà dịch câu đó ra tiếng Việt, ta phải nói : “Ông lão ở biên cương mất ngựa, biết đâu chẳng là phúc ?”

Vậy ta có thể tin được rằng luật ở trang trên là đúng : ý hỏi biến ra ý phủ định.

Ngược lại, chúng tôi còn thấy ý phủ định và ý bất định dùng trong câu hỏi. Những tiếng không, chẳng, chưa vốn là những tiếng để phủ định :

Nó không ăn,

Nó chẳng chịu.

Nó chưa làm.

Rồi nó lần lần biến ra ý hỏi :

Nó ăn hay không ăn ? → Nó ăn hay không → Nó ăn không ?

Nó chịu hay chẳng chịu ? → Nó chịu hay chẳng ? → Nó chịu chẳng¹⁹ ?

Nó làm hay chưa làm ? → Nó làm hay chưa ? → Nó làm chưa ?

Thì ra có một liên lạc mật thiết giữa ý hỏi và ý phủ định : hỏi thành phủ định, phủ định thành hỏi ; hai ý đó chuyển lẫn cho nhau và chúng ta có thể viết : hỏi ∞ phủ định

19 Chẳng biến ra chẳng có phải là vì ở cuối một câu hỏi, giọng thường kéo dài ra, nên ta thường dùng tiếng có phù bình thanh (ton plein) ? Đọc lớn tiếng, ta thấy : “ Nó chịu chẳng ? ” vang hơn, ngân hơn là : “ Nó chịu chẳng ? ” Nếu giả thuyết đó đúng thì chúng ta có thể trả lời được câu hỏi này của Phan Khôi trong bài “Hư tự trong Truyện Kiều” (trang 131) : “Tại sao bao dài = dài bao nhiêu” biến ra : bao dài ? bao nhiêu biến ra bao nhiêu ?

Biến như vậy vì dài, nhiều ở cuối một câu hỏi. Mà ta nói bao lâu chứ không nói bao lắm cũng do lẽ đó nữa.

4. “Đâu” dùng với một ý hỏi rất nhẹ, nhất là với một ý gần như hoang mang, ngạc nhiên, cảm thán. Dùng như vậy, “đâu” thường biểu thị nhiều tình cảm. (très affectif)

Trường hợp này rất thường gặp trong truyện Kiều, trên ba chục lần; có một điểm giúp ta phân biệt được với trường hợp 3 là tiếng “đâu” không đi với một trạng từ mà thường đi với một thể từ (nom).

Thí dụ :

1’ Duyên đâu chưa kịp một lời trao
tơ 540

2’ Gió đâu sạch bức màn hình ảnh
213

3’ Khúc đâu Hán, Sở chiến trường
473

4' Kiệu hoa đâu đã đến ngoài 778

5' Người đâu gặp gỡ làm chi ? 181

6' Bồng đâu có khách biên đình sang
chơi 2166

7' Thoắt đâu thấy một tiểu Kiều
187

8' Phút đâu trận gió cuốn cờ đến
ngay 120

Những câu đó, tuyệt nhiên không có nghĩa phủ định ; có thể là hàm một chút cái nghĩa hỏi, nhưng là ngạc nhiên mà hỏi, hay hoang mang mà hỏi. Câu 1' diễn cái ý chua xót, câu 2' trở cái ý hơi ngạc nhiên ; câu 3', 4' có giọng cảm thán ; câu 5' có nghĩa hỏi nhưng nghĩa đó do bốn tiếng cuối “ gặp gỡ làm chi ? ”, còn tiếng “đâu” nghĩa cũng như ở câu 1' thôi ; ba câu cuối khác hẳn với những câu trên,

“đâu” đi với bỗng, thoát, phút, chỉ còn diễn cái ý ngạc nhiên.

Tới đây, ta có thể bổ túc thêm luật ở cuối trang 33 : tiếng đâu trở một ý bất định, đã biến nghĩa, diễn cái ý hỏi rồi ý phủ định, sau cùng lại biến một lần nữa, diễn cái ý ngạc nhiên, cảm thán, và ta có thể viết :

phủ định

bất định -> hỏi

ngạc nhiên,
cảm thán.

Chúng tôi còn nhận thấy luật đó chẳng những chỉ đúng với tiếng đâu, mà còn đúng cả với những tiếng khác cũng trở một ý bất định tiếng ai, chi, gì, nào, sao. Chúng tôi xin dẫn chứng :

a) Ý bất định.

1' Ai có thân người ấy lo, ai có bò người ấy giữ (Tục ngữ). (Ai = không trở rõ người nào).

2' Làm chi cũng chẳng làm chi,

3' Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao (Tục ngữ)

(Chi và gì = bất kỳ cái gì)

4' Muốn cách nào cũng được (= bất kỳ cách nào)

5' Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi. (1274) (= làm bất kỳ cách nào cho sỉ nhục...)

a) Ý hỏi.

1' Nào người tích lục tham hồng là ai ? 90

2' Vào luôn ra cúi, công hầu mà chi ?
2468

3' Nhà huyền chợt hỏi : « Cơn có gì
? » 224

4' Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề
nào ? 2546

5' Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên
? 2600

c) Ý phủ định nhiều hơn ý hỏi.

1' Một cây một buộc ai giằng cho ra
? (= không ai giằng cho ra) 1288

2' Tốt chi mà rước tiếng khen vào
mình ? (= không tốt) 1542

3' Thiệt đây mà có ích gì đến ai ? (=
không ích gì) 340

4' Nỗi gần nào biết đường xa thế này
? (= không biết) I790

5' Còn mang lấy kiếp má hồng được
sao ? (= không mang lấy) 798

Trong trường hợp c này, nếu dùng thêm một tiếng phủ định nữa thì nghĩa hóa ra khẳng định (cũng y như trường hợp 3 của tiếng đầu); tỉ dụ :

1' Ai mà chẳng hiểu điều đó ? (= ai cũng hiểu)

2' Làm chi mà chẳng được ? (= làm cái gì cũng được)

3' Anh nói gì mà nó chẳng nghe ? (= nói gì thì nó cũng nghe)

4' Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ứa ? (= vẻ nào cũng mặn, nét nào cũng ứa) 1282

5' Nghĩ mình chẳng hổ mình sao ? (= thật hổ mình) 3103

d) Diễn một cảm thán.

1' Lăn lữa ai biết hầy còn hôm nay !
(ý mừng và cảm động) 326

2' Ba sinh âu hẩn duyên trời chi đây
! (ý mừng) 282

3' Những mình nào biết có xuân là
gì ! (ý buồn tủi) 1240

4' Nào hay con Tạo trêu người (Cung
oán) (ý buồn và tức)

5' Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho
! (ý than thở) 1694

Xét vậy thì chúng ta thấy hình như từ cái ý bất định tới cái ý hỏi, rồi từ cái ý hỏi thêm cái ý phủ định, cuối cùng thêm ý hoang mang, ngạc nhiên, cảm thán, có

một sự liên lạc nào đó trong trình tự tư tưởng cho nên chúng ta mới tự nhiên dùng một tiếng (như đâu, hoặc ai, chi, gì, nào, sao...) để diễn tất cả những ý đó.

✱

Đấy, trong khoảng chín chục câu Kiều dùng tiếng “đâu” chúng tôi phân tích được những ý nghĩa và công dụng kể trên mà chúng tôi xin tóm tắt lại như sau :

1. Mới đầu tiếng “đâu” trở một cái gì bất định. Nó dùng trong một câu thường, không phải là câu hỏi và có thể đi với một trạng từ hay một thể từ.

2. Rồi dùng trong một câu hỏi, nó chỉ có cái ý hỏi, chứ không phát biểu ý gì khác ; Trong trường hợp này nó đi với

một trạng từ và luôn luôn đứng sau trạng từ.

3. Khi nó phát biểu thêm ý kiến (nghĩa là dùng trong một câu có phát biểu ý kiến) thì cái nghĩa hỏi của nó giảm đi mà thêm nghĩa phủ định, nghi ngờ. Trong trường hợp này, nó cũng đi với một trạng từ, đứng sau trạng từ nhiều hơn là đứng trước.

4. “Đâu” vẫn còn giữ một chút ý hỏi nhưng mất ý phủ định và thêm cái ý ngạc nhiên, cảm thán. Nó phát biểu tình cảm nhiều hơn là phát biểu ý kiến. Trong trường hợp này nó thường đi với một thể từ.

Sự biến nghĩa của nó theo trình tự nào, chúng ta không thể căn cứ vào đâu mà quyết định được, chỉ có thể đoán rằng

nghĩa 1 hoặc nghĩa 2 xuất hiện trước²⁰, nghĩa 3 và nghĩa 4 xuất hiện sau.

Phân tích và qui nạp như vậy rồi, chúng tôi đọc lại chương “Hư tự trong Truyện Kiều” của ông Phan Khôi và chúng tôi thấy kết quả của ông và của chúng tôi giống nhau nhưng những nhận xét để đưa tới kết quả thì lại khác nhau. Về tiếng “đâu” ông đưa ra hai luật :

Luật A.– “Đâu khi đi với một động từ²¹, phó từ, hình dung từ nào có sức làm cho ý hỏi của nó mạnh lên thì nó thành ra ý ‘ không ’ hay là ý phủ định”. (trang 136)

Với đọc luật đó, chúng tôi thắc mắc

20 Vì có người cho rằng đâu (cũng như ai, chi, gì, nào, sao) vốn là có nghĩa hỏi.

21 Những tiếng này, vì phương diện từ tính (nature des mots), chúng tôi sắp vào loại trạng từ adverb). Coi trong “Khảo luận về Ngữ pháp Việt Nam”, Đại Học Huế xuất bản – 1963.

tự hỏi : Trong những câu :

Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi
3156

Nguyên người quanh quất đâu xa
147

hoặc trong câu này mà ta thường nghe
nói :

Sự hy sinh của chiến sĩ đâu đã sút
giảm ?

thì tiếng nào là làm cho ý hỏi của “đâu”
mạnh lên ?

Xét lại thì chúng tôi thấy luật này
thuộc về trường hợp 3 của chúng tôi.
Ý hỏi của “đâu” nhẹ đi chứ không phải
mạnh lên ; mà sở dĩ nó nhẹ vì trong
những câu đó, người nói không phải chỉ
hỏi mà thôi, còn phát biểu thêm ý kiến, ý

kiến phủ định hoặc nghi ngờ.

Vả lại cứ xét câu :

Hiếu tình có lẽ hai bề vẹn hai ? 730

chúng ta thấy chẳng cần dùng tiếng “đâu” hoặc “nào” để hỏi, mà lại dùng hai tiếng “có lẽ” làm cho ý hỏi nhẹ đi mà nghĩa của câu cũng là phủ định.

Ngược lại, có trường hợp “đâu” đi với những tiếng làm cho ý hỏi mạnh lên như trong câu :

Mày có biết nó ở đâu không ?

(có... không ? làm cho ý hỏi mạnh lên, gắt lên), mà câu không có ý phủ định, chỉ có ý hỏi. Như vậy thì lối giảng của Phan Khôi chưa thật thỏa đáng.

Luật B.- Chữ “đâu” phủ định, khi nó đi theo sau một chữ phủ định khác thì

nó làm cho ý phủ định của câu càng gắt hơn ; nhưng khi nó đứng trước một phủ định khác thì mới kể là hai phủ định làm thành ra khẳng định để chỉ cái khả năng tính”. (trang 137).

Rất đúng mà cũng thật mới mẻ.

(a) Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy 1517

“Đâu” đứng sau tiếng phủ định “chẳng”, làm cho ý phủ định của câu gắt hơn.

(b) Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh 1158

“Đâu” đứng trước tiếng phủ định phủ định “chẳng”, kể là hai phủ định làm thành ra một khẳng định. Cơ hồ như chỉ đảo ngược vị trí của “đâu” mà ý câu cũng đảo ngược lại. Tại sao lại lạ lùng như vậy?

Chỉ tại Phan Khôi cho “đâu” đi với “chẳng” và xét vị trí của hai tiếng đó đối với nhau. Sự thực cả trong hai câu “đâu” với “chẳng” phải tách rời nhau ra; “đâu” đi với đi (đi đâu) và “chẳng” đi với đi trong câu (a), đi với biết trong câu (b).

Phân tích như vậy, chúng ta sẽ thấy “đâu” trong câu (a) thuộc trường hợp 1 và “đâu” trong câu (b) thuộc trường hợp 3 của chúng tôi; và chúng ta không còn thấy có gì là lạ lùng, khó hiểu nữa.

Nhưng có lẽ Phan Khôi cũng nhận thấy như vậy ; chỉ vì ông viết vắn tắt, không phân tích tỉ mỉ nên luật B của ông tuy đúng mà cách phô diễn luật đó làm cho ta bối ngỡ, khó hiểu, thể thôi.

Tóm lại, nếu chúng ta muốn sửa lại hai luật của Phan Khôi cho thêm rõ ràng thì chúng tôi xin đề nghị sửa như vậy

(sau khi sắp đặt lại cho có thứ tự) :

Luật 1 – “Đâu” vốn trở một cái gì bất định, có nghĩa là chỗ này hoặc chỗ khác, bất kỳ chỗ nào, mọi nơi; như vậy đứng trong đứng trong một câu khẳng định, nó làm cho ý khẳng định mạnh lên mà đứng trong một câu phủ định cũng làm cho ý phủ định mạnh lên.

Luật II – “Đâu” dùng trong một câu bày tỏ ý kiến thì vừa có ý hỏi, vừa có ý phủ định, do đó ý hỏi của nó nhẹ đi. Cũng trong một câu như vậy, nếu ta thêm một tiếng phủ định nữa thì thành ra có hai ý phủ định, tức là có ý khẳng định, nhưng khẳng định mà không quyết liệt mà có ý nghi ngờ, vì “đâu” vẫn còn chút ý hỏi mà hỏi thì có nghĩa là nghi ngờ nhiều hay ít.

✱

Chúng tôi chưa dám chắc rằng sự phân tích của chúng tôi đã đúng, sở dĩ cho đăng bài này là để chất chính cùng chư vị độc giả. Phải có nhiều người nghiên cứu rồi mới có thể châm chước ý kiến của số đông mà tạm quyết định được.

Nhưng công việc phân tích này cũng đã giúp chúng tôi rút được hai nhận xét dưới đây :

1. Môn ngôn ngữ học là một môn rất phức tạp. Tìm ra được một định lệ thực là khó khăn mà lắm khi cũng táo bạo nữa vì có thể cùng một tiếng mà mỗi người hiểu theo một nghĩa. Hiểu theo hai nghĩa khác nhau mà phân tích thì kết quả khác hẳn nhau rồi, có khi ngược nhau nữa. Nhất là trong thi ca, nhiều khi

phải tìm hiểu nghĩa rồi mới định được vị trí của mỗi tiếng mà phân tích được (vì phân từ pháp morphologie — của mình không có gì). Chẳng hạn ở trên chúng tôi đã phân biệt tiếng “đâu” đi với một trạng từ (trường hợp 2, 3) và tiếng “đâu” đi với một thể từ (trường hợp 4). Nhưng nhiều khi nó đứng sau một thể từ và trước một trạng từ:

Gió đâu sịch bức màn màng 213

Tin xuân đâu dễ đi về cho năng 368

thì làm sao biết được nó đi với tiếng nào ? Đành phải tìm hiểu nghĩa trong câu. Trong hai câu trên, ý nghĩa rõ ràng, ta phân tích được : câu trên, “đâu” đi với gió, hơi có ý ngạc nhiên ; câu dưới “đâu đi với dễ” = tin xuân đâu dễ = tin xuân không dễ gì ...

Nhưng còn những trường hợp khó phân tích vì hiểu cách nào cũng có lí ít hay nhiều, như câu :

Nhân duyên đâu lại còn mong 1927
thì nên cho “đâu” đi với nhân duyên” hay
là đi với lại ?

Rồi lại như trường hợp câu này nữa :

Tiếc cho đâu bỗng lạc loài tới đây ?
1067

Theo hình thức của câu thì “đâu” đi với “lạc loài” và thuộc vào trường hợp 3 của chúng tôi. Nhưng thực ra không phải vậy : câu đó không có nghĩa phủ định mà có nghĩa hỏi; và ta phải hiểu rằng “đâu” đi với một tiếng khác, tiếng người hay ở hiểu ngầm (Tiếc cho đâu = tiếc cho người đâu, hoặc tiếc cho ở đâu), mà nếu cho nó đi với tiếng người thì phải sắp

vào trường hợp 4, cho nó đi với tiếng ở thì phải sắp vào trường hợp 2. Hiểu cách nào cũng được. Thực là rắc rối. Cho nên có người nói rằng trong ngôn ngữ chỉ có cái khái quát. Thật đúng quá.

2. Mỗi tiếng, nhất là những hư từ, bán hư từ, tuy có một tính cách nhất định, không thể lẫn lộn với tiếng khác được, nhưng nghĩa của nó thì cơ hồ như không nhất định, có nhiều tiểu dị, biến thái tùy những tiếng đứng trước đứng sau nó, có khi tùy nghĩa cả câu, lại có khi chỉ tùy cái giọng người nói thôi. Là vì cảm xúc, ý tưởng của loài người thì rất nhiều mà dụng ngữ để diễn tả thì thiếu thốn. Một người như Nguyễn Du cảm xúc và ý tưởng phong phú, tế nhị hơn người thường nhiều mà dụng ngữ để phô diễn thì cũng chỉ có chừng đó ; vậy mà tiên sinh diễn được hết, diễn khéo hơn

những người khác, chỉ nhờ tiên sinh sắp đặt những tiếng với nhau trong một câu để cho tiếng này chiếu vào tiếng khác, thanh âm này ảnh hưởng tới thanh âm nọ, ta có cảm giác rằng Việt ngữ nhờ tiên sinh mà phong phú thêm lên, tinh xác hơn lên, tế nhị hơn lên. Thiên tài ở chỗ đó, và đó là điểm ta nên để ý tới mà đem ra phân tích khi đọc truyện Kiều. Tiếng “đâu” vốn trở một cái gì bất định mà phân tích tám chục câu của tiên sinh ra, chúng tôi đã gom lại được bốn nghĩa chính ; nhưng trong mỗi nghĩa chính vẫn còn những tiểu dị (nuance) chẳng hạn trong sáu câu chúng tôi dẫn làm tỉ dụ trong trường hợp 4 thì tiếng “đâu” cũng đã bốn nghĩa khác nhau rồi. “Đâu” trong câu 2’ : « Gió đâu sịch bức màn幔 màn » không hẳn là “đâu” trong câu 1’ : “Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ”; mà “đâu” trong câu 1 cũng không băng khuâng mà

tình tú, như “đâu” trong câu 5’ : Người
đâu gặp gỡ làm chi ? ; rồi “đâu” trong câu
6’ : “Bỗng đâu có khách biên đình sang
chơi” lại khác những tiếng “đâu” trong
các câu trên. Khả năng của ngôn ngữ hay
ảo thuật của bút pháp ?

NGUYỄN HIẾN LÊ và
TRƯƠNG VĂN CHÍNH

THÁNG MƯỜI PHÁT HÀNH
SÔNG MÃ BỐN

gió mùa

Tiểu thuyết thứ Ba của

NGÔ THẾ VINH

thơ Vương-Thúy-Kiều viếng
nữ giáo-thư Lưu-Đạm-Tiên

Hương hồn hà xứ khứ ?

Bằng diếu thống tâm tai !

Minh nguyệt lãnh uyên bị,

Ám trần phong kính đài.

Ngọc tuy hoàng thổ ệ,

Danh vị bạch vân mai,

Thương hữu như Thăng tửu.

Võ nhân diện nhất bôi.

DỊCH :

Hương hồn đâu vắng tá ?

Viếng mộ xót lòng thay !

Mền yên trăng chiếu lạnh,

Đài gương bụi phủ đầy.

Đất vàng ngọc dù lấp²²,

Mây trắng tiếng còn dài.

Rượu như nước sông đó²³,

Nào ai dâng chén đây ?!!!

LÊ NHÂN PHỦ dịch

22 Còn dịch thể nữa : Ngọc dù đất vàng lấp, / Danh cùng mây trắng bay,

23 Tả truyện : “Hữu tửu như Thăng”.

VÕ HỒNG

nhân vật Thúc Sinh

Trong những người đàn ông Thúc Kiều có cảm tình, tưởng không ai được nhiều may mắn vẹn toàn cho bằng anh chàng lái buôn Kỳ Tâm họ Thúc. Kim Trọng, người mang danh là có điểm phúc, thật ra đâu có điểm phúc hoàn toàn. Chàng đã vì Kiều mà tổn không biết bao nhiêu nước mắt để mài mực chép thơ, gửi người nhắn nhe tìm hỏi. Khóc đến ngất xỉu đi, nhớ nhung đến mình ve xơ xác, cuối cùng sau 15 năm, Kim Trọng có gặp lại được Kiều nhưng hỏi còn gì nữa ở một nàng Kiều ê chề

ong qua bướm lại. Dẫu chàng Kim có an ủi Kiều rằng “Hoa tàn mà lại thêm tươi. Trăng tàn mà lại hơn mười năm xưa...” nhưng chắc chắn là không ai dễ tin như vậy. Người bị thiệt thòi rõ ràng là Kim Trọng, điều đó không ai có thể phủ nhận được.

Từ Hải thì nhận một số phận bi đát hơn. Bao nhiêu công lao bị phui sạch trong một phút sa cơ chỉ vì đại nghe lời đàn bà, họ Từ uất tức đến nổi nộ khí xung thiên chết đứng giữa trận. Thúy Kiều quả thật là loại đàn bà “gieo tai họa”.

Thúc Sinh được diễm phúc hơn Kim Trọng và Từ Hải. Gặp Kiều ở chốn thanh lâu, cảm vì sắc đẹp và tài hoa của nàng, Thúc Sinh chuộc Kiều về. Thật là dễ dàng bởi lẽ Thúc Sinh có sẵn tiền. Sống tràn trề trong hạnh phúc suốt một năm rưỡi trời với nhau, rồi chỉ vì sự nhút nhát vụng

dại của chính Thúc mà Kiều mắc nạn bởi tay Hoạn Thư. Sau khi thoát được tay họ Hoạn, Kiều tiếp tục con đường luân lạc giang hồ của mình, trải qua không biết bao nhiêu vòng tay đàn ông để may mắn gặp được Từ Hải. Nếu Từ Hải không trở thành Đại vương, nếu Kiều không có sáng kiến đến ơn trả oán, nếu không có hai đạo binh đi lục tìm cho được cừu nhân và ân nhân thì ta đã mất hút vĩnh viễn anh chàng họ Thúc rồi. Thúc Sinh không phải là loại người tạo ra thời cuộc, chuyển đổi trận thế, bắt hoàn cảnh chiều theo ý mình, bắt người khác phục tùng lệnh mình. Thúc Sinh là loại người thụ động, loại người hưởng thụ. Ấy thế mà trong cảnh run sợ bội phần giữa nơi hổ trưởng, anh chàng bỗng được thưởng đến trăm cuốn gấm, nghìn cân bạc. Tiếp tới, vợ được tha bổng. Sau khi vợ “lạy trước sân mây” tạ ơn tha chết, anh chàng

đưa vợ về hẳn là từ đó chí thú làm ăn nên cho đến hồi kết thúc ta không còn nghe ai nhắc đến anh hết. Sau này, Kim Trọng có tìm hỏi anh về tin tức Kiều nhưng bấy giờ anh đóng một vai rất đổi bàng quan, kể lại chuyện nàng như bất cứ một người nào khác biết rồi kể lại...

Con người may mắn một cách tầm thường đó, may mắn bởi vì tầm thường đó, con người đó được Nguyễn Du mô tả tâm lý một cách khéo léo sinh động. Nguyễn Du không tả dung mạo của Thúc Sinh. Trong những nhân vật của Đoạn trường Tân-thanh, Nguyễn Du chỉ tả tỉ mỉ Thúy Kiều và Từ Hải vì Kiều là người mà Nguyễn Du xem như cùng chung số phận với mình và Từ Hải là người mà Nguyễn Du mộng tưởng. Ngoài ra, các nhân vật khác đều chỉ được tả sơ lược. Có những nhân vật có đóng vai quan hệ

trong Kiều nhưng tác giả không hề tả, ví dụ Thúc Sinh và Hoạn Thư. Có lẽ tác giả nghĩ rằng : tả một anh chàng nhà buôn mê gái mà sợ vợ thì thuật lại những cử chỉ hèn nhát, những lời nói giấu quanh sẽ khéo làm nổi rõ nhân vật hơn là tả dáng dấp. Đối với Hoạn Thư cũng vậy. Tả Hoạn Thư đẹp thì làm mờ mất nhan sắc Thúy Kiều, mà tả nàng xấu thì không xứng là địch thủ của Kiều. Tác giả để cho ta tưởng tượng lấy.

Nhân cách Thúc Sinh thật là một nhân cách hết đời tầm thường, một nhân cách ta có thể gặp ở bất cứ nơi nào. Theo cha mở ngôi hàng ở Lâm-truy, Thúc Sinh đã mộ tiếng hoa khôi của Kiều mà tìm đến. Lại gì một anh chàng háo sắc, khi gặp đóa “hải đường mơn mớn cành tơ” thì Thúc Sinh say mê, bỏ tiền ra quyết chuộc cho được Kiều. Trong hồi hăng

hái, Thúc đã lớn tiếng hứa hẹn :

Đường xa chó ngại Ngô Lào

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.

Hứa là thế mà khi Thúc Ông tố cáo nàng ra trước cửa công, Kiều bị bắt ra phủ đường, bị quan gia hình thì Thúc Sinh chỉ biết khóc và than.

Nóng lòng chẳng biết nghĩ sâu

Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai.

Nếu Tri phủ không phải không phải là người thính tai, nếu Thúy Kiều không có kinh nghiệm làm thơ Đường luật thì nhất định là Thúy Kiều đã lại bị phò về lầu xanh và Thúc Sinh sẽ chỉ biết gạt nước mắt lủi thủi trở về để sau đó đi tìm một đóa hải đường khác. Con nhà buôn vốn nhiều tiền và hải đường thời bấy giờ

không hiểm. Thúc Sinh không có phản ứng, Thúc Sinh không dám phản ứng. Cuộc đời của anh là do người khác xếp đặt, do ông tri phủ biết thưởng thức văn chương và do Thúc Ông có độ lượng. Thúc Sinh chỉ biết hưởng thụ. Trước kia anh “miệt mài trong cuộc truy hoan”, thì sau này anh “mảng vui rượu sớm trà trưa”, Thúy Kiều phải suy tính thiệt hơn nhắc anh về xin phép vợ . Cả. Anh nghe lời về đến Vô-tích nhưng lại nhút nhát ngại khó đến không mở miệng ra nói được. Con người nhút nhát sợ vợ đó đã tìm ra những cớ làm bình phong để mà ỉn núp :

... Nào ai có khảo mà mình lại xung.

... Rút dây sự nữa động rừng lại thôi.

Thúy Kiều đã trả giá đắt sự nhút nhát của anh. Bị đánh ba chục gậy ở nhà Hoạn

bà, bị bắt về nhà Hoạn Thư để đăng làm đầy tớ, bị điệu ra sỉ nhục trước mặt anh trong khi anh đình ninh nàng đã bị chết cháy. Phản ứng của anh như thế nào ?

Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi rỏ sa.

Lúc nào cũng nước mắt, chỉ có nước mắt, cả ngay trong việc đối phó với vợ. Lại còn hạ mình để nói dối nữa. Bảo rằng vừa mãn tang mẹ nên nét mặt không vui, trong khi Hoạn Thư biết rõ là chỉ vì Hoa Nô ra lạy mừng anh khiến anh phải hồn xiêu phách lạc. Hoạn Thư khen mỉa một câu :

Khen rằng : “Hiếu tử đã nên

Không biết Thúc Sinh có hiểu nổi là lời khen đó thành thật hay mai mỉa.

Thúc Sinh còn khóc ở nhiều đoạn nữa. Khi Kiều phải đứng hầu rượu bị

Hoạn Thư “bắt khoan bắt nhặt đến lời, bắt quì tận mặt bắt mời tận tay”, thì anh “giọt dài giọt ngắn”. Khi Kiều phải đàn hầu vợ chồng anh tiếng đàn như than như khóc thì anh “giọt châu lã chã khôn cầm”. Hoạn Thư đi vắng anh lên ra Quan-âm-các đề gặp Kiều thì cũng lại “giọt châu tầm tã đầm tràng áo xanh.”

Người đàn ông của Nguyễn Du thường mau nước mắt, ngoại trừ Từ Hải vì phải chết gấp gáp không có đủ thì giờ để thở than khi chiến bại. Kim Trọng khóc không thua Thúc Sinh. Hết “dầm dề hạt ngọc thần thờ hồn mai”, đến “máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao” hoặc “Tuôn cầu đòi trận, vò tơ trăm vòng”. Thúc Sinh hơn Kim Trọng là bên cạnh tài khóc anh được có thêm tính nhát gan và tinh thần vô trách nhiệm. Đáng lẽ phải tìm cách giải phóng Kiều, anh lại

viện lẽ rằng mình vì chưa có chút chi nổi
dối tông đường nên dù cũng toan sống
thác với tình cho xong, mà không được.
Thôi thì nàng hãy :

Liệu mà xa chạy cao bay

Ái ân ta có ngần này mà thôi.

Liệu làm sao, một người đàn bà yếu
đuối bơ vơ đang nằm giữa nanh vuốt của
một người đàn bà khác có cơ quyền như
vợ anh ? Đáng lẽ anh mới là kẻ phải liệu.
Nhưng gặp trở ngại quá tầm giải quyết
của anh – trở ngại nào cũng quá tầm giải
quyết của anh hết, – anh tuyên bố gọn là
đến đây ái ân chấm dứt. Thật là dễ dàng
một cách lý tưởng. Giải quyết là việc của
đàn bà. Anh mong họ tạo điều kiện để
anh được :

Biết bao giờ lại nổi lời nước non.

Anh đúng là người vừa nhút nhát vừa tham lam,

Một người như thế mà được Kiều yêu chung thủy tận tình thì thật là người tốt phúc. Khi Từ Hải thành công, Kiều báo ân cho anh trước nhất. Tặng phẩm hậu hĩ. Chỉ tội cho anh đã phải một mẻ sợ, sợ đến “mặt như chàm đồ, mình nhường giẽ run”, sợ đến “mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm”.

Nguyễn Du đã tạo một nhân vật Thúc Sinh tầm thường và đặt anh vào những trường hợp hãn hữu để anh biểu lộ trọn vẹn sự tầm thường của anh. Một trong những trường hợp hãn hữu đó là khi anh kể chuyện Kiều gặp Từ Hải cho Kim Trọng nghe. Ở từ miệng anh, anh có đủ đức tự ti để mà ca tụng Từ Hải bằng những câu :

Gặp nàng thì ở Châu-thai

Lạ gì quốc sắc, thiên tài phải duyên

thì thật là quá đáng. Người đàn ông thường bị chạm tự ái khi đối diện với tình địch. Hoặc là dũng được tiến lên trấn áp, hoặc là im lặng nuốt hận chịu thất bại. Ca ngợi Từ là thiên tài phải duyên với nàng Kiều quốc sắc, tức là Thúc Sinh to tiếng nhận mình là kẻ hèn kém tầm thường. Thúc Sinh không chịu chỉ để người khác chê mình. Thúc Sinh phải tự lên tiếng chê mình mới thấy đáng.

Lý do nào đã khiến Nguyễn Du tạo ra nhân cách Thúc Sinh kém cỏi như vậy? Có phải đó là một tâm lý trả thù chăng? Thời đại của Nguyễn Du đã chứng kiến sự suy sụp của Nho giáo, sự bột hưng của giới thương nhân. Chúa Trịnh bán quan tước cho kẻ nào trả tiền. Nhà buôn

giàu có bỏ tiền ra mua quan tước, dùng đồng tiền mà lấn át trí thức. Nguyễn Hữu Chinh, con nhà buôn, đã một thời thao túng chính trường, làm mưa làm gió ở Bắc-hà. Có phải vì cảm tức là thương nhân gặp thời mà Nguyễn Du đã hành hạ Thúc Sinh, bắt anh làm trò cười trước mặt Hoạn Thư, đại diện của giới Nho sĩ khôn ngoan tinh tế.

Xét về phương diện xây dựng cá tính nhân vật, ta thấy trong suốt Đoạn trường Tân-thanh chỉ có vợ chồng Thúc Sinh là giống với nhân vật thật sự ngoài đời hơn hết. Đó là những người vừa tốt vừa xấu, biết tùy nghi mà nên tốt hay nên xấu. Nhân vật Hoạn Thư uyên chuyển trong việc biểu lộ tâm lý. Dù giận chồng đến bạc mà nghe đầy tớ mách chồng có vợ lẽ thì làm bộ giận dữ mà

Vội vàng xuống lệnh ra uy

Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.

Bắt được Kiều, hành hạ Kiều trước mặt Thúc Sinh, làm khổ người tình địch, làm khổ người chồng phụ bạc là Hoạn Thư hả dạ. Hoạn Thư không thể tàn ác hơn. Người đàn bà có gia giáo đó biết dùng tay độc ác vì bụng liên tài:

Rằng : Tài nên trọng mà tình nên thương.

Cho Kiều vào tu ở Quan-âm-các, bắt gặp chồng lên đến thăm Kiều mà vờ như không biết, Kiều cắp chuông khánh mà không tìm bắt, thật quả là người đàn bà

Ở ăn thì nét cũng hay

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.

Thật đúng là một tiểu thư khôn ngoan biết cân nhắc, lúc nào nên độ lượng lúc

nào đừng, lúc nào cần đánh ác, lúc nào không.

Thúc Sinh thì không anh hùng bởi vì anh là đại diện cho con người thực chất, con người có nhiều yếu đuối, nhiều đam mê, nhiều khuyết điểm. Khi yêu tha thiết say đắm thì anh hứa hẹn không tiếc lời, khi phải cân nhắc lợi hại thì anh biết tàn nhẫn mà chạy theo cái lợi. Thật là con người bình thường, con người thăng bằng, con người sản phẩm của xã hội, thành phần đông đảo tạo thành xã hội. Trong cái đám đông những Thúc Sinh đó, thỉnh thoảng mới thấy vượt lên một nhân cách phi thường của Từ Hải. Bên cạnh Thúc Sinh, Kim Trọng, Thúy Kiều cũng là những nhân cách trung bình, cũng biết cân nhắc hơn thiệt, cũng biết tùy thời mà xử sự, nhưng vì phải tuân theo đường hướng của câu chuyện nên

họ phải chịu nhận mỗi người một cá tính điển hình. Thúy Kiều thì chỉ toàn nghĩ tốt và làm phải. Trong suốt đời nàng chỉ có một lần làm ác là lúc hành hình lữ Tú Bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh... nhưng tác giả lại đổ tại luật Trời :

Cho hay muôn sự tại trời.

Kim Trọng thì phải đóng vai chung tình vì thiếu đức tính này thì không thể có cuộc tái hợp. Những nhân vật thì hoặc tốt hẳn hoặc xấu hẳn, trung nịnh rõ ràng : Quyển truyện chỉ có 3254 câu thơ, không đủ chỗ để mỗi người có dịp vừa tốt vừa xấu.

Tóm lại, nhân vật Thúc Sinh không gây thán phục nơi kẻ bàng quan nhưng có biết bao nhiêu người đàn ông soi thấy bóng mình trong đó. Có lẽ độc giả phụ nữ cũng không ưa nhân cách của anh

nhưng ý hẩn trong cuộc sống thân mặt
anh có những ưu điểm rõ ràng nên dù
cho đã đi lấy chồng khác rồi mà Thúy
Kiều vẫn không quên mời anh đến để
báo đền thâm hậu,

VÕ HỒNG

ĐÓN ĐỌC:

Tập-san GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Nguyệt san phát huy văn nghệ dân tộc

Số 4, phát hành 1-9-65

Nhiều bài vở đặc sắc hơn.

thơ Vương - Thúy - Kiều
tạ Đạm-Tiên hiển hiện

Tây phong hà xứ khởi.

Trận trận sử nhân ai,

Thảm thiết như hàm oán.

Thê lương tự hữu hoài,

Thừa loan nghi trụ khứ,

Khóa hạc nhạ trùng lai,

Bất đoạn hương hồn xứ.

Thương thương lý ẩm đài.

DỊCH :

Gió tây hiu hắt thổi.

Trận trận chạnh lòng thương !

Oán càng thêm thảm thiết,

Lòng lại gọi thê lương.

Xe loan ngò đã vắng,

Bóng hạc lạ vừa sang

Hương hồn còn phảng phất

Giấy in rêu rõ rang !

LÊ NHÂN PHỦ dịch

NGUYỄN VĂN XUNG

**mụ Quán gia,
một nhân vật lành mạnh
trong truyện Kiều**

Đọc những bài khảo luận lâu nay về Đoạn Trường Tân Thanh, tôi không khỏi ngạc nhiên rằng các nhà phê bình – kể cả Ông Nguyễn Bách Khoa nữa – đã quên lãng mất một nhân vật rất quan trọng, một nhân vật có thể nói là có một nhân sinh quan lành mạnh nhất, có lập trường rõ rệt, có phương châm xử thế vững vàng, có cá tính riêng biệt, nhất

Mụ quán gia, một nhân vật lành mạnh...

là làm tiêu biểu cho một tầng lớp căn bản của giai cấp cần lao ở xã hội Việt-nam ham sống, thiết thực, nhẫn nại và cố gắng, thức thời và luôn luôn tìm cách thích ứng với hoàn cảnh ; tôi muốn nói đến mục Quản gia của nhà Hoạn Thư. Đã đành Nguyễn Du chỉ dành cho nhân vật này có mấy câu, song không phải vì thế mà giá trị xã hội và nhân văn của nó mất tầm quan trọng để đến nỗi bị quên lãng hoàn toàn.

*

Xét kết cấu Đoạn Trường Tân Thanh, tôi thường nghĩ vai trò của mục quản gia hầu như không cần thiết lắm cho động tác câu truyện. Mục chỉ là người chứng kiến, đồng cảnh nhưng bất lực, của một trong những giai đoạn đau khổ nhất của

cuộc đời Vương Thúy Kiều. Chúng ta có thể nói là mù ở ngoài hướng đi của động tác trong truyện. Nhưng tại sao tác giả lại tạo ra Mụ, và tại sao, chỉ qua mấy câu thơ sơ lược, chúng ta đã có cảm tình ngay với mụ ? – Phải chăng vì mụ là nhân vật tiểu thuyết rất xứng đáng với danh từ này : làm đại biểu, một đại biểu đáng mến của một hạng người rất phổ biến trong xã hội, trong dân tộc ?

Trong Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du đã tạo ra rất nhiều nhân vật điển hình. Tựu chung chúng ta có thể chia làm hai loại : – loại những nhân vật “ lý tưởng ” [Hiểu theo nghĩa văn chương, không phải luân lý] và loại những nhân vật thực tế – Loại nhân vật trên được lý tưởng hóa, gồm có hai mẫu thanh niên đẹp : – Kim Trọng, người thư sinh nho nhã, – Từ Hải,

Mụ quản gia, một nhân vật lành mạnh ...

vai diễn sĩ ngang tàng, và một giai nhân lý tưởng : Vương Thúy Kiều. Loại dưới gồm có những nhân vật phản ánh xã hội với ít nhiều trung thành cũng chia ra làm hai hạng : – Hạng “xấu” : Mã Giám Sinh, một con buôn trục lợi ; Tú-bà Trùm đi, Sở Khanh, bịp bợm ; Hoạn Thư, đàn bà ghen v.v.. Hạng tốt : Giác Duyên, xuất thế ; Vương Thúy Vân người con gái phúc hậu ; Mụ Quản gia người lao động có lương tri...

Nói chung, các nhân vật có căn bản tốt đều có những cá tính, những phương châm xử thế khác nhau. Nhưng xét kỹ những cách họ tiếp vật, xử sự, những phản ứng của họ trước các biến cố của cuộc sống thì hoặc họ tiêu cực (Giác Duyên), táo bạo (Tù Hài), thụ động (Kim Trọng, Vương Quan, Vương Thúy Vân)... chỉ có Mụ quản gia là có được

một thái độ hợp lý và hợp thời.

Khi, do mưu mô của mẹ con Hoạn Thư, Kiều bị Khuyển Ưng bắt đưa về Vô-tích làm thị tì cho nhà họ Hoạn khi nàng phải :

Ra vào theo lũ thanh y

Dãi dầu tóc rối, da chì quần bao

thì ngẫu nhiên nàng gặp mục quản gia :

Quản gia có một mục nào..,

Tác giả không cho chúng ta biết tên tuổi cùng lai lịch của Mục. Một người xuất thân trong đám hầu hạ, cần gì phải có tên tuổi, lai lịch ? Nếu Mục được lên chức quản gia, có lẽ vì tận tụy và đặc lực với nhà chủ, thế thôi. Thân phận mục cũng như là của trăm nghìn người hầu hạ vô danh khác ; nhưng con người gốc gác

bình dân, mà cảnh sống đã biến thành tay sai của chủ nhà ấy, không đánh mất cái căn bản nhân ái của hạng người lao khổ, hạng người vốn biết rất rõ giá trị của những sự giúp đỡ lẫn nhau trong cảnh nghèo khổ, rủi ro. Vì thế mà khi mới gặp Kiều, Mụ đã tỏ ra có cảm tình ngay :

Thấy người thấy nết ra vào mà thương

Khi chè chén, khi thuốc thang...

Bây giờ ta hãy nghe Mụ khuyên Kiều ngay trong buổi sơ ngộ ấy :

Rủi may may rủi đã dành

Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay

Cũng là oan nghiệt chi đây

Sa cơ nên mới thế này chẳng dung

Ở đây tai vách mạch rừng

Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi

Kẻo khi sấm sét bất kỳ

Con ong cái kiến kêu gì được oan !

Trước hết Mụ nhận xét về người rất tinh xác : mới nhìn Kiều mụ biết ngay là nàng không phải xuất thân từ hạng tôi đòi, mà chỉ vì “oan nghiệt” nên mới “sa cơ” đến thế này. Sau nữa, Mụ nhận định tình thế rất sáng suốt. Cố nhiên Mụ thừa nhận có một cái “phận” mà Mụ gọi rất đúng là sự “may rủi”. Vì may mà mụ được cất lên làm quản gia, cũng như vì rủi mà Kiều phải hạ xuống ngang phận tôi đòi, chứ xét ra hai người cũng không khác nhau là mấy. Điều đáng chú ý là trước sự may rủi ấy, thái độ của Mụ tuy có vẻ thụ động – thụ động trước những điều kiện bất khả để kháng – nhưng vẫn có tính chất chủ động hơn là bị động.

Mụ khuyên Kiều nên khôn ngoan : thấy Thúc Sinh không nên nhìn nhận ngay. Chúng ta phải nhìn nhận rằng không nhìn nhận Thúc Sinh là một phản ứng chủ động, vì có chủ trương trước. Chính sự nhận Thúc Sinh để mong được cứu vớt một cách tuyệt vọng mới là thụ động. Vì là một con người sáng suốt, nên Mụ quản gia vốn thấu rõ tâm lý từng người trong gia đình, Mụ còn lạ gì sự bất lực, sự “bốc rời” của Thúc Sinh, mà trông đợi ở chàng trong công việc cứu vớt ấy ?

Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi

Ông Nghiêm Toàn “ngờ rằng lời dặn dò này do mẹ con Hoạn Thư bắt Mụ quản gia sang tai lại cho Kiều²⁴” điều ngờ vực này có thể rất đúng, nhưng lập trường của Mụ khi nói những lời này không

24 Trong Tập san “Chi Đạo”, “Tình Thương”, Sài-gòn, 1957. Bài nhan “Nguyễn Du, ngòi bút tả ghen thần diệu”, của Nghiêm Toàn.

phải vì chủ nhà mà vì Kiều. Điều đó ta phải nhận rõ qua giọng nói âu yếm và ân cần của Mụ. Đến câu khuyên cuối cùng của Mụ, thì là một nhận xét tinh tường và xác đáng, xứng đáng làm câu châm ngôn cho hết thảy mọi người đang sống trong cảnh hèn mọn :

Con ong cái kiến kêu gì được oan !

Mụ quản gia thật đã am tường tình cảnh của những người lao động khổ khó vậy.

Chỉ qua vài cử chỉ, và nhất là qua mấy lời khuyên ngăn ngừa với Kiều, chúng ta nhận thấy rằng Mụ quản gia, tuy ở trong tầng lớp lao động, đã có một nhân sinh quan lành vững, sáng suốt, thức thời, biết chấp nhận cuộc sống lao khổ như một

sự kiện dĩ nhiên ; biết thủ phận, nhưng đồng thời cũng biết tùy nghi mà phản ứng thích đáng để nâng cao đời sống của mình và của người... Mụ phục vụ quyền lợi của nhà chủ, nhưng cũng không quên giúp đỡ đùm bọc những người cùng cảnh, làm cho đời sống của họ dễ chịu hơn lên. Nhà họ Hoạn thật cũng đã tốt số mới có được một người giúp việc đắc lực như Mụ ; và chúng ta không hiểu cuộc đời tinh thần của Kiều ở nhà họ Hoạn sẽ trở nên thế nào, nếu nàng không gặp được Mụ. Cho nên khi kể chuyện luân lạc đời mình cho Từ Hải nghe, Kiều không quên nhắc đến những người đã “xót thương” nàng với hai tên thân mến :

Vãi Giác Duyên, Mụ Quản gia

Xét về giá trị xã hội của Đoạn Trường Tân Thanh, ông Nguyễn Bách Khoa có

bảo rằng tất cả những nhân vật trong tiểu thuyết này đều bệnh hoạn về thể chất và sa đọa trong tinh thần. Có lẽ ông bỏ sót nhân vật Mụ Quản gia ? Dù sao vai trò của nhân vật này trong xã hội hiện nay và muôn thuở cũng đáng để cho chúng ta ngẫm nghĩ. Trong tác phẩm văn chương bất hủ Đoạn Trường Tân Thanh, giá trị xã hội của nhân vật Mụ Quản gia có nên được phục hồi ?

NGUYỄN VĂN XUNG

Những bạn thích đọc văn và
suy nghĩ về tư tưởng, nên hỏi:

NÓI TẠI PHÚ XUÂN, của Hồ Hữu
Tường 34đ.

KỂ CHUYỆN, của Hồ Hữu Tường
34đ

HÒA ĐỒNG, (từ số 1 đến 26) trong
ấy, ngoài tài liệu đặc biệt, có trọn hai
tác phẩm dài (THẰNG THUỘC, CON
NHÀ NÔNG VÀ TIỂU PHI LẠC NÁO
SÀI-GÒN) và nhiều truyện ngắn triết
lý. 100đ.

Ở xa, gửi bưu phiếu cho: HỒ
CHÁNH, 29 đường Phan Văn Trị, số
tiền 160 đồng, thì được đủ cả ba quyển
kể trên, khỏi tốn thêm cước phí bảo đảm
đường bộ.

HUỆ MINH xuất bản

đêm trăng đọc Tố Như

NGUYỄN VĂN XUNG

Đêm trăng đọc sách bên song

Phả lòng hậu thế vào lòng cổ nhân

Sách xưa trắng chiếu mấy lần ?

*Tóc xanh nhòe ánh trăng ngân... hoa
râm*

Bên nhau một bóng trăng rằm

Lu mờ nhân thế, lữ lăm hoa niên

Trang Sinh mộng bướm còn quên

*Lòng xuân Thục Đế, đổ quyền kiếp
người*

Súng Tây, gương Cọng sáng ngời
Hỏa châu đỏ chiếu thây người đổ ng-
hiêng

Khắp trời khói lửa liên miên
Tóc tang khắp nẻo, ưu phiền muôn nơi
Vườn rau nhà lá hôm mai
Thương ta năm tháng dưa mại sắt son
Đêm đêm trăng khuyết lại tròn
Tóc xanh hồ dễ mãi còn như xưa ?

Cổ nhân đời đã xa mờ
Mà trang sách cũ bây giờ còn đây
Nghìn thu ai tỉnh, ai say ?

Tấn tuồng nhân thế chỉ thay nhịp cầu

Phế hưng, ảo hóa nhiệm mầu

*Nghĩa thâm cuộc sống, khổ đau kiếp
người*

Bạn nhau sách tỏ trăng ngời

*Không trùng thiếu sách, cuộc đời buồn
tênh*

Tẻ vui mình lại với mình

Song trùng giá sách quên hình phù du

Chiến chinh thu lại rồi thu

*Sách trăng bầu bạn, oán thù sạch
không.*

trên con đường về già
nhổ tóc sâu cho vợ

HAY LÀ:

từ Nguyễn Du đến
Nguyễn văn Chỉnh

truyện-vơ-vẩn của
NGUYỄN MẠNH CÔN

1

 Trong gác xếp, bên cạnh cửa sổ nhìn xuống sân, người chồng ngồi duỗi thẳng hai chân, một đùi kê ghệch lên chiếc gối bông bọc vải hoa.

Người vợ nằm nghiêng trên đùi, úp mặt vào lòng chồng. Tay cầm chiếc nhíp đồng, đeo vào chiếc vòng nhỏ có thêm hai cái móc ráy tai, tay bôi từng sợi tóc cho vợ, người chồng nói :

– Có lẽ hết rồi, em ạ.

Người vợ khấn khoản :

– Còn, còn đấy anh ạ. Anh nhổ cho em ba cái nữa thôi.

Người chồng cười dễ dãi :

– Ủ, ba cái... mấy lần ba cái rồi ? Hôm nay làm sao, tóc em chặt chân làm, nhổ đứt chân hoài. Mỗi tay lắm.

– Anh chịu khó nhổ khéo khéo một tí...

– Chả khéo thì sao ! Nhổ tóc sâu, phải cặp chặt mà nhổ thật chậm, có khi

theo chiều sợi tóc thì trái chiều tay. Đây em xem này, cứng cả đầu ngón tay trở ra rồi đấy !

Người vợ mở mắt, cầm ngón tay chồng đặt lên môi hôn.

– Đấy, em đến rồi đấy. Khởi chưa ?

Người chồng cười đánh khịch trong cổ họng. Tay lại bới. Bỗng anh ta chú ý, một tay giữ yên mớ tóc, một tay gỡ cặp kính trắng bỏ xuống sàn gác. Cúi thật thấp xuống đầu vợ; khẽ khàng lựa riêng cái tóc sâu ngắn, mảnh và trắng long lanh, vào giữa hai hàm cái nhíp, anh ta mím môi, kéo lên thật chậm. Rồi thở dài, nói hãnh diện :

– Được rồi ! Em xem có nhỏ không ? Có cả chân đấy nhé !

Người vợ không mở mắt, đưa tay

quờ quàng cầm tay chồng, và nói khẽ, như nửa mơ nửa tỉnh :

– Đâu ? Ừ nhỉ! Cám ơn anh nhá.

– Ừ! Hai mươi hai cái rồi đấy. Những cái đứt chân không kể.

– Người vợ vẫn nhắm mắt, đưa một cánh tay quàng ra phía sau lưng chồng.

– Hai mươi hai cái tóc bạc... em già rồi, anh nhỉ ?

Người chồng vuốt tóc vợ, nhẹ nhàng :

– Chưa, em làm gì đã già !

– Em bốn mươi năm tuổi rồi đấy. Anh bốn mươi sáu rồi.

Người vợ nằm ngửa hẳn lại, mở mắt, đưa tay âu yếm vuốt mớ tóc rối bù của chồng.

- Anh thì anh già rồi !
- Ủ, anh già rồi !
- Anh già hơn cả anh Chỉnh !
- Ủ, anh già hơn anh Chỉnh.
- Anh Chỉnh bao nhiêu tuổi, anh ?
- Anh ấy nói sáu mươi, năm xưa. Năm nay, có lẽ anh ấy đến sáu mươi ba, sáu mươi tư ?
- Nhưng anh ấy còn khoẻ. Giá đừng đau phổi, giá đừng vất vả có lẽ anh ấy còn thọ.
- Ủ. Nếu anh Chỉnh được sung sướng, chắc anh ấy còn sống lâu hơn anh.
- Hứ, anh chỉ nói đại !
- Thì anh chỉ ví dụ thôi chứ có nói gì đâu ?

– Ví dụ xấu nó vận vào mình. Anh như anh Chỉnh thế nào được. Mình có hai thằng bé như hai con chó con. Anh chỉ yếu vì anh làm việc nhiều quá. Giá bây giờ chúng mình có món tiền, anh nghỉ viết lấy nửa tháng, em trông nom cho anh, chắc anh sẽ lại người ngay. Người ta cứ được an nhàn và được ăn uống đều đặn là khỏe ra trông thấy.

– Chưa chắc !

– Chắc !

– Chưa chắc đâu em ạ. Hãy cứ nói ngay anh Chỉnh. Anh ấy đi làm không vất vả gì. Tiền bạc không thừa nhưng không thiếu. Ngày ba bữa cơm, rượu ở nhà. Sao anh ấy không khỏe ?

– Tại anh ấy có bệnh phổi.

– Trong phổi anh ấy nguyên trước

chỉ có một chấm đen bằng hạt đậu, Bác sĩ nhà nước phê “không biến chứng” nên mới được đi làm. Thế mà bỗng nhiên trở bệnh, thuốc bao nhiêu cũng không lại.

– Thì tại anh ấy nhiều tuổi, sức khỏe suy yếu đi rồi.

– Điều đó thì đúng. Nhưng vẫn không đúng hẳn. Vì em còn nhớ, cách đây ba bốn năm, anh ấy còn khỏe lắm. Ăn được, uống được, hút được. Tiếng nói oang oang như lệnh võ.

– Ừ nhỉ, anh nhỉ, hồi năm xưa anh ấy còn khỏe thật đấy. Anh ấy còn khỏe...

Người vợ ngừng giữa câu nói dở. Nàng lét mắt nhìn trộm chồng. Mái tóc ngả màu muối tiêu. Hai gò má nhô lên. Hai đầu mép chiu xuống. Nước da xám màu đất thó đượm dấu phong trần.

Người vợ bỗng níu lấy cánh tay chồng.

– Anh! Anh nghĩ gì thế, anh ?

Người chồng ngạc nhiên :

– Không, anh có nghĩ gì đâu !

Chỉ có thể cũng đủ cho người vợ
dừng dừng nước mắt. Tiếng nói ghen
ngào :

– Có đấy ! Anh nghĩ gì ? Anh buồn
gì ? Anh giận em hay sao, anh ?

Người chồng bật cười, xoa đầu vợ :

– Anh chẳng có gì buồn. Còn nghĩ,
lúc nào anh chả nghĩ ?

– Anh nghĩ gì, anh ?

– Anh nghĩ... Nhưng em chả hiểu
được.

- Anh cứ nói cho em nghe. Đi, anh !
- Anh nghĩ đến anh Chỉnh.
- Anh Chỉnh làm sao, anh ?

Người chồng ngửa người về phía sau, lấy tay vuốt những sợi tóc xỏa xuống trán. Anh ta mỉm cười, nhưng rõ ràng không phải cười với vợ. Rồi, sau một phút im lặng, anh ta bỗng nói, như nói với ai.

– Hừ, anh Chỉnh chết, không phải chết vì bệnh lao phổi đâu. Hay nói cho đúng, anh ấy chết vì không muốn chống lại bệnh ấy. Khi người ta không muốn sống, thì bất cứ bệnh gì cũng làm chết được người.

– Anh ấy vẫn uống thuốc. Nhờ anh Đức chữa cho, có lấy tiền bạc gì đâu ?

– Uống thuốc chỉ là cái miệng nó

uống thôi. Em không hiểu đâu. Để anh nói cho em nghe. Em có nhớ cụ Đốc Quý, anh Văn, anh Hậu và anh vẫn nói anh Chỉnh giỏi lắm không ?

– Có, em có nhớ. Ai cũng chịu anh Chỉnh giỏi.

– Vậy anh Chỉnh giỏi thì anh Chỉnh đã làm được những việc gì ?

– Ừ, ừ... anh ấy làm giáo học, rồi làm quận trưởng, rồi làm...

– Làm đội thông ngôn, thư ký cho Phái-bộ Văn-hóa. Làm như thế, đâu có cần giỏi !

– Thế giỏi thì phải làm gì, anh ?

Người chồng nhắm mắt, ngồi im. Anh ta ôn lại trong giây phút những hình ảnh của mấy chục năm quá khứ. Người

bạn vừa quá cố đã mang theo xuống mộ một phần nào tuổi trẻ của chính anh ta. Hai tên bạn vong niên đã từng chia xẻ cùng nhau những nhục vinh của thời ngoại thuộc. Chỉnh là một con người tài hoa hiếm có. Anh làm thơ hay, chọn chữ không kém gì Vũ Hoàng Chương. Văn xuôi có những nhận xét kỳ dị... Người chồng nói thành tiếng tiếp theo những ý nghĩ dở dang :

– Lạ lắm. Anh ấy có một lối nghĩ càng thông minh bao nhiêu, càng mới lạ bấy nhiêu. Có lẽ anh ấy giỏi văn phạm nên viết phóng thể nào cũng thành văn chương điêu luyện được. Có lần, anh ấy đùa, xé một mảnh riềm tờ nhật báo, viết mấy câu tả hai người bạn cười một làn khói bay lên giữa những ngôi sao : một người thấy sao là kim cương, một người thấy sao là nước mắt... Anh đọc, thấy hay

quá, định giữ chơi, thì anh ấy cướp lại, đốt đi mất. Nhưng lúc bấy giờ, anh chưa biết tiếc.

– Sao anh lại chưa biết tiếc ?

– Vì anh đình ninh sớm muộn thế nào rồi anh Chỉnh cũng trở thành thi sĩ hay văn sĩ, hay cả đôi. Chính anh ấy cũng nghĩ như vậy. Mà anh ấy đã viết thì chắc chắn những người khác phải ôm hận theo kiểu “mặt trời mọc, sao nào cũng phải lặn” ! Anh ấy hơn người ta nhiều quá !

– Thế sao anh ấy không viết ?

– Không viết vì không có ai dùng. Đời người thật là lạ. Anh Chỉnh sinh làm con nhà nghèo, học có giỏi lắm mới thi đậu được bằng Cao-đẳng Tiểu-học. Rồi được học bổng của ban sư phạm. Tốt

ngiệp giáo học khi chưa đến hai mươi, anh ấy là kiểu mẫu của thứ người luôn luôn bị xâu xé bởi một bên là tư tưởng, một bên là quyền lợi. Em nên nhớ bọn trí thức mà làm cách mạng hầu hết đều ở trong hoàn cảnh không đủ giàu để tiếc của, không đủ nghèo để phải lo nuôi cha mẹ, vợ con. Anh Chinh có cha mẹ phải nuôi... Anh không làm cách mạng, nhưng cũng không nỡ đem tài năng phục vụ cường quyền. Cả tuổi trẻ của anh là tuổi trẻ chờ đợi.

– Chờ đợi gì, anh ?

– Chờ đợi người tri kỷ. Người càng có tài càng biết rõ cái tài của mình. Người thật có tài không ai nỡ đem nó ra mà bán rao chào khách. Thời gian qua, tổng khởi nghĩa rồi kháng chiến. Anh Chinh còn thấy trước anh những tai họa mà Việt Minh sẽ đem đến cho dân gian. Anh ấy

cúi đầu, đi dạy học, chịu khổ ba năm, rồi về thành làm giáo học. Bị đuổi không được làm giáo học, anh ấy đi làm quận trưởng, để dành tiền tậu được ngôi nhà.

– Sao bấy giờ anh ấy không viết ?

– Viết được gì dưới thời Liên hiệp Pháp ? Người có tài bao giờ cũng trợn vện đối với bản thân, làm cái gì phải làm cho mãn ý. Anh Chỉnh không tin, anh cũng không tin, những kẻ nói rằng họ có thể để dành những tâm sự chân thành, và chỉ dùng những lời khách sáo kiếm ăn trong một giai đoạn khó khăn nào đó. Hai đứa anh cho rằng bọn người ấy một là tùy thời thay đổi tâm sự, hai là chẳng có tâm sự ra gì.

– Thế tại sao sau này anh viết được mà anh Chỉnh viết không được ?

Câu hỏi đột ngột làm cho người chồng buông tiếng thở dài. Anh ta lắc đầu, khẽ đáp :

– Có lẽ có phần nào lỗi ở nơi anh. Anh Chinh chết, sáu mươi tuổi hơn mà còn gọi là bất đắc chí, cũng có phần nào lỗi ở nơi anh. Em nằm yên, anh kể cho nghe.

2

Tám năm trước. Bên ngoài trời mưa lớn. Một người mặc áo đi mưa kiểu quân đội đi vào một căn nhà ở đầu hẻm phía bên tay phải chợ Phú-nhuận. Người đó cởi áo, để lộ ra bộ quân phục với cấp hiệu thiếu úy. Có tiếng hỏi từ trên gác vọng xuống.

– Chú đã về đấy, con ?

– Vâng, em đây.

Viên sĩ quan cởi giấy rồi vịn cầu thang lên gác.

– Chú đã về. Thế nào, có gì hay không ?

– Chẳng có gì cả, anh ạ. Làm mất cả buổi tối. Mà thêm bực cả mình.

– Làm sao mà bực mình ? Lại cãi nhau với ai rồi, phải không ?

– Nào có đáng gì mà cãi ! Vả lại, em đâu có ý định cãi nhau với họ. Anh biết em đã nhất định không bao giờ tham gia biện luận với mấy ông trí thức lạc hậu ấy mà !

– Thế tại sao đã không rồi lại hóa có ?

Viên sĩ quan đã cởi bộ binh phục, mặc quần áo mỏng, lộ vẻ người nhỏ xương nhưng lẫn thịt. Anh ta ngồi xuống, một tay với cái điều thuốc lão, một tay giơ lên phân vua :

– Em đã bảo em không thuyết trình, không phát biểu gì hết. Đại diện tòa soạn đến cho có mặt, gọi là tôn kính bậc hiền tài, rồi về. Có thể thôi. Nhưng họ chướng ghê lắm. Người ta chết có hai trăm năm rồi mà cứ làm như mới chết hôm qua, hết nói đến tâm lý lại nói đến tư tưởng... Em đã bảo hoàn cảnh qua rồi, qua lâu rồi, không còn dữ kiện nào để xây dựng lại lấy một phần cái hình ảnh xã hội thời bấy giờ, thì làm thế nào mà biết tác giả vui hay buồn, giả hay thật chứ !

– Chú nghĩ thế là đúng. Nhưng câu chuyện đấu khẩu ra sao ?

– Thì có thể thôi. Ông thuyết trình viên sao y chính bản cụ Trần Trọng Kim, khẳng khẳng gán cho Nguyễn-Du cái tư tưởng phò Lê, diệt Nguyễn. Em đã bực mình, nhưng vẫn ngồi yên, cố chờ ông ta nói xong, vỗ tay xong rồi còn về. Không ngờ ông ta lại giới thiệu một ông khác, lên micro đặt câu hỏi : « Nguyễn Du viết cuốn truyện Kiều vào thời gian nào ? ». Rồi lại đến ông thứ ba, nằng nặc đem biện chứng pháp ra mà đồn cụ Tiên Điền tay sai của phong kiến thống trị.

– Ủa !

– Thế đấy !

– Thế chủ phát biểu vào đoạn nào ?

vào giai cấp

– Em nói lung tung hết. Em bảo các ông ấy sách vở nó vừa vừa chứ. Điều cần

biết là đã có một Nguyễn Du sáng tác một cuốn Kim-Vân-Kiều. Điều cần làm là hiểu cho hết cái hay của tác phẩm rồi phổ biến nó cho nhiều người cùng hiểu. Điều nên cố mà làm là viết một cuốn khác có giá trị như truyện Kiều. Ngoài ba điều ấy, em cho là không còn gì đáng nói nữa.

– Không còn gì đáng nói thật không ?

Người chủ nhà vừa hỏi vừa ngồi dậy. Người có tầm vóc cao lớn, vai rộng, trán cao và sáng, mắt thật sắc, gò má cao, miệng rộng. Nụ cười tươi và âu yếm đối với người được gọi là em. Câu hỏi có làm cho anh ta ngạc nhiên.

– Sao lại không thật ? Anh không đồng ý với em hay sao ?

– Anh không đồng ý. Vì sao ? Vì chúng ta đồng ý Nguyễn Du là một thiên tài của dân tộc ta, ở một khu vực và trong một thời gian nào đó. Sự xuất hiện của tài năng, theo anh nghĩ, bao giờ cũng đòi hỏi một số điều kiện nội tâm và khách quan. Nguyễn Du sinh ra đời, đã có khả năng gọi là thiên phú về thi ca, nhưng không phải chỉ có thể thôi mà đủ làm nên tác phẩm vĩ đại của cụ.

– Anh muốn nói thiên tài cần được nuôi dưỡng ?

– Nuôi dưỡng và thúc bách. Anh rất muốn biết Nguyễn Du sáng tác được quyền Kim-Vân-Kiều vào thời gian nào, hoàn cảnh nào, như thế nào.

– Em đã nói không có tài liệu nào nói về các dữ kiện đó. Nhưng chúng ta có thể suy luận, tưởng tượng ra. Bây giờ,

chủ đề cho anh hỏi chú, liệu cụ Tiên Điền có ngồi vào bàn giấy, viết luôn trong mấy đêm cho xong một đoạn để kịp đem sắp chữ như chú viết truyện ba người lính nhảy dù của chú không ?

Viên thiếu úy bật cười, nói nhanh :

– Chắc chắn là không rồi !

– A, thế là chúng ta loại bỏ được một giả thuyết. Nguyễn Du không sáng tác về nhu cầu. Lẽ cố nhiên không ai trả tiền nhuận bút cho cụ. Vậy tại sao cụ lại sáng tác. Có phải vì thích thì làm không ?

Câu hỏi giản dị mà các cơ. Sau một hồi ngẫm nghĩ, người bạn trẻ trả lời một cách chậm rãi. Vừa nói vừa nghĩ :

– Có lẽ không. Có lẽ em không biết có trường hợp nào, trong đó một nghệ sĩ cứ sáng tạo cho một mình mình. Viết

xong, vẽ xong, đem cất đi ngay. Một vài người em được biết, có thể viết sẵn nhiều cuốn sách để chờ ngày được in, những người đó hầu hết viết không hay. Có lẽ chúng ta nên trừ người làm thơ, ngẫu hứng. làm xong một bài thơ, không có mục đích gì hết.

– Nhưng đó là một bài thơ. Truyện Kiều không phải là một bài thơ. Nếu chú đọc kỹ, chú sẽ thấy nhiều đoạn hay hơn hẳn nhiều đoạn khác. Đã đành tác giả có thể thiên về tả tình mà không thiên về kể việc. Nhưng chắc hẳn có phần nào gặp lúc hứng khởi nhiều hơn.

– Vậy anh nghĩ sao ?

– Anh cho rằng cụ Nguyễn Du có một số bạn, hay ít ra là một số người gần gũi, mà cứ mỗi lần làm xong một đoạn, cụ lại đọc cho nghe. A, chú có biết các

cụ làm thơ thế nào không ? Các cụ ngồi uống trà, hay nằm trên võng, tay đu đưa, miệng ngâm nga, được một câu rồi làm câu sau, thỉnh thoảng lại đọc lại cả đoạn. Anh nghĩ rất có thể cụ Tiên Điền đã “viết”, xong cả quyển Kiều theo lối sáng tác “thuộc long” như thế. Và cứ mỗi lần đọc lại một đoạn lại sửa đổi một vài chữ, một vài câu.

Nhìn bạn một cách chú ý, có vẻ gì như nghi ngờ, viên thiếu úy hỏi :

– Anh nói thế có ý gì ?

– Có ý là truyện Kiều không phải là một tác phẩm nhất trí như tác phẩm của các ông bây giờ. Tác giả vừa sáng tác vừa đo lường cảm ứng của chung quanh...

– Thì tui em bây giờ cũng thế. Anh đã thấy đấy, hôm em mới bắt đầu viết,

có biết trước sẽ kết thúc cuộc phiêu lưu của các nhân vật nhảy dù của em ra sao đâu ! Vả lại, dù có ý định sẵn, nhưng rồi theo đà của ngẫu hứng, viết khác đi cũng không sao mà !

– Chú nhận thế là đủ rồi. Anh chỉ muốn nói rằng một tác phẩm nghệ thuật khác hẳn một tác phẩm nghị luận. Tác giả chỉ cần có văn tài và đại ý của cốt truyện. Một cô gái đẹp, con nhà khá, có tài hoa, có tình nhân, nhưng phải bán mình chuộc cha. Ý nghĩ đầu tiên là thế, còn sau này thì tùy...

Người bạn trẻ nghe đến đây bỗng vùng dậy, đắc thắng :

– Không phải rồi, anh ơi ! Cốt truyện là cốt truyện của Tàu mà !

– Nhưng truyện Kiều của Tào đến đâu là hết ? Có phải đến chỗ Kiều tự tử, Kiều chết là hết truyện không ? Nếu phải, lại càng tỏ rõ Nguyễn Du không bị lệ thuộc vào đại ý. Rất có thể ban đầu, cảm khái vì truyện người con gái gian nan ấy, cụ định làm thơ mà kể lại câu truyện cho vui. Nhưng sau đó, hoặc tự nghĩ lại, hoặc nghe lời phân giải của chung quanh, hoặc do hoàn cảnh của bản thân thay đổi, cụ lại làm thêm đoạn kết. Bởi nghĩ thế, anh cho rằng Nguyễn Du “viết” quyển Kiều trong một thời gian dài. Đại khái, cụ có thể bắt đầu vào thời kỳ Lê Mạt và Tây Sơn. Thời kỳ này, uy quyền của cha anh đã mất hết, cụ chắc phải lo nghĩ về đời sống, nếu không dạy học thì cũng làm “thực khách” ở nhà một ông bạn giàu có nào.

Tiếng cười bật lên như tiếng hú :

– I-hi ! Thi hào Nguyễn Du viết truyện Kiều để đền ơn tri ngộ áo cơm ! Anh Chinh ơi, thế là nhất anh rồi đấy !

– Hà hà! Tại sao không ? Chú có biết có người đang định xin nghỉ sở làm, chịu đói rách, bỗng được kẻ kia giao việc hợp ý cho trà làm, đã cảm ơn y ra sao không ?

Viên thiếu úy xua tay :

– Chịu ! Chịu anh rồi ! Tình tri ngộ không cứ gì to lớn. Thi hào Nguyễn Du rất có thể bắt đầu truyện Kiều để trả nghĩa cho một anh trọc phú không đọc được chữ Hán.

– Như thế, có thể nào đặt vấn đề tâm lý Nguyễn Du vào cả truyện, hoặc vào một nhân vật nào đó không ? Và nếu như Nguyễn Du có văn tài (mà điều đó đã rõ như ban ngày) thì chúng ta có nên

thấy cụ tả Từ Hải anh hùng mà bảo rằng chính cụ cũng anh hùng không ?

– Đúng ! Ngay bây giờ, nếu cần, em có thể viết truyện một tên tướng cướp giết người, hiếp gái một cách vô cùng tàn nhẫn, mặc dù... mặc dù em chưa được hiếp cô nào bao giờ !

– Đó là chi tiết. Nhiều chi tiết đưa đến nguyên tắc. Anh nhớ có nghe một tay cán bộ năm xưa, luận về truyện Kiều, đã cho rằng Nguyễn Du là đại diện của giới nho sĩ, trung thành với chế độ phong kiến, nên luôn luôn đề cao bọn quan lại, như mẹ Hoạn Thư và chính Hoạn Thư. Anh chàng cán bộ ấy viện lẽ Nguyễn Du đề cao Kiều, nhưng còn đề cao Hoạn Thư hơn Kiều, và, như thế, Nguyễn Du đã “bỏ” Kiều để “chọn” Hoạn Thư.

Người bạn trẻ đưa bàn tay lên giả vờ

bịt mũi :

– Ôi ! Không ngửi được ! Tên cán bộ đó ngu quá đi ! Nó phải hiểu, phải phân biệt được hai trường hợp, thứ nhất là lời tác giả, thứ hai là lời mà tác giả xuất thân, nhập thân nhân vật, để nói ra. Nguyễn Du viết về Hoạn Thư với ý tình ghét bỏ một cách rõ rệt. Cứ nói ngay cái việc chọn cho y thị cái họ “Hoạn” quái gở ấy : em đã tra tự điển, có 6 chữ “hoạn”, chữ nào cũng ác ôn cả. Em dám quả quyết rằng sự chọn tên cho nhân vật rất quan trọng đối với tác giả. Nguyễn Du, hay Thanh-tâm Tài nhân bên Tàu cũng thế không thể chọn một cái tên có ý nghĩa phản phúc, bỉ ổi, cho Kim Trọng và Thúy Kiều, Từ Hải. Vậy tại sao không gọi là Đào Thư, Tống Thư, mà chọn ngay chữ Hoạn ? Đã thế, lại còn mưu chước với bọn Khuyển Ung, bắt người, đốt nhà, vắt xác chết giả

vào đám cháy, vả miệng bẻ răng người mách tin chồng... Toàn là thủ đoạn gớm ghiếc cả. Đến lúc bị bắt, thì Nguyễn Du viết Hoạn Thư “hồn lạc phách xiêu” và “khẩu đầu dưới trướng dờ điều kêu ca”. Đó là lời tác giả. Còn lời mà tác giả viết cho nhân vật tuy có phần khôn khéo, nhưng điều đó chỉ chứng tỏ Hoạn Thư khôn lanh, biến báo mà thôi. Vả lại, em không tin Nguyễn Du “thất bại” đến nỗi đã “chọn” Hoạn Thư mà viết lách thế nào, để cho Hoạn-thị trở nên một thứ điển hình cho loại đàn bà dữ dằn, độc địa, như đồng bào ta vẫn quan niệm từ hai trăm năm nay.

– Vậy kết luận ?

– Em cho rằng anh chàng cán bộ đó ăn phải bả “giai cấp đấu tranh”. Muốn được thượng cấp chú ý, anh ta đi tìm dấu vết của giai cấp đấu tranh trong bất cứ

hoàn cảnh nào của lịch sử. Em chắc cứ như thế, anh ta quên phắt rằng ý nghĩa của một tác phẩm bao giờ cũng được hình thành trong khi người ta đọc tác phẩm ấy, chứ không phải sau khi nghe anh cán bộ giải thích. Hoạn Thư, nói tóm lại, là một nhân vật tưởng tượng, được thể hiện bằng và chỉ trong những đoạn tác giả viết về y thị. Vậy chỉ có các “đồng chí” mới dám “phịa” thêm về tâm lý nhân vật, để quả quyết y thị là người thế này thế nọ. Em cho rằng nỗi đau khổ nhất của người dân dưới chế độ cộng sản là cứ bị bắt buộc phải hiểu theo cán bộ. Nỗi đau khổ của người nghệ sĩ còn to tát hơn. Ví dụ cụ Nguyễn-Du có sống lại, mà bị “đồng chí” buộc tội cấu kết với phong kiến, thì chắc chắn cụ phải chết đến hai lần !

Nhưng dù sao mỗi tác giả cũng có

trong tiềm thức một số ý niệm liên quan đến chế độ. Cụ Tiên Điền sống dưới chế độ vua quan, có đề cao vua quan cũng là phải.

Cuộc đấu lý trở nên hăng hái. Người bạn trẻ ngồi nhóm dậy, mắt long lanh.

– Em đồng ý. Nhưng phải nói rõ : Nguyễn Du chấp nhận một nền luân lý Nho-giáo, được thể hiện một cách lý tưởng bởi những vua hiền, tôi thảo. Em không tin Nguyễn Du chống nhà Nguyễn vì nhớ tiếc nhà Lê. Nhưng em tin Nguyễn Du không phục vua Gia-Long, vì ông này ít học. Quần thần lại trọng võ hơn văn, nên một nho sĩ, dù có muốn, cũng không thể đề cao giai cấp phong kiến thử thời được. Em còn có thể nói có khi cụ Nguyễn Du tả Hoạn Thư ác ôn như thế cũng là để “chửi” ngầm bọn vua quan nhà Nguyễn chẳng ra gì. Mặc

dù, nói về lý tưởng, cụ vẫn có thể có ý trung quân báo quốc. Nhưng “quân” là một thứ “quân” nào khác kia. Một thứ Nghiêu, Thuấn nào đó chẳng hạn, mà, dù có dù không, con người nhỏ sẽ bao giờ cũng ước mong rằng sẽ có. Còn ngoại giả, cụ Nguyễn Du có thể có những quan niệm gốc, luôn luôn xuất hiện bằng lời tác giả với cả tâm tình nhân vật, như quan niệm “có tài mà cậy chi tài” hay “thiện căn ở tại lòng ta” vân vân. Nhưng đó là nói về tư tưởng “đáy” của tác phẩm. Còn em hoàn toàn không đồng ý với cái việc làm ngây ngô và tai hại của anh chàng cán bộ của anh. Em đang định viết thêm một ít truyện có toàn những du hành trong thời gian, chiến tranh trong căn khôn, có dễ sau này anh ta phê bình nhân vật nào đó của em, ở ngôi sao Proxima Centauri nào đó, cũng bắt y phải “chọn” giai cấp tư bản giãy chết trên mặt địa cầu chắc ?

– Anh đồng ý với chú. Nhưng chúng ta hãy trở lại vụ truyện Kiều được sáng tác trong hoàn cảnh nào. Anh thì anh cho rằng cụ Nguyễn Du làm xong đoạn đầu từ khi còn đói rách. Sau ra làm quan, có lẽ bị bà phu nhân phàn nàn, nên “cả nể”, cụ làm thêm đoạn cuối, cho nó có hậu.

– Em đồng ý ! Kết luận là người nghệ sĩ cần có hoàn cảnh, cần có môi trường, cần có lý do sáng tác. Sự kiện tự mình thưởng thức lấy mình không đủ thúc đẩy một công việc dài ngày. Em đồng ý nhất là vì em nghĩ đến anh. Sau này, nói gở mà anh chết trước em, em sẽ ân hận không bao giờ nguôi nếu em không tìm được một lý lẽ nào nó bắt anh phải viết. Em nói thật, em chưa từng gặp ai có kiến thức rộng rãi như anh, có lý luận sắc bén, trí tưởng tượng phong phú, và ngòi bút

có tốc độ ghê gớm như anh. Em không hiểu tại sao anh không viết văn từ hồi anh còn trẻ !...

Câu hỏi rơi vào khoảng không im lặng. Người đối diện không vội trả lời. Cơn mưa bên ngoài vẫn rả rích trên mái ngói. Ngọn đèn dầu chiếu một thứ ánh sáng âm u trong căn gác. Không gian ngừng lại khi con người chìm vào quá khứ. Một lúc lâu về sau, tiếng trả lời mới cất lên nghẹn ngào :

– Vì anh thiếu một điều kiện : sự mê say. Hoặc, trái lại, vì anh thừa một đức tính : sự khôn ngoan. Anh sẽ nói dối chú, nếu anh bảo anh không có một tác phẩm trong tâm tư. Nhưng tác phẩm đó đã chết và còn đang chết. Vì sao ? Vì bất cứ con người nào đã có kiến thức, và tự ái, cũng coi cuộc đời mình là tác phẩm hay nhất của mình. Anh trót lỡ dở nhiều lần,

hoặc vì thương cha mẹ, hoặc vì sợ đôi rách, hoặc vì thương chị ấy với các cháu. Anh đã nhận nhiều việc làm... Không, việc làm tự nó không bao giờ xấu, nhưng con người không bao giờ vẹn toàn. Anh không chống lại được sự quyến rũ của nhiều thứ. Anh đã làm nhiều việc mà, cả với chú, anh cũng không dám kể lại...

– Thì chính em cũng thế, em đã làm nhiều việc tồi bại, nhiều điều khiến em phải hối hận về sau. Em nghĩ mình có thể cứ viết, viết về mọi thứ, mà không viết về mình. Miễn sao mình có kỹ thuật vững...

– Đó là điều gian dối cuối cùng mà anh nhất định không làm. Anh vẫn thường tự nghĩ một mình như vậy. Nhưng có lẽ trong thâm tâm anh còn có một nguyên do khác nữa. Là hồi còn trẻ, anh không gặp được môi trường để viết ; đến khi đứng tuổi thì chính mình

làm cho mình bẽ bàng. Mình đã chê khen thiên hạ quá nhiều. Mình đã đòi hỏi người khác phải có những điều kiện hoàn toàn lý tưởng.... Cho nên, đến lượt mình vào việc, tự nhiên mình có cảm tưởng rằng tất cả mọi người đều chờ đợi để mổ xẻ tác phẩm của mình. Sợ cái mình làm không xứng với thứ danh tiếng hào huyền mình đã trót tạo ra cho cá nhân mình, anh không có can đảm viết. Anh không ngờ chính anh rồi cũng rơi vào cái hố tầm thường của những kẻ nói quá nhiều, có bao nhiêu vốn liếng đem phơi bày bằng lời nói mất cả.

– Anh đã biết thế, tất cũng còn có cơ thoát ra ngoài cái bể tắc đó. Em nghĩ ngay bây giờ, anh có thể viết. Anh viết đi, cho em đăng. Anh phải bắt đầu đi, rồi mới có đà...

– Anh cũng có lúc nghĩ như chú, nhưng không được. Bây giờ, chọn đề tài cũng là một vấn đề nữa. Bao nhiêu truyện của tuổi trẻ, anh nhớ lại, đều thấy chúng nhạt phèo. Vì anh chỉ còn nhớ sự việc, mà đã chết phần tâm tình. Lẽ dĩ nhiên, anh có thể viết về tuổi năm mươi. Nhưng người năm mươi nghĩ nhiều về cái chết hơn sự sống. Anh băn khoăn nhiều về cái ngày mà anh từ biệt chú. Giá anh có thể biết nó thế nào, anh có thể viết, dù chỉ viết riêng cho chú đọc. Như Nguyễn Du sáng tác truyện Kiều cho một vài người tri kỷ. Anh có cảm tưởng rằng giá trời cho anh em mình còn gần nhau được lâu, mà chú cứ chịu khó thúc đẩy, may ra anh có thể làm được một việc gì, gọi là để khỏi phụ lòng tin cậy của chú.

3

Trong khi người chồng kể truyện, một trận mưa lớn đã xập xuống, làm tối căn gác xép. Giọt nước đập mạnh xuống mái nhà bếp, bắn trở lại thành những cơn bụi mù mát lạnh. Người chồng ngồi yên, nghe cái mát lạnh ấy thấm vào thân thể. Hai bàn tay xòe úp che trên mái tóc của vợ, anh ta tiếp tục nói bằng giọng nói đều đều của kỷ niệm.

– Thế rồi, em biết đấy, vết đen trong phổi của anh Chỉnh lan rộng ra. Anh đưa anh Chỉnh đến anh Đức. Vì tình bạn cho anh, anh Đức chữa chạy, thuốc men cho anh Chỉnh. Nhưng thuốc chỉ chữa được bệnh, không chữa được mệnh. Mặc dù người anh còn cao lớn, anh Chỉnh đau nặng dần lên, có lẽ vì anh không có lý do

nào để muốn cho khỏi bệnh. Điều đáng trách, về phần anh, là anh đã nghe lời em, thôi không đến chơi lâu với anh Chỉnh nữa. Anh đã không làm tròn nhiệm vụ thúc đẩy mà anh ấy mong chờ.

Người vợ quấy mình, định nhóm dậy và cãi. Nhưng người chồng đã nín lại.

– Anh nhắc đúng việc xảy ra, nào có trách em đâu. Anh nhớ lúc bấy giờ đã bắt đầu kiệt sức. Trận ốm năm 59 làm cho anh suy nhược đến độ anh Đức phải tính chuyện tiếp thẳng máu của anh ấy cho anh. Lời người bạn nói trên chuyến xe Jeep trên con đường đến bệnh viện Cộng-hòa là lời nói mà không ai quên được bao giờ. Anh có thể lây bệnh, và không chống cự được lâu bằng anh Chỉnh.

Tiếng nhắc khẽ khàng :

– Mà anh vẫn phải thức đêm để viết. Em nhận thấy sức chịu đựng của anh thật khỏe. Bất cứ lực sĩ nào phải thức cả đêm đến sáng, hàng chục đêm liền ngồi chong chong bên bàn giấy, bất cứ lực sĩ nào cũng ho lao mà chết. Thế mà anh vẫn khỏe.

Rồi người đàn bà tần ngần hỏi khẽ :

– Tại sao thế, anh nhỉ ?

– Tại anh có say mê. Anh say mê từ nhỏ, suốt đời đuổi theo một nguyện ước. Anh khác anh Chỉnh ở chỗ anh không được ai dùng thì chịu đói khổ mà không bao giờ biết tính việc ngoài lề. Nhiều khi thương mẹ hay thương em, đã có ý muốn xoay ra buôn bán hay làm công. Nhưng buôn bán không biết mồi, làm công không tìm thấy chủ bao giờ. Anh đã khổ nhiều, một phần nhỏ bởi mình

trung thành với chí hướng, một phần lớn bởi thế sự thăng trầm, như dòng nước cuốn không cho thuyền vào bến.

– Nhưng rồi sau cùng vẫn được gặp. Bây giờ thì chúng ta còn nghèo, nhưng anh đã yên trí rồi.

Người đàn ông thở dài vì lại bắt đầu nhớ về quá khứ.

– Em nói đúng, nhưng chỉ đúng một phần. Anh được yên trí về tư tưởng, vì mặc dù tư tưởng mênh mông, anh đã tự xác nhận đi đến tận cùng tư tưởng. Ít ra là trong một thời gian hai nghìn năm trăm năm. Anh đã mơ mộng thấy cả cái chết của cuộc đời này, với cái sống của cuộc đời sau. Một thân thể chia làm nghìn triệu mảnh, luân lưu trong cây cỏ, sinh vật, gió mây. Chết như thế là thật đẹp. Nhưng có phải cứ nói đến chết là

chết ngay đâu. Thời gian còn phải sống, còn phải làm. Làm gì ? Anh như chiếc xe đã tự vẽ đường đi cho nó. Xe vẫn chạy, nhưng không còn hứng thú.

Giọng nói buồn da diết làm cho người vợ giật mình. Người đàn bà mở rộng cặp mắt ngơ ngác hỏi dồn :

– Sao anh lại nói gở thế anh ! Anh thử nghĩ gia đình mình vui vẻ, vợ chồng con cái đầm ấm, thương nhau. Sao anh nói không còn hứng thú !

Vẻ lo sợ kéo anh ta về thực tế, người chồng cười hiền lành xin lỗi vợ :

– Anh không định nói rõ ràng như thế. Tâm trạng của anh như tâm trạng con tằm muốn cắn thủng cái kén do chính nó kéo thành. Anh có cảm tưởng cụ Nguyễn Du cũng đã có hồi như vậy.

Sau khi sáng tác xong được truyện Kiều, cụ có thể làm gì hơn được nữa ? Sự so sánh cố nhiên nằm trong tương đối, anh chỉ muốn nói sự thỏa mãn của nghệ sĩ đối với bản thân. Anh xác nhận sự thỏa mãn đó có thật. Nhưng anh chống lại nó một cách vô cùng khổ sở. Chính vì thế nên anh mới tự hỏi, và buồn cười, rằng cụ Nguyễn Du bị quyền Kiều chặn mất nguồn thơ, chắc có phen giận nó lắm !

– Nếu đã giận thế, còn làm ra nó làm gì ?

Câu hỏi ngược không hoàn toàn vô lý. Văn hay nhà nghệ sĩ chỉ giận tác phẩm sau khi nó đã ra đời, nhưng sự thật là, dù có biết trước, nghệ sĩ ấy vẫn sẵn sàng đổi cả mạng sống – chứ không phải chỉ giận dữ không thôi ! – Để làm xong tác phẩm. Người chống ngẫm như vậy, và biết mình đã hiểu quá xa lời người vợ. Anh ta cố

gắng giải thích :

– Chính sự ngược đời ấy đã làm nên nghệ sĩ. Từ ngay trong định nghĩa, nghệ thuật đã là điều trái lại với số đông. Từ nghìn xưa, bao nhiêu tác phẩm lớn, lớn về tư tưởng, đều được thai nghén từ trong manh động. Không phải, như có người đã nói, thiên tài là sự cố gắng chau dôi. Sự học tập bao giờ cũng có giá trị. Nhưng phần đầu tiên, với phần sau trót của tài năng phải là tự do, là mệnh mông, không then không khóa. Một Nguyễn Du, nếu còn được sống mãi với bóng lộc của Chúa Trịnh ban cho gia đình ông, chắc khó lòng có được những câu ai oán tê hồn. Anh nói như thế, em có hiểu không, là anh chống lại bất cứ một ý định điều hòa nào về đời sống của những người làm nghệ thuật. Sự can thiệp của giới chức cầm quyền, dù để chỉ huy, dù

chỉ để giúp đỡ không thôi, cũng làm hèn hạ một tài năng cao quý. Nghệ thuật với trật tự phải biết đến nhau, nhưng không bao giờ phối hợp được.

– Như thế rồi sao, anh ? người vợ khôn khéo hỏi một câu vô hại.

– Như thế rồi mai sau, nếu người ta thấy rằng anh nghĩ đúng, phần nghệ thuật sẽ phải được xếp riêng và ngoài cuộc sống chung. Cho đến ngày ai nấy đều no đủ đồng đều, nghệ thuật sẽ trở nên một thứ nhu cầu tối thượng. Bởi chỉ có nghệ sĩ mới có khối óc vượt xa hơn mọi biên giới của thực tế, mặc dù thực tế có tiến bộ được đến đâu. Anh nghĩ chính lúc đó nghệ thuật sẽ trở thành cả nguyên nhân và lý do của sự sống. Cái đẹp là ý muốn sau cùng của Thượng-đế, mặc dù Thượng-đế có sức mạnh được đến đâu. Bởi một lẽ giản dị, sức mạnh tất có

hạn, còn cái đẹp, chỉ có cái đẹp, mới vô cùng. Khi con người đã có thành phần của Thượng-đế ở trong, khi Thượng-đế chỉ chi phối mà không chỉ huy được đời sống, thì, anh hỏi em, anh hỏi em, nếu con người không nắm lấy quyền chỉ huy ấy thì để nó cho ai ?

Câu hỏi sau cùng bỗng hét lên to quá, át cả tiếng mưa rào trên mái ngói. Người vợ không hiểu gì, vội chống tay ngồi dậy. Nàng nhìn chồng, im lặng dò hỏi và sợ sệt. Nàng tuy sợ, nhưng hơi ấm trong lòng chàng vẫn sấy đỏ hây hây đôi má. Người đàn ông quên ngay sự vô lý của mình. Anh ta mới chộp cười bằng mắt đã đủ nói lên ý định. Người đàn bà quơ cái chăn đơn vào lòng, thủ thế.

Đừng. Đừng, anh. Gió lạnh. Nhưng người đàn ông đã vào đến trong chăn. Anh ta cãi bài bày bằng cách nhắc lại một

hình ảnh cũ. Không sợ. Còn nhớ không ? Hồi ở hậu phương. Ở giữa rừng. Ngay giữa cơn mưa bão còn không sợ.

Nhưng dù sao một cánh tay cũng thò ra, kéo cánh cửa sổ trở vào. Căn gác xép tối om. Buổi chiều nói chuyện văn chương với vợ đến đây là hết.

NGUYỄN MẠNH CÔN

Một đóng góp rực rỡ vào
văn học nghệ thuật miền Nam

NGHỆ THUẬT

tuần báo

Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút

MAI THẢO

Tổng thư ký tòa soạn

THANH NAM

Từ Hải

và cuộc phiêu lưu của đời chàng

truyện của DƯƠNG NGHIỄM MẬU



Tháng tám, mùa thu năm Dậu,
binh lửa khắp bốn phương,
Hà-đô rục cháy, ta lánh mình về ở

Thạch-quận, nơi ấy núi đồi trùng điệp, khí lạnh căm căm. Nhân khi thông thả có kẻ cho mượn một cuốn văn vần rách nát đọc giải khuây. Câu chuyện đời nàng họ Vương đã muôn phần éo le oan trái, thời nhiều nhưng, tao loạn thật bao cảnh đau lòng rơi lụy ; lại thêm lời thơ như ngọc chuốt, ta tuổi còn thơ cảm nước mắt không đang. Đến như Từ Hải đường đường một đấng mà cũng sa cơ làm ta sót sa tắc dạ.

Ta hỏi : Áng văn của ai mà trác tuyệt. Kẻ lớn bảo : Đồ trẻ ranh miệng còn hoi sữa biết gì mà nói, tuổi mày còn chưa được phép đọc nữa (kể gì đàm luận), khúc Đoạn Trường Tân Thanh này là của Tố Như tiên sinh viết ra đã hơn một trăm năm. Từ buổi ấy ta lấy sách đó làm lòng, đọc đi đọc lại không thấy chán đến nổi nhập tâm. Bao nhiêu dâu bể, sống lên

trong buổi nhiều nhưng, bút rút đứng ngồi không yên, cảnh tang thương diễn ra như giấc mộng, từng đời lắm cảnh nhớ nhãng khiến ta mỗi ngày một thêm yêu tay giang hồ Từ Hải, lòng những không yên tự hỏi : đời người anh hùng quả vậy chăng ?

Một đêm kia ta đang đọc sách bên đèn trên lầu vọng nguyệt bỗng thấy một người oai phong lẫm lẫm vén màn, đẩy cửa, đi vào, ngồi xuống tràng kỷ, đối diện với la, xưng tên là Từ Hải. Vừa mừng vừa lo không biết mình tỉnh hay mê. Ta hỏi: Ông còn sống sao ? Từ đáp : Ta vẫn còn sống, cảm vì thanh khí nên mạo muội đến hầu chuyện, uống với nhau vài chén rượu nhạt, hát với nhau một vài câu, chắc tiên sinh cũng chẳng chấp gì mà không cùng nhau vui ít phút, nhất nữa ta cũng muốn kể lại cùng tiên sinh một vài

sự thực của đời kẻ giang hồ này... Ôi câu chuyện ngày nào còn thảng thốt như một giấc kẻ vàng, thực giả, giả thực, nhiều lúc cũng làm ta choáng váng chẳng biết ra sao... Khi tỉnh dậy ta vẫn còn nghe như tiếng ai trầm buồn, bóng ai thấp thoáng, tiếng cười giọng nói như còn phảng phất. Từ đó đến nay câu chuyện vẫn còn in trong dạ, đã nhiều phen định cầm bút viết ra, một là để giải cái oan cho người thiên cổ, sau là để tạ ơn người giang hồ bạt tử, người tri kỷ cách biệt. Nhưng giấy bút vẫn chùng như ngội lạnh, bao đêm trường thao thức nhiều khi muốn đoạn tuyệt với bút nghiên. Giấy mực còn có nghĩa gì nữa ? Sách đèn còn có nghĩa gì nữa ? Chữ nghĩa thánh hiền mà làm chi ? Đêm qua ta lại thấy Từ Hải về đứng bên thư án hỏi : Tiên sinh còn nhớ kẻ hèn này không ? Ta nói : Còn nhớ, quên sao được... Từ Hải trừng mắt nhìn ta : Sao

tiên sinh không vứt bỏ bút, đốt bỏ sách mà cầm lấy một con trủy thủ. Ta buồn rầu : Con trủy thủ từ chàng Kinh Kha đến nay đã thất truyền, còn chẳng là những con trủy thủ giả trong giới lục lâm. Từ Hải quát lên : Tiên sinh không còn một mũi nhọn nào khác sao ? Ta lặng đi, đến khi nhìn lên thì đã không còn thấy Từ đâu nữa Đêm nay nằm nghe tiếng súng vắng đưa vào kinh thành, trời đất u ám, ta nghe như tiếng quát của Từ Hải còn vang dậy. Ta thấy cần phải trả cho xong một món nợ nên ngồi vào thư án, thắp ngọn bạch lập mà viết lại câu chuyện đời của Từ Hải này, một là để gửi cho vong anh Từ Hải, sau là để tạ ơn với Nguyễn Du tiên sinh đã cho kẻ sống 200 năm sau được gặp một tay giang hồ cự phách.

✱

Phong trần mài một lưỡi gươm

Những phường giá áo, túi cơm xá gì.

Từ Hải rời bến lên tìm tửu điểm. Trời đã nhá nhem tối, qua mấy con đường trong phủ vẫn không thấy một tửu điểm nào, mãi cho tới Cửa Đông thành mới thấy một quán rượu lớn, ngoài cửa có treo đèn lồng liền bước vào, gọi rượu, chủ quán ngó vào mặt Từ Hải rồi từ chối :

– Ở đây không bán rượu, anh đi sang Cửa Bắc mà uống.

– Sao cửa tiệm bán rượu mà lại không bán rượu là thế nào. Nhà người sợ ta không có tiền sao ?

Vừa khi đó có hai người khách bước

vào quán kê rượu, chủ quán bỏ Từ Hải chạy ra tiếp khách và kê kẻ hầu mang rượu ra. Trông hai người kia có vẻ sang trọng hơn. Từ Hải đập bàn hét lớn :

– Tụi bay khinh ta không đáng uống rượu sao ?

– Có lẽ anh ở xa vừa tới nên không biết rằng nơi đây chỉ bán rượu cho các quan mà thôi. Anh sang Cửa Bắc uống với tụi phu phen và lái buôn ở bên đó thì hơn.

Từ Hải nghe nói máu giận tràn hông nhào tới thoi tên chủ quán một cái nhào vô tường té xỉu. Hai người khách ở bàn trong đứng dậy. Người cao lớn tiến ra chưa kịp nói nửa lời đã bị Từ Hải đá cho ngã chúi vào gậm bàn. Người khách còn lại ra về vẫn nhân đứng ở phía bên kia bàn nói ra :

– Nhà người sao dám phạm vào quan Thái úy, muốn chết hay sao ?

– Thái gì, có thái thật, mi muốn ta thái nó ra từng miếng mà nhậ nhệch chơi không. Mi muốn sống hãy ngồi xuống, ngồi xuống, ta ra lệnh.

Người khách run sợ ngồi im, Từ Hải tới vực tên kia dậy rồi đặt ngồi lên ghế, cùng tên chủ quán.

– Quán này dành cho các quan mà, toàn quan lớn cả, tên thuyền chài này xin làm một tên lính hầu rượu cho phải phép. Tửu bảo đâu ? Hãy mang rượu ra đây.

Lũ hầu run sợ mang rượu ra, Từ Hải cầm cả vò đồ lên đầu tên Thái-úy và chủ quán.

– Uống đi, mời các quan... ngàn

nằm một thuở kẻ hèn mọn du côn này mới có cơ hội để hầu rượu quý quan. À, quan lớn, mời quan lớn...

Người khách ngồi im như đã chết. Từ Hải đẩy một vò rượu qua nhưng khách vẫn ngồi im.

– Sao quan lớn, hay ngài không muốn dùng thứ rượu này. Tửu bảo, hãy cho ta thứ rượu tắm Sơn-đông ra đây, hãy hâm thật nóng.

Tửu bảo mang rượu ra, Từ Hải mở vò ngửi ngửi rồi nhắc lên tu một hơi. Một hơi rượu là Từ Hải tỉnh táo, Từ đưa tay áo quệt ngang miệng nhìn người khách vẫn ngồi im.

– Quan lớn, nhậu đi quan lớn, mấy khi tên cu-li này được hầu rượu quan lớn ! Tửu bảo cho ta nửa con heo béo ra đây.

- Dạ thưa không có heo.
- Có thịt người không ?
- Dạ... dạ...

Từ Hải đưa mũi đánh hơi rồi xô ghế đứng lên đi thẳng xuống nhà bếp thấy có mấy đảnh thịt treo liền vớ lấy.

- Cái gì đây tụi bây.
- Dạ thịt cây.
- Thịt cây thì tao không ăn được sao.
Hay thịt cây cũng chỉ dành cho các quan lớn quan nhỏ nhà mày.

Từ Hải mang mấy đảnh thịt lên vừa ngọam vừa uống rượu. Tên Thái úy và chủ quán đã ngúc ngoắc cái đầu. Người khách vẫn ngồi im.

- A ha, quan lớn chê rượu Sơn-đông

à. Vậy thì có một thứ rượu chính hiệu Việt-đông đây, kẻ hèn xin cam đoan rượu tốt để dâng lên ngài dùng thử.

Vừa nói Từ Hải vừa đứng lên hai chiếc ghế giang chân tụt quần ra và lấy chiếc bát cầm ở tay mà đái vào. Xong xuôi Từ Hải bước xuống và giữ đầu người khách mà đổ vào miệng. Hắn kêu ằng ặc như một con heo bị chọc tiết. Kẻ trong quán ngó ra xanh mặt. Ăn uống no say, Từ Hải đứng dậy kêu tửu bảo :

– Lúc các quan lớn trở dậy chúng bay nói lại cho ta rằng : Từ Hải, một tên thuyền chài du côn ở bến Việt-đông rất mong được hội ngộ quý quan...

Từ Hải chệnh choáng hơi men trở về bến, miệng lảm nhảm văng tục. Lũ tửu bảo kinh hồn đứng ngó nhau, bởi cái tên Từ Hải làm họ rùng rời.

Ở đất Việt-đông này cái tên Từ Hải ai là chẳng nghe đến một hai lần bởi những hành tung của Từ Hải. Hải là con một người thuyền chài dưới bến, có võ nghệ, người đen đũi, xấu xí, nhưng xử sự là của một tay anh chị hào phóng. Hồi chưa có Từ Hải ở phủ Việt-đông bọn du thủ du thực lưu manh phá phách thật khổ sở, chúng làm đủ mọi việc nhơ bẩn. Một tay Từ Hải đã làm cho bọn này khiếp sợ, kẻ thì bỏ đi tìm đất khác kiếm ăn, kẻ thì cải tà quy chính làm đàn em Từ Hải, cho nên người ta gọi Từ Hải là “chùm du côn”. Từ Hải thấy chuyện gì chướng tai gai mắt là chẳng bỏ qua, giúp kẻ yếu trừ kẻ mạnh, lấy của kẻ giàu cho kẻ nghèo chẳng bao giờ thu cho mình một chút lợi nhỏ, quanh năm đóng một chiếc khố rách. Bởi thế ai cũng kính nể, mến chuộng, Từ chỉ vui với đàn em và nghề chài lưới, nếu ai mời mọc trả ơn chàng thì nhận uống

một bữa rượu sông cho say mà lấy làm thích. Uống rượu ngà ngà Từ Hải huyền thuyên hát và gảy đàn như một tài tử nhàn du hạnh phúc. Viên quan ở đó có ý mến cho gọi đến sung vào lính, Từ Hải làm ngơ và từ chối :

– Thừa quan lớn con chỉ là con nhà thuyền chài..

Nhưng cũng vì những hành tung của Từ Hải mà bọn quyền thế ghét, đã nhiều phen định hãm hại.

Chẳng bao lâu viên quan cai trị cũ bị đổi. Viên quan mới hống hách, thêm vào bọn sai nha quấy phá. Những chuyện đó làm Từ Hải nhiều phen tím mặt bầm gan. Rồi bỗng đâu có một tin sét đánh tới tai dân chài : Viên quan ra lệnh trưng dụng tất cả thuyền bè để chở đá về Bắc-kinh xây dựng hoàng cung. Đó cũng là vì viên

quan muốn lập công với triều đình.

Lệnh vừa ban ra dân chài lo sợ cho đời sống. Họ chỉ còn biết nhìn nhau khóc. Lời ta thán kêu ca tưởng thấu tới trời. Từ Hải liền tụ tập mọi người kéo tới cửa phủ để kêu xin. Nhưng cửa phủ đóng kín, lính canh nghiêm ngặt không cho vào. Chẳng những thế lính canh còn được lệnh đánh đuổi lũ dân đen. Những ngọn roi đã quất xuống. Từ Hải cúi gập quất lên :

– Sao lại thế được, không có dân chúng bây làm quan với ai ? Chúng bay muốn chết không có đất chôn phỏng ?

Từ Hải liền trở về. Đêm hôm đó liền tụ họp mọi người lại tìm cách đối phó. Từ Hải bàn cùng mọi người xem phải làm thế nào. Nhưng rồi chẳng biết phải làm sao.

Tại sao chúng ta lại phải chịu mãi sự bất công ? Chúng ta đâu phải súc vật để chúng nó làm sao nên vậy. Bà con cô bác nghĩ xem. Tôi chỉ muốn bầm cho chúng nó mấy nhát rồi ra sao thì ra.

– Nhưng sức chúng ta yếu.

– Không, chúng ta không yếu nếu chúng ta hợp sức với nhau. Tại sao chúng ta lại không chống cự ?

– Anh định rủ bà con làm loạn hay sao ?

– Làm loạn là thế nào ? Ai không muốn sống yên ổn làm ăn ? Nhưng bây giờ người ta có cho mình sống như thế không? Sưu cao thuế nặng. Nay việc này mai việc khác, ăn không ngon, ngủ không yên. Kẻ trên không đoái đến dân chỉ lo thụ hưởng, chất chứa bạc vàng, xây

dinh thự, đàn ca hát sướng. Kẻ dưới cạy quyền hà hiếp dân chúng. Miếng ngon của lạ bị cướp, vải lụa bị thu không còn mảnh khố che thân. Gái đẹp bị mang đi rồi thải ra cho làm dĩ... Bao nhiêu việc đó ai không thấy, có mắt có tai để đầu mà không biết. Vậy thì ai làm loạn. Thời như thế này đã chẳng phải là loạn hay sao. Chúng ta không muốn loạn, không làm loạn mà chỉ muốn hành động để được sống yên... Nay chúng ta chỉ còn mấy mảnh thuyền nát, gạo không còn một hột, tiền không có một trinh, sống chỉ nhờ vào cái thuyền, nay lại trưng dụng để đi chở gạch xây nhà cho quan ở, như vậy thì khác nào chúng giết dân chài. Chúng ta bị chặt cụt tay chân... Lẽ thiệt hơn như thế, tôi nói để bà con cô bác hay. Chẳng lẽ lại ngồi nhìn nhau mà chờ chết hay sao ?

– Nhưng nếu chúng ta không chống nổi triều đình ?

– Sao lại không. Chưa hành động đã sợ thất bại là làm sao ? Chẳng qua ở đời này ai cũng một lần chết. Như vậy chọn cách chết nào tốt đẹp cho cuộc sống thì thôi chớ. Được thì sống thua thì chết là lẽ thường tình... Ai theo tôi ?

Câu hỏi cuối cùng đây về quyết liệt làm cho mọi người yên lặng. Cả một vùng bến nước như đắm vào nỗi hoang mang lo lắng. Những chiếc thuyền đứng im, người ta chỉ nghe thấy những tàn đuốc rơi xuống mặt nước sèo sèo. Từ Hải đưa mắt nhìn vào hơn hai trăm chiếc ghe chài châu đầu vào nhau thành một vòng tròn. Trong nền đêm ánh đuốc soi chập chờn vào những khuôn mặt đen bóng khắc khổ. Những mái tóc bạc chen vào những mái tóc xanh. Những con mắt tư

lự, làn môi mím lại uất ức. Họ đã đồng thanh theo Từ Hải.

Sau khi các thuyền bè đã tản ra, Từ Hải tự anh em lại bàn tính mọi việc. Sáng hôm sau Từ Hải loan báo cho dân chài biết hết trưa mọi người sẽ rời bỏ bến kéo đi, đám thanh niên lựa lấy những chiếc thuyền tốt giữ lại còn bao nhiêu dón lại một chỗ rồi phóng hỏa đốt hết, lửa cháy rực trời cả bến Việt-đông, dân phủ kéo ra xem đều náo loạn. Quan phủ nghe tin mang lính ra thì chỉ nhìn thấy mảnh ván trôi lều bều trên mặt nước, dưới bến không còn một chiếc thuyền liền bắt người tra khảo nhưng chẳng ai cung khai điều gì. Tức giận viên phủ quan sai chém đầu mười kẻ bêu xác trên cửa thành và tuyên cáo lòng bắt đám dân chài, nhưng họ đều đã đi mất tăm. Từ Hải dẫn đàn thuyền ẩn vào khu rừng lau ở giáp phủ

Việt-đông với Uyển thành.

Sau biến cố ở Việt-đông, quan cai trị vội vàng viết biểu về triều. Minh Thế Tổ lúc đó đang tin dùng lũ hoạn quan. Bao nhiêu quyền bính ở cả trong tay bọn đua nịnh nên kỹ cương nát bét. Giặc giã nổi lên tứ tung không làm sao đánh dẹp được. Dù vậy việc ở Việt-đông lại rất được chú ý vì công việc xây dựng một hành cung trở thành quan trọng. Nhưng khi quân đội tới nơi cũng chẳng có ai mà đánh ngoài việc cướp bóc, hãm hiếp, đốt nhà.... dân chúng thêm phần cực, thanh niên bỏ đi theo Từ Hải thêm đông. Ngày thao luyện võ nghệ, đêm đêm giọng thuyền đón chặn những thuyền buôn lấy lương thực, đón bắt những lính tuần, cướp phá những kẻ quyền thế giàu có, cùng những tên quan hà hiếp dân lành. Tiếng tăm Từ Hải mỗi ngày một vang động

khắp cả vùng Sơn-đông. Nghe đến tên Từ Hải bọn quan lại đều run sợ. Chẳng bao lâu Từ Hải đã chiếm được một vùng ven biển làm bản doanh, thanh thế mỗi lúc một lừng lẫy. Những kẻ bất mãn với triều đình, những kẻ bị hàm oan, những kẻ có máu thảo khấu cùng tìm về tụ tập dưới trướng Từ Hải, như bọn thảo khấu Vương Trục ở Giang-nam, bọn Tú Quái ở Thiểm-tây, bọn Từ Văn Trường ở Sơn-âm và nhiều thanh niên có máu giang hồ hảo hớn ưa chuyện phiêu lưu cứu khổn phò nguy khác. Với lòng ngay thẳng chí khảng khái kiên cường Từ Hải đã nêu cao ngọn cờ đại nghĩa trước đám dân đã oán ghét một triều đình bất lực, thối nát, nên mỗi lúc ngả theo một thêm đông. Lòng người như thác lũ cuộn lên tưởng có thể cuốn đi tất cả những gì đang nhận, chặn, ngăn cản đè nén trên cuộc sống, nhưng vì giòng nước không chảy về một

phía mà đổ về những ngả khác nhau, nên sức phá phách chỉ tạo thành những đám giặc nhỏ, chia thiên hạ ra từng khu vực mỗi kẻ hùng cứ một phương, xưng hùng xưng bá, tình cảnh nhiễu nhương thật không thể nào tả xiết.

✱

Khen cho con mắt tinh đời

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già

Một lời đã biết đến ta

Muôn chung, nghìn tử, cũng là có nhau

Nổi lên ở Việt-đông, dần dần Từ Hải xua quân xuống miền Nam tung hoành như giữa chốn không người, chẳng bao lâu chiếm cả vùng duyên hải. Đại quân kéo xuống chiếm Lâm-thanh, Châu-

thường và đóng tại đó, thế quân như thế chẻ tre. Các thành Vô-tích, Hàng-châu, Châu-thai bị đe dọa, chỉ mới nghe tiếng Từ Hải nhiều tên quan đã chỉ trực bỏ thành trốn hoặc sửa soạn đầu hàng.

Dự định đánh một trận lớn để gây thanh thế, Từ Hải quyết định tạm đóng quân, thao dượt binh mã, chiêu nạp thêm quân tinh rồi một mình cùng mấy kẻ hầu cận xuống phương Nam xem tình hình. Trong đám có Từ Nguyệt Minh, người ở Sơn-âm, hiệu là Văn Trường trước vốn là thượng khách của Hồ Tôn Hiến. Từ Văn Trường là một kẻ có học, văn hay chữ tốt, không có sách gì là không đọc, tiếng tăm lừng lẫy trong thiên hạ, nhưng thiếu bè cánh, không được trọng dụng nên sinh ra bất mãn, du sơn du thủy. Cái học không đặt đúng chỗ khiến cho Văn Trường thành kẻ trụy lạc chỉ lấy thú

vui rượu chè đi điểm làm hứng cho văn chương. Khi trước Văn Trường đã từng đến mua vui ở Hàng-châu, thủ phủ có hàng mấy ngàn nhà điểm, chính ở đó Văn Trường đã chứng kiến chuyện viên Thái-thú Hàng-châu là Liễu Tuyên Giáo vì không ưa những kẻ xuất gia thờ Phật nên rắp tâm dùng bọn gái điểm cám dỗ khiến nhiều nhà tu phá giới. Đến lúc sau Thái-thú Liễu Tôn Giáo bị đổi đi Trương Nguyên Biện đến thay thế, chính người này đã tiến cử Văn Trường với Hồ Tôn Hiến. Thái thú Trương Nguyên Biện ghét bọn gái điểm nên tìm cách đuổi đi hoặc giết, những gái điểm trong viện Hồng-Liên trước kia theo Liễu Tôn Giáo hại nhà chùa đều bị Trương Biện giết hết, con số lên đến hàng mấy ngàn người, vì có chút cảm tình với nàng Vương Thúy-Kiều nên Văn Trường đã xin cho nàng thoát được nạn ấy.

Do chuyện cũ, Văn Trường đã đề nghị với Từ Hải ghé vào Hàng-châu trước nhất để nhân cơ hội gặp lại người xưa. Trên chiếc thuyền xuôi gió Văn Trường nói với Từ Hải :

– Tôi nghĩ rằng đã đến lúc tướng quân phải xưng đế hiệu để lấy danh nghĩa cho dân chúng theo. Chứ chẳng lẽ mãi mãi chúng ta chỉ là một phường cướp biển.

– Ông muốn được làm quan lắm sao ? Ngó bộ mình làm như thế này không có chính nghĩa sao ? Ta thấy ta chẳng xứng để mà xưng đế, làm một tên thuyền chài mà sánh với những Lưu Bị, Lưu Bang e không chính danh ? Và có lẽ ta chỉ hợp được là một tên du côn rong chơi ? Thực tình ta đâu muốn làm chuyện này, làm một đế vương có gì là sướng nhỉ, không may lúc sống có thể bị chặt đầu, khi chết bị quật mồ. Làm một người dân thường,

ở vào buổi thái bình yên trị ta cho là hạnh phúc hơn hết. Không đành được, sinh vào thời rối loạn, thân chẳng yên mà ta phải hành động. Ta ước sao bây giờ có kẻ tài đức ra thu thiên hạ về một mối, mang lại đời sống yên ấm thái bình, ta chẳng tiếc gì mà không mang thân làm một kẻ xách dép, cầm roi theo hầu. Ông có thấy rằng, lúc này, rời bỏ được chốn ba quân chúng ta thanh thoi sung sướng biết là bao nhiêu. Bây giờ ông hãy ngâm vịnh đi, quên những việc chúng ta đang làm. Suốt đời, khi ăn, khi ngủ, lúc chơi bời mà cứ phải đóng cái vai tướng quân quả thật ta chẳng ham. Được làm ông Trời mà phải bỏ rượu, bỏ cả hát đàn địch, xa bạn bè, bỏ đàn bà thì ta cũng chẳng làm. Bán khiên cung kiếm, nhất trạo giang sơn, ta hiểu vì sao Hoàng Sào chỉ là giặc Hoàng Sào mà không là Đế vương Hoàng Sào.

– Lưu Bang chỉ là một tên xã trưởng tầm thường, Lưu Bị chỉ là một tên dật chiếu, tôi nghĩ làm nên nghiệp đế đâu có khó gì, trong lúc tướng quân có binh hùng tướng mạnh, lại ở lúc xã hội rối ren, triều đình mất cả chính nghĩa.

– Thôi ông đừng khuyên ta chuyện đó. Ta sợ rằng lúc chúng ta ở đây, chung đụng với nhau còn thương yêu dân chúng, còn quý mến bạn bè. Ta sợ khi làm vua rồi ta chẳng còn được cùng ông xuôi thuyền mà đi tìm gái như thế này. Địa vị, quyền bính, vinh hoa sẽ làm cho chúng ta quên hết. Ta sẽ thành một hôn quân, ông sẽ thành nịnh thần tham nhũng, và thật mệt cho dân chúng. Ông đọc sách thánh hiền nhiều hơn ta sao chẳng biết chuyện đó, những chuyện liên tiếp xảy ra trong lịch sử.

Văn Trường nghe Từ Hải nói trong

bụng không vui, vì ý ông lúc theo về với Từ đâu chỉ muốn làm một tên giặc biển, mộng của ông đặt vào lúc lập được triều đình làm một quan đại phu.

Từ Hải uống hết vò rượu này sang vò khác, chàng lấy ra cây đàn vừa gảy vừa cất tiếng hát, trong giây lát chàng đã biến từ một tên tướng vũ dũng thành một nghệ sĩ say sưa trong cõi mộng

Lúc sau Từ hỏi Văn Trường :

– Ông ăn chơi lọc lõi đã nhiều, vậy ở Hàng-châu này có chốn nào đáng là đệ nhất thiên hạ.

– Xưa kia viện Hồng-Liên là đáng kể, nơi đó có một nàng ca kỹ tên Vương Thúy Kiều đáng được tôn là nữ vương. Tôi đã biết hàng vạn gái chơi ở Hàng-châu này nhưng chưa thấy ai có thể sánh

được với nàng. Khách giang hồ, tài tử sành điệu đã nhiều kẻ chết. Nay không hiểu nàng có còn ở đó chẳng.

– Trong đám làng chơi lại có kẻ như thế được sao.

– Tôi nghe kể lại, nàng vốn là con một nhà gia giáo, khốn nỗi gặp lúc gia biến, cha bị hàm oan khiến nàng phải bán mình chuộc tội, và số mệnh đưa nàng vào chốn thanh lâu. Nàng có hương sắc mặn mà, bốn nghề cầm kỳ thi họa lại đều trác tuyệt, quả tôi chưa gặp ai như thế.

– Ông dám chắc như vậy ?

– Hẳn ý tướng quân vẫn ngờ về những gái làng chơi tầm thường, vì hư thân, mất nết, đàn điểm mà dẫn chân vào, thường tìm lý do bào chữa, tự vẽ ra

một quá khứ để lừa mình lừa người. Quả nàng họ Vương không thuộc hạng đó, chẳng phải ai nàng cũng tiếp, mà được tiếp ít ai đã được ân cần. Chính tôi đây vẫn chưa được gần nàng. Tôi chỉ mong sao trong đời được một lần uống rượu trên người nàng.

– Nghe ông nói ta thấy ham quá. Tôi nơi mong cho chúng ta có thể gặp được.

Sau quãng đường dài, Từ Hải cho mấy tên bộ hạ phân tán đi thám thính còn chàng và Văn Trường thì đi kiếm nàng họ Vương. Là một dân thuyền chài, rồi lại bôn ba mấy năm liền chưa biết những thú ăn chơi của bọn giàu sang quyền thế nên Từ Hải không khỏi ngạc nhiên, bàng hoàng giữa thủ phủ Hàng-châu, liên tiếp nhau những cao lâu, tửu điểm, trà đình, những nhà chứa xây cất nguy nga như cung điện kể cả hàng mấy

ngàn, giai nhân tài tử, quần áo nhung lụa lên xe xuống ngựa nhộn nhịp không thể đếm xiết. Hàng-châu trong những năm cuối đời Minh là một kinh đô văn hóa và trụy lạc. Bọn văn nhân tài tử bốn bề tụ về ngâm vịnh, trên vách tường, bàn ăn, ghế ngồi, hiên nhà chốn lầu xanh chi chít những bài ngâm vịnh, mang đủ mọi tên tuổi ca ngợi những đóa hoa biết nói, hoặc suy tụng lạc thú. Những kẻ nhiều tiền, những viên chức cao cấp lâu lâu lại giả dạng tới chẳng thiếu mặt một ai. Họ bòn mót của dân bằng hà hiếp, hối lộ, thụt két đến kẻ gian thương, cho vay cắt cổ... cuối cùng lại mang tiền đó đến Hàng-châu mà tiêu trong cuộc vui thâu đêm suốt sáng. Vì thế con gái nhà lành trong thiên hạ, hoa mắt vì ăn chơi kéo nhau đến Hàng-châu làm đĩ mỗi lúc một đông, nghề nghiệp nhàn hạ lại được ăn ngon mặc đẹp, có kẻ phúc may bỗng một

sáng một chiều trở thành mệnh phụ. Làm đi quả là nghề đi buôn không mất vốn mà dễ được giàu to bởi hoàn cảnh nhiều nhưng suy đồi tào thành.

Tìm kiếm, hỏi thăm mãi sau Văn Trường và Từ Hải mới thấy được nơi ở của Kiều. Nàng ở một căn lầu nhỏ nhưng tráng lệ nguy nga trong một khu rộng lớn với nhiều nhà khác nhưng thuộc hạng rẻ tiền. Nhận được mặt ân nhân, Kiều vô cùng mừng rỡ rước lên lầu, Từ Hải lại trút ra một số bạc lớn nên chủ chứa chỉ biết cuống cuống ra lệnh sửa soạn tiệc rượu để cung phụng vì gặp một món khách sộp.

Vừa gặp mặt Kiều, Từ Hải đã say đắm. Thấy Từ đã hợp ý, Văn Trường liền rút lui xuống nhà đi kiếm gái khác để cho Từ Hải và Kiều mặc tình mây mưa. Lâu ngày không gần đàn bà nên Từ háo

hức như trâu bò được ngày phá dỡ, còn nàng Kiều cũng thấy sung sướng vì gặp một người con trai không phải nhà nghề giở những trò kinh tởm hành hạ nàng. Sau những phút say mê Từ bắt đầu tâm sự với Kiều, trong thâm tâm chàng nảy ra niềm trắc ẩn, thương yêu. Sao một người con gái như nàng mà phải đầy đọa như vậy cùng với mấy ngàn con gái khác ở đất Hàng-châu này. Trong số đó chắc cũng có kẻ hư hỏng còn thì ai không muốn có tấm chồng, một bầy con và một đời sống lương thiện ? Cũng như chàng, cả những kẻ theo chàng, ai không muốn được sống yên ấm trong một mái nhà. Hoàn cảnh khắc nghiệt và một nền cai trị hư hỏng như bầu khí độc đã làm hư hỏng bao nhiêu con người. Từ Hải nói cho Kiều nghe đời sống của mình, chàng kết luận :

– Thiên hạ bảo anh là du côn du kể, và bây giờ là một tên giặc biển. Trong phòng này, trên giường này, trước mặt em, chắc đã có những tên đại phu, những thằng đại tướng, những phường khoa bảng, những kẻ đầy chức tước, quận công, bằng cấp, quỳ gối, khom lưng năn nỉ em. Như vậy em có buồn vì anh chỉ là một tên du côn, giặc biển không ?

– Em cũng muốn làm du côn, làm giặc như anh vậy. Em khoái du côn lắm. Du côn là chơi gậy, chơi gậy thì tốt, không nham hiểm, lươn lẹo, độc ác. Chẳng qua em giờ là một con đĩ, đĩ với du côn như nhau. Phải không anh ?

– A, hay lắm, không ngờ anh lại gặp được kẻ tri âm. Ủ ờ nhỉ, tại sao du côn, đĩ lại không phải là những kẻ đáng giá hơn hết ở vào thời buổi này. Tại sao mình lại không thể lập một “triều đình du côn”,

anh là hoàng đế, em là hoàng hậu du còn ?

– Anh có say không đó ?

– Không, anh mà say thì anh đã mất đầu lâu rồi. Đi làm loạn thì không được say, vì anh say thì bộ hạ nó còn trông vào ai.

– Anh là tướng lớn vậy sao ?

– Có đứa nó còn sui anh xưng đế hiệu nữa.

– Trời ơi, như vậy thì em có muốn làm vợ anh cũng chẳng được, một hoàng đế, một vị tướng quân mà lấy vợ trước kia làm điểm thì còn thể thống gì nữa.

– Trời ơi, em tưởng chứ, bọn nó điểm đến mấy lần, điểm mà không nhận là điểm. Tiên nhân chúng nó, chúng nó

điểm tù trong triều đình mà ra. Vua đi, quan đi, tướng đi cho nên thời mới loạn, dân mới khổ. Em mới thế này, anh mới thế này chứ. Như vậy làm điểm như em, biết phân biệt người, biết kẻ tri âm, cũng như anh làm du côn, làm giặc mà còn bằng vạn bọn nó.

– Chết chết, anh say thật rồi đó.

– Anh không say, nhưng lòng anh như lửa đốt. Đâu anh muốn thế này, đâu em muốn thế này. Anh chỉ muốn có một chiếc thuyền, một cây đàn... Những kẻ bỏ nhà theo anh đâu muốn làm giặc. Quả anh bây giờ chỉ muốn đốt bỏ căn nhà này, hỏa thiêu cả thành Hàng-châu mà giải thoát cho bao kẻ phải chịu kiếp khổn khổ, đem thân hầu hạ bọn người giàu có quyền thế bất nhân trong thiên hạ. Chắc em cũng muốn như thế.

Giọng Từ Hải thét lên có lúc như tiếng thép chạm nhau, có lúc quằn quại như cơn lốc, có lúc ồ ạt như sóng dữ rồi trầm xuống xúc cảm thân yêu. Bao nhiêu năm lăn lóc trong đời nay Kiều mới gặp được một kẻ như thế. Nàng xúc động ứa nước mắt ràn rụa. Nàng như con chim bị nhốt chỉ muốn tháo cũi sổ lồng mà bay lên nền trời xanh.

Chung sống với nhau, Từ Hải và Kiều mỗi lúc một thêm quyến luyến như chẳng muốn rời. Từ Hải bỏ tiền ra chuộc Kiều khỏi chốn lầu xanh và cùng nàng trở về chốn quân sĩ phong làm phu nhân, mở tiệc ăn mừng ba ngày ba đêm.

Vui chơi ít ngày thỏa thích rồi Từ Hải chinh đồn quân mã xuống hạ thành Châu-thường, Lâm-thanh dễ như trở bàn tay. Quân sĩ triều đình phần bỏ chạy như vịt, phần quy hàng. Từ liền kéo quân

xuống vây Hàng-châu. Tử Văn Trường vốn nhớ ơn cũ của Thái thú Trương Nguyên Biện nên xin với Tử vào thành thuyết phục Nguyên Biện ra hàng. Tử Hải còn ngần ngừ, Văn Trường liền nói :

– Tôi theo tướng quân đã lâu, ân huệ được hưởng đã nhiều, vậy nay xin cho tôi trước là được lập một chút công mọn, sau là tôi trả ơn cho một người bạn cũ đã giúp đỡ thuở hàn vi. Vả tướng quân cũng không muốn việc đâm chém, trong lúc lửa đạn biết bao kẻ vô tội phải vong thân.

Tử nghe phải liền cho Văn Trường vào thành thuyết Trương Nguyên Biện.

Được tin báo có Văn Trường xin vào thành, Nguyên Biện ra lệnh cho lính mở cửa mời vào rồi bước xuống thêm, vừa thấy Văn Trường, Nguyên Biện vội vái chào rồi nói :

– Không ngờ lại được hội ngộ cố nhân ở hoàn cảnh này, tôi nghe nói tiên sinh hiện ở hàng ngũ của loạn quân nhưng không tin, chắc tiên sinh đến để giúp tôi cùng giữ thành và dẹp giặc, như vậy thì làm gì chúng ta chẳng thắng.

Văn Trường bị chặn họng trước không biết nói sao, rốt rồi phải làm nước bài này :

– Quả đúng như người ta đã nói với tiên sinh, hiện tôi ở trong hàng ngũ của giặc. Nay thấy thành bị vây khốn nên xin vào đây gặp tiên sinh mang điều lợi hại mà bàn luận.

– Chết nổi sao tiên sinh lại có thể làm thế được. Như vậy chắc là tiên sinh vào đây thuyết phục tôi hàng giặc mưu phản lại triều đình mà tôi đã gọi ơn mưa

móc ? Thật tình tôi rất cảm ơn tiên sinh đã nghĩ đến tôi.

– Tôi vẫn biết tiên sinh có mắt thấy được người nên xưa kia đã tiến cử tôi với Hồ Tôn Hiến. Tôi cũng tưởng đã có chỗ dung thân mà xử dụng một ít cái tài mọn mà phò vua giúp nước. Nhưng triều đình nay không còn xứng chỗ triều đình nữa. Sự hưng vong là số trời định. Từ Hải giấy binh cứu dân, độ nước, dựa vào lòng người nên đi đến đâu đều được nhân tâm đến đó. Xưa kia Hán Cao Tổ chém rắn dấy nghiệp chỉ là tên xã trưởng, chống lại nhà Tần chẳng phải cũng là giặc sao. Tôi thiết nghĩ giặc hay không giặc chẳng thể đứng ở phía một triều đình mà định được. Tôi vào đây trước là vì tình cũ, sau là chỗ thiệt hơn, rốt là sinh mạng của quân sĩ mong tiên sinh nghĩ lại để chúng ta cùng giúp Từ

Hải mà lập nên nghiệp lớn, mang thái bình lại cho thiên hạ.

– Ý tôi đã quyết, sinh ra tôi chỉ biết thờ một chúa. Kẻ sĩ học chữ thánh hiền trước phải lấy đạo trung làm trọng, sao lại có thể nay theo kẻ này, mai theo kẻ khác mà mong vinh thân phì gia, như vậy chẳng phải là phường cầm thú sao.

– Tôi đọc sách thấy Hoài Âm Hầu bỏ Sở Bá Vương mà theo Hán. Công tử Tiên Bạch chết, Thiệu Hốt chết theo mà Quản Di Ngô chịu ở tù về phò Công-tử Cừ... Như vậy có phải là bất trung đâu. Người quân tử không vì tiết nhỏ mà bỏ việc lớn. Nay triều đình thối nát, quan lại hư hèn, kỷ cương không còn nữa, như vậy mà tiên sinh vẫn khư khư cố chấp với chữ trung hạn hẹp ngồi yên mà nhìn được sao.

– Trước tiên sinh ở dưới trướng Hồ Tôn Hiến có viết biểu Bạch Lộc dâng lên triều đình, tôi còn nhớ những lời xưng tụng của tiên sinh. Mới từ đó đến nay mà tiên sinh đã thay đổi được sao. Tôi e vậy không khỏi thiên hạ chê cười mà sử sách cũng còn lời quở trách. Tôi hỏi thật tiên sinh, có phải cái mộng ước của tiên sinh chỉ là muốn được ngôi cao bổng hậu, chẳng phân tiết thể nào là trắng đen, phải quấy ? Tiên sinh không coi hạnh của kẻ sĩ là trọng sao ? Tôi mong cho tiên sinh có thể chết cho Từ Hải được, cũng như tôi : giữ được thành, thắng được giặc thì nhất, không xin chết chịu tội bất tài. Xin tiên sinh đừng bắt tôi nghe những lời bất trung, vô sỉ nữa.

Văn Trường ngượng mặt, biết không thể thuyết được Trương Nguyên Biện nên cáo lui ra khỏi thành.

Được biết Nguyên Biện không chịu hàng, Từ Hải kéo quân lên trước mặt thành rồi vác đao ra trước trận kêu Trương Biện ra quyết đấu. Trương Nguyên Biện cũng dàn quân rồi ra trước trận chỉ gươm vào mặt Từ Hải mà mắng :

– Thằng giặc lùn kia muốn sống hãy xuống ngựa đầu hàng ta sẽ tha chết cho. Trước ta đã định mang quân đi hỏi tội bọn bay về việc cướp bóc, dấy loạn bây giờ bọn bay lại dẫn xác đến đây quả là đến số.

Từ Hải chẳng nói chẳng rằng thúc ngựa vọt tới chỗ Nguyên Biện nhưng thoát cái đã có một viên tướng trẻ xông ra, Từ giật ngựa đứng lại nhìn tên tướng mặt còn non choẹt. Từ Hải bật cười hỏi :

– Mày là ai vậy, thằng nhỏ. Múa may với ta làm gì cho phí sức, hãy dẹp ra cho tao bắt thằng già kia.

– Mày đừng hỗn láo với chủ tướng của ta, mày thử xem có đủ sức để thắng nổi một tên bộ tướng này chăng ?

– Thôi mà thằng nhỏ, mày cũng là tướng nữa, nhưng ta có coi ngay cả cái thằng phong tướng cho mày ra cái gì đâu.

– Không nói gì hết, tao với mày kẻ sống người chết.

Hắn xông vào khiến Từ Hải phải kháng cự, qua mấy hiệp Từ Hải dừng lại, lùi ra :

– Đây thằng nhỏ, quả mày muốn chết sao. Nhưng dù sao tao cũng muốn hỏi mày : xem mày cũng là thằng khá mà sao mày lại đi làm tướng cho cái bọn triều

đình khốn nạn kia. Mà làm tướng để bảo vệ cái gì ? Bảo vệ bọn vua quan ? Bảo vệ cái tổ điểm Hàng châu này ? Chẳng lẽ mà là một thằng ma-cô sao ? Mà nên theo tao đi.

– Phường giặc cớ đừng nhiều lời, thà chết chứ tao không theo mày.

– Sống không biết sống sao cho đáng sống, chết không biết chọn cái chết cho đáng chết. Thế mà cũng đòi làm tướng.

Viên tướng trẻ như con gà sống tơ, mặt đỏ dần xông vào làm Từ Hải tức giận khoa đao nhẹ một đường, nhanh như chớp chiếc đầu viên tướng đã lìa khỏi cổ. Từ Hải vẩy quân tiến lên, chàng thì xông vào chém Trương Nguyên Biện một nhát chẻ người làm hai mảnh chết thê thảm. Quân triều đình tan vỡ trước sức ồ ạt của quân Từ Hải, dân chúng trong thành

đã mở cửa thành đầu hàng cho quân Từ kéo vào.

Vào được Hàng-châu nghiêm nhiên Từ đã chiếm được cả một vùng rộng lớn, Từ ra lệnh nghiêm cấm quân sĩ không được cướp bóc, ăn trộm. Chàng lại bắt hết các chủ chứa điểm giết đi, bao nhiêu gái chơi được tự do chọn nghề sinh sống, kẻ nào muốn lấy chồng thì Từ mang gả cho lính mình rồi chia đất hoang cho khai thác lập nghiệp, các nơi ăn chơi được biến thành nhà ở, trường học. Chính sách của Từ đưa dân chúng đến cảnh an cư lạc nghiệp, sau bao nhiêu năm họ phải sống khổn khổ đen tối. Nhưng cũng từ đó, dưới trướng Từ Hải, trong đám bộ hạ những hoang phí, ăn chơi, cờ bạc đã diễn ra cũng chẳng khác gì cuộc sống ở nơi triều đình. Mới đầu Từ còn ngăn cấm nhưng sau cũng nhậm dần vì

tự nghĩ : xưa kia họ đã khổ sở thôi để cho họ hưởng một chút. Rồi những xung đột, ghen tỵ, tranh dành đưa đến cho Từ Hải phải giải quyết, khiến cho Từ nhiều lúc mất vui. Bọn võ tướng đã lười biếng thao luyện, bọn văn quan đã chẳng còn ngòi bút kích động lòng quân, viết thư hộ cho binh sĩ gửi về thăm vợ mà dùng ngọn bút vào ngâm vịnh tâng bốc Từ Hải nào là anh tài cái thế, anh hùng bậc nhất thiên hạ, cứu dân cứu nước, sáng như mặt trăng mặt trời, nghe qua, đọc lướt Từ Hải cũng phải ngượng thẹn. Đến độ họ còn lớn tiếng ngâm vịnh, chúc tụng cả sự lành bệnh của nàng Kiều sau một cơn cảm sốt nhẹ.

Nàng Kiều dựa vào thế chồng đến ân báo oán những chuyện nhỏ nhặt. Xin xỏ cho kẻ dưới tay những ân huệ chúc tước không đáng được hưởng. Từ vì nề vợ

mà phải ứng cho. Nhiều đêm Từ thoát ra được cuộc sống nhàm chán chung quanh giả dạng làm người dân thường mà rong chơi ngoài phố, la cà vào những chốn giải trí bình dân mà mua vui, hoặc chàng trốn lên một góc thành cao mang theo cây đàn bầu rượu mà hưởng thú tịch mịch trong đêm vắng của trời sao và cái bát ngát mênh mông của vũ trụ, những lúc đó Từ nhớ tiếc thuở ấu thời nơi bến Việt-đông, vài ba người bạn đồng bồng bên trên chiếc thuyền nhỏ, thả mình đắm chìm trong cái bát ngát vô bờ của biển khơi trong xanh. Chàng nhớ tiếc cái cuộc sống bình thường nhưng hào sảng trong sáng ấy. Cái cuộc sống không biết đến những những lụa, rượu ngon, gái đẹp, quyền bính, đầy những tranh giành dục vọng. Cái cuộc sống hòa điệu với người và với vũ trụ không phải quay cuồng

chém giết... Nhưng bây giờ chàng chẳng thể làm vậy được nữa.

*

Nghênh ngang một cỡi biên thù

Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương

Trước cớ ai dám tranh cường

Năm năm hùng cứ một phương hải tần.

Từ Hải nổi lên từ phía Bắc trên bán đảo Liêu-đông rồi kéo mãi xuống tận Triết-giang, thế quân mỗi lúc một mạnh, liên tiếp những thành trì bị hạ, những toán quân được phái đến đánh dẹp đều thua một là vì quân của triều đình ô hợp, không có nhuệ khí lại ở dưới những tên

tướng vô mưu, bất tài; hai là thế giặc dựa vào dân chúng mà kháng cự, cho nên năm sáu năm liền quân Từ Hải làm chủ cả dọc bờ biển, trong tay giữ hơn mười thành. Thế giặc quá lớn, sự khuynh đảo đe dọa cả nền cai trị của nhà Minh khiến cho triều đình lo âu, nhưng khốn nỗi không ai dám lãnh việc đánh dẹp vì tinh thần hủ hèn cầu an. Sau chót vua phải sai triệu Hồ Tôn Hiến ở Giang-nam về cho thống xuất đại quân xuống đánh dẹp. Hồ Tôn Hiến chỉnh đốn quân mã rồi ngày đêm kéo xuống đóng quân ở phía bắc sông Tiền-đường đối diện với Nam-thành là bản doanh của Từ Hải. Biết thế quân của Từ Hải mạnh nếu đường hoàng dùng sức mà đánh thì phần thắng không thấy nên Hồ Tôn Hiến cho đóng trại kiên cố và án binh bất động rồi cho thám thính bên địch và tìm mưu để hạ. Hồ Tôn Hiến cho quân sĩ trà trộn vào

dân chúng loan truyền rằng Hồ Tôn Hiến không muốn gây cảnh chiến tranh, chỉ muốn có hòa bình cho dân chúng nên muốn Từ Hải về cộng tác với ông mà giúp triều đình, tất cả mọi người sẽ được hưởng quyền lợi xứng đáng, chẳng ai có tội mà cũng chẳng ai có công. Một mặt Hồ cho kẻ lén lút mang dâng cho Vương Thúy Kiều những vàng lụa, kim cương và vô số những bảo vật, đồng thời cũng viết một mật thư cho Từ Văn Trường hứa hẹn những chức tước, địa vị kèm theo với nhiều vật phẩm nhờ Văn Trường thuyết Từ Hải giải giới. Nhiều kẻ dưới trướng họ Hồ hoài nghi về chiến thuật, Hồ cười mà quả quyết.

– Từ Hải không phải là một kẻ nuôi trí lớn làm bá chủ thiên hạ, lại là kẻ xuất thân từ đám dân chài thất học không có được con mắt nhìn xa thấy rộng, chẳng

qua năm được ưu thế là vì nền cai trị hạ tầng của triều đình hư nát, lăm tẽ đoan, quan lại chỉ lo vơ vét tiền của, không chăm lo dân, đó là cái thời thuận tiện cho Từ Hải. Rồi bắt nguồn từ những bất mãn ấy mà dấy loạn thu phục nhân tâm, gom góp những kẻ có chí vùng vẫy lại mà cứu khổn cho dân chúng là có được cái thế. Có thời có thế nhưng Từ hành động vì tình cảm mà không có lý trí. Nay ta phao truyền sự hòa bình là làm cho dân chúng giảm đi sự hiếu chiến, họ không muốn loạn để cho cơ nghiệp tan tành. Bọn bộ hạ của Từ Hải nay kẻ nào cũng có của cải, yên vui tất không muốn chiến đấu phiêu lưu, rồi tất Từ Hải nghe vợ, nghe bộ hạ nói ra nói vào mà nản chí, tình cảm bị lung lạc lúc đó thật lấy đầu hấn có khác chi lấy chút vật mọn trong túi áo, mất chủ tướng rồi bọn kia sẽ tan

rá. Ta chẳng mất công gì mà đẹp được chúng.

– Nhưng nó lú thì có chú nó khôn, còn bọn quân sư của Từ ?

– Ta biết rõ cái bọn đó, các ông cứ tin ta đi. Những tên như Từ Văn Trường trước kia ở dưới tay nên ta đã rõ. Những kẻ đó cũng nhiều kẻ có tài, nhưng không có đức, không có chí, theo Từ là vì bất mãn, muốn có địa vị. Theo Từ mà vẫn khinh Từ không có học, nên không thể cùng Từ, giúp Từ lập nên nghiệp lớn. Bọn chúng lại hay suy luận loanh quanh. Nay ta mang mối mà nhử chúng tất chúng sẽ ăn. Cái bọn đó cứ mang vàng bạc địa vị ra mà nhử thì mua được hết. Kẻ sĩ ở vào buổi suy vong thời nào cũng vậy. Cho nên ta tin chắc Từ Hải sẽ ra hàng.

Sau khi đã bủa lưới Hồ Tôn Hiến

mới gửi thư dụ hàng sai quân vào thành dâng cho Từ Hải. Từ Hải liền cho triệu tập bộ hạ bàn luận. Họ bàn tán om xòm, những câu : hàng rồi bị giết không, có bị trả thù không, mình sẽ được chức gì, có được giữ lại của cải của mình không. Đánh Hồ có thắng không, nếu thua thì làm sao. Đám bộ hạ bàn tán lằng nhằng chẳng đi tới đâu. Từ Hải bực mình phải quát lên :

– Ta chỉ có mỗi một câu hỏi cần trả lời : hòa hay chiến ? Không có vì sao, tại sao.

Câu hỏi đặt ra chỉ có vài kẻ hăng hái kêu đòi chiến, còn thì đều im lặng ra vẻ suy nghĩ.

Từ Hải buồn rầu nhìn họ vì chỉ có một thời gian ngắn mà đám bộ hạ đã thay đổi gần hết. Xưa kia họ hăng hái,

họ xông lên, đòi giết cho hết bọn quan lại hại dân, đòi lập một đời sống mới, coi thường cái chết... thì nay họ đã suy nghĩ, họ muốn đứng lại ở cái địa vị cai trị của họ, không còn muốn xông pha phiêu lưu nữa. Từ nhìn bọn bộ hạ mà nói :

– Ta họp các ông lại đây là để cùng ta quyết định, ta cho chuyện này hệ trọng lắm. Cơ nghiệp dựng lên chẳng có gì to tát là công của mọi người chung sức mà có được, khi khổ có nhau, khi sướng có nhau. Riêng với ý ta, ta không hàng, ít ra chúng ta cũng còn giữ được như thế này lâu lắm, đó là chưa nói tới việc lớn hơn. Chúng ta đang được sống tự do vùng vẫy, chẳng có gì ép buộc mình, vậy tại sao chúng ta lại hàng lại bỏ thân về cái triều đình ta đã chống đối ? Chúng ta có thể chịu được cái đời sống gò bó, vào luồn ra cúi ở giữa những kẻ xa lạ kia không?

Thật ta chẳng ham gì một địa vị công hầu khanh tướng như thế. Đó là nói ở cái thế mà họ thực tình, nếu họ tráo trở, chúng ta có còn là tướng nữa không khi đã hết quân. Ta sợ khi đó chúng ta hối cũng không kịp nữa. Nói xong Từ đứng lên : Chúng ta hãy giải tán để ai nấy suy nghĩ rồi mai chúng ta sẽ quyết định.

Từ rời sảnh đường vào phòng riêng thì gặp Kiều đã ngồi ở đó hỏi :

– Tướng quân đã quyết định như thế nào ?

– Chưa quyết định gì cả.

Từ ngồi nói cho Kiều nghe tinh thần của bộ hạ, đáng buồn khoản buồn buồn. Trong thâm tâm Kiều từ hôm nhận được vàng bạc châu báu, những lời hứa hẹn của Hồ Tôn Hiến đã có ý khuyên chống

giải binh nhưng vẫn sợ, thêm vào đó sự phân vân lựa chọn. Sau chót cái ý nghĩ được yên thân, sum họp với gia sinh đã thắng thế. Biết ý Từ còn phân vân Kiều liền nói vào :

– Từ ngày được về hầu hạ tướng quân thật thiếp như kẻ được mang từ cõi chết ra cõi sống, nhưng chứng kiến cảnh binh đao thật nhiều khi thiếp lo sợ cho tính mệnh tướng quân. Nay triều đình đã biết đến tướng quân mà xin hòa, chúc tước địa vị lại sẵn, tại sao tướng quân lại từ chối, với ý thiếp được sống yên ổn vẫn hơn chứ nếu như ngày nay rồi nếu chẳng may lúc mình thua thì còn chi, thân tướng quân đã vậy, còn thân thiếp ra sao ? Tại sao tướng quân lại không nhận bổng lộc địa vị cho thiếp được từ mày nở mặt, được sum họp với cha mẹ và chúng ta có một đời sống yên vui lâu

dài. Ở đây dù có sung sướng nhưng mãi mãi chỉ là một tên giặc cỏ.

Từ Hải bị Kiều thuyết, chàng phân vân, tình cảm bị chế ngự nên hôm sau họp bộ hạ Từ quyết định nghị hòa. Chẳng mấy chốc tin đình chiến, giải binh loan truyền trong dân chúng, một vài kẻ chủ chiến mang gia đình rời đi còn lại thì binh sĩ trẻ biếng chẳng còn nghĩ đến chuyện đánh nhau nữa. Từ Hải phúc đáp thư cho Hồ Tôn Hiến định ngày thúc giáp rồi cho quân sĩ vui chơi. Hồ Tôn Hiến vui mừng liền sắp mưu kế chờ cho Từ ra hàng sẽ giết đi.

(Còn nữa. Kỳ sau đăng tiếp)

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Tưởng nhớ Nguyễn Du

Không gì bằng tìm đọc :

CHÂN DUNG NGUYỄN DU

do 12 nhà văn danh tiếng viết

1. Vũ Hoàng Chương : Góp phần
hiểu biết Nguyễn Du

2. Nguyễn Văn Trung : Đặt lại vấn đề
Truyện Kiều

3. Nguyễn Sỹ Tế : Triết lý Đoạn
Trường

4. Trần Bích Lan : Nguyễn Du trên
những nẻo đường tự do

5. Doãn Quốc Sỹ : Tình quê hương
của Thúy Kiều

6. Nguyễn Khắc Khoan : Nguyễn Du và Tình yêu.

7. Trần Thanh Hiệp : Để giải quyết mâu thuẫn trong Đoạn Trường Tân Thanh

8. Thanh Tâm Tuyền : Cửa vào Đoạn Trường Tân Thanh.

9. Việt Tử : Minh oan cho Kiều

10. Nguyễn Thị Sâm : Người em vườn Thúy

11. Phạm Thệng : Tiếng khóc Tố Như

12. Đinh Hùng : Người thơ thuần túy Nguyễn Du

Sách dày gần 200 trang giá 40đ.

KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG
TÂN THANH

của Nguyễn Khoa, dày trên 300 trang,
giá 60đ.

LUẬN ĐỀ VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN
THANH

của Nguyễn Duy Diễn, 2 quyển, dày
trên 260 trang, giá 40đ.

KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG
TÂN THANH

của Doãn Quốc Sỹ – Việt Tử, dày gần
160 trang, giá 28đ.

KIM VÂN KIỀU

bản dịch Anh ngữ của Lê Xuân Thủy,
150đ

KIM VÂN KIỀU

bản dịch Hán văn của Trương Cam Vũ,
95đ.

Những sách trên đều có bán tại :

Nhà sách KHAI TRÍ
62 Đại lộ Lê Lợi Sài-gòn

LỤC BÁT QUA THỜI GIAN

Thi ca luôn luôn là tiếng nói chân thực và tha thiết nhất của tâm hồn nhân loại. Nó diễn tả không những các khía cạnh tư tưởng, các khía cạnh tình cảm, mà trên hết cả thái độ tổng quát của con người trước đời sống. Bởi vì nó là một khối nguyên vẹn và trọn vẹn được kết đúc bởi các nguồn ngách rung động của mỗi người về những sự kiện mà các giác quan có thể thấu nhận được. Nó là thái độ tổng quát bởi vì nó có thể ở trên cả những sôi động những biến chuyển của đời sống bên trong hay bên ngoài.

Được thành lập ở trạng thái đó thi ca là một vùng thiên đàng, là một tinh thể như khối ngọc, khối ngọc ấy tỏa sáng ra khắp đời sống mưa nắng gió bão hay đẹp trời của suốt các thế kỷ nhân loại. Các thế kỷ nhân loại của dân tộc hiền từ và đa tình Việt-nam khởi đầu từ thuở nào với những cảnh ngộ nào để còn đọng lại những mảnh tình cảm như :

*Trông mưa trông gió trông ngày trông
đêm*

Trông cho chân cứng đá mềm

của một linh hồn nào đó đã sống trên mặt đất và nhìn trời nhìn đất nhìn mây để tìm lại vị trí và giá trị của đời sống con người trước tình cảm của mình và thiên nhiên trước mặt. Hay một kẻ tình-si-cuộc-đời nào có một đêm như :

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn trông sao sao mờ

người ấy nhìn con nhện giăng tơ tình và
hỏi nhện, nhện chờ mối tơ duyên nào
(mối tơ duyên là mối ràng buộc định
mệnh lôi kéo), nhìn sao mai mà hỏi sao
nhớ ai mà sao mờ, sao mờ và lấp lánh từ
một vùng cao, như những kỷ niệm với
ước vọng đã mất và cao quá, con người
không thể tới được nhưng vẫn ước mơ.
Những tình cảm còn lại tương tự như
thế, hoặc cao hơn hay thấp hơn, sáng sủa
hơn hay u tối hơn, nhiều màu hơn hay là
ảm đạm hơn đều rót chung lại một nhịp,
nhịp tâm hồn, nhịp sống, nhịp TÌNH
CA LỤC BÁT.

Chúng tôi gọi tình ca lục bát vì đó
là hình thức tất nhiên như men rượu ập
ủ nhỏ xuống thành rượu nồng, như đất

màu mỡ mọc lên nhánh thảo mộc, vì đó là cảm hứng thuần túy và hồn hậu nhất của tâm hồn người Việt-nam. Nguồn cảm hứng ấy chảy qua các thế kỷ văn chương sau này, như một Nguyễn Du với những vần lục bát vừa êm đềm vừa xé ruột vừa tàn khốc vừa ấm cúng, vừa chìm đắm, vừa siêu thoát, đã tạo thành một mảnh gốm đào không thể đẹp hơn được trong văn chương Việt-nam.

Tình tự của dân tộc qua thơ lục bát đã leo mọc trên khắp mình mẩy ca dao, sang đến Nguyễn Du nó trở thành giông bão (Kiều) đó là hình ảnh của một thời đại, lịch sử thai nghén trải qua những cơn đấng cay, nhưng vẫn chan hòa tình yêu và tình yêu lớn lên từ đấy. Các suối nguồn lục bát đã tuôn cả ra con sông dài. Nguyễn Du và Tản Đà và Huy Cận và Xuân Diệu và Nguyễn Bính và Hồ Dzếnh

và Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng là những phần nước-ngọt-thơ-lục-bát chảy ra đứng lặng lờ trên biển thơ nhân loại. Cho đến bây giờ thơ lục bát của chúng ta lại bắt đầu tìm thấy những lục địa mới.

Số VĂN đặc biệt tưởng niệm Nguyễn Du này kết thúc bằng thơ lục bát Tiên chiến. Số VĂN sau sẽ là thơ lục bát bây giờ.

Chúng tôi hi vọng những bạn yêu thơ, độc giả của VĂN, giữ hai số báo này sẽ có những bài thơ lục bát tiêu biểu cho hai thế hệ thi ca Việt-nam.

BAN TUYỂN ĐỌC
TÁC PHẨM CỦA “ VĂN ”

thể non nước

TẢN ĐÀ

– *Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời « nguyên nước thể non »,
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.*

– *Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày,
Xương mai một năm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây chiếu bóng tà dương
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai.
Non cao tuổi vẫn chưa già,*

Non thời nhớ nước, nước mà quên non.

Dù như sông cạn đá mòn,

Còn non, còn nước, hãy còn thể xưa.

– Non xanh đã biết hay chưa ?

Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.

Nước non hội ngộ còn luôn,

Bảo cho non chớ có buồn làm chi.

Nước kia dù hãy còn đi,

Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.

– Nghìn năm giao ước kết đôi,

Non non nước nước không nguôi lời thề.

quình - lâm - từ

ĐÔNG HỒ

*Ôn ai hạ cố Vương-đình,
Phải chăng, tri kỷ là mình với ta.
Chợ đời nào nức trăm hoa,
Mà riêng một gốc mai già cheo leo.
Tóc sương đã ngả mái chiều,
Lửa phồn hoa, đã đốt nhiều tâm tư.
Gió mưa nhàu nát bình thư,
Chuyện nghe tam cổ thảo lư, hững hờ.*

*Về đây dựng một lầu thơ,
Mái-trăng-non cũ, đợi chờ bấy lâu.*

Nẻo Lam-sơn, nẻo Tô-châu,
Hồ Chi-lăng, có xanh màu hồ Đông.
Lòng băng chén ngọc lạnh lòng,
Dám xông xao, bến lục hồng, đó chi.
Bốn trời, gió nổi cuồng si,
Còn nghiêng nghiêng cánh hoa qui
hướng dương.

Lòng nghiêng nghiêng hướng văn
chương,
Nghiêng nghiêng lòng hướng mười
phương gió lành.
Đào-nguyên cách nẻo kinh thành,
Hoa đào thả rụng suối tình chứa chan.

Tin xuân về đến nhân gian,
Chàng ngư tìm lối mê man bến gần.

*Am Đại-ẩn, am Tị-Tần,
Quỳnh lâm-thư-thất có phần Úc viên.*

*Mực đen chữ điểm câu huyền,
Giấy phô tờ ngọc là duyên cũ càng.
Tuổi xuân mười sáu đoan trang,
Đêm xuân tỉnh giấc mộng vàng ngần
ngó.*

*Gặp nhau, còn có bây giờ,
Cố nhân, ai dám hững hờ với ai.
Còn dậu trúc, còn bờ mai,
Đường xuân, còn trải nắng dài hoàng
hôn.*

*Còn biếc nước, còn xanh non
Thì còn nghiên đá, ngòi son, tao phùng.*

LƯU TRỌNG LƯ

bao la sầu

Nhớ em trong ánh trăng mờ,

Sóng cây gió gợn giời bao la sầu.

Chim chi gọi mãi bên cầu,

Phải chòm sao rụng trước lầu hờ em ?

Lẳng nghe trăng giải bên thềm,

Lẳng nghe trăng giải bên thềm... ái ân.

suối mây

*Mời em lên ngựa với anh,
Nường theo bãi sậy qua ghềnh suối
Mây.*

*Em ăn hộ quả sim này,
Năm sau sim chín nhớ ngày lại lên.*

*Nói đi! Em mãi làm duyên,
Quê em ở xá ? tên em là gì ?
Mời em xuống tắm suối Mây,
Em phơi áo lụa trên cây sim này,
Ừ ! sao má đỏ hây hây ?
Ái ân đã đến tự ngày nào em ?*

núi xa

*Núi xa, nhà vắng, mưa mau,
Mênh mông cồn cát, trắng phau ngô
dừa
Trong thôn vắng tiếng gà trưa
Lẳng nghe đúng ngọ chuông chùa... nện
không.*

trăng lên

*Vùng trăng lên mái tóc mây,
Một hồn thu lạnh, mơ say hương nồng.
Mắt em là một dòng sông
Thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em.*

tiếng sáo thiên thai

THẾ LỮ

*Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai Kim đồng.
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,
Buồn ơi! xa vắng, mênh mông là buồn...
Tiên nga tóc xõa bên nguồn,
Hàng tùng rủ rỉ trên cồn đầu hiu,
Mây hồng ngừng lại sau đèo,
Mình cây nắng nhuộm bóng chiều
không đi
Trời cao xanh ngắt. – Ô kìa*

*Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.
Theo chim, tiếng sáo lên khơi,
Lại theo lòng suối bên người Tiên nga
Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần vắt vẻo bên bờ cây xanh.
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong
không.
Thiên Thai thoảng gió mơ màng
Ngọc Chân buồn tưởng tiếng lòng xa
bay.*

XUÂN DIỆU

chiều

Hôm nay, trời nhẹ lên cao,

*Tôi buồn, không hiểu làm sao tôi
buồn...*

Lá hồng rơi lặng ngõ thôn,

Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu đương.

Phất phơ hồn của bông hường,

*Trong hơi phiêu bạt còn vương máu
hồng.*

Nghe chùng gió nhớ qua sông,

E bên lau lách thuyền không vắng bờ.

*Không gian như có giây tơ,
Bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu.
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn.*

đi thuyền

*Thuyền qua, mà nước cũng trôi,
Lại thêm mây bạc trên trời cũng bay;
Tôi đi trên chiếc thuyền này,
Dòng mơ tưởng cũng thay khác rồi.*

*Cái bay không đợi cái trôi ;
Từ tôi phút trước sang tôi phút này...*

cặp hài vạn dặm

*Đem đây một cặp hài tiên !
Ta đi khắp xứ, khắp miền, khắp nơi.
Ta đi, đi tận phương trời,
Đi cùng phương đất, xa vời ta đi.
In như chiếc lá lưu li,
In như chiếc lá hết thì tươi xanh.
Ta theo gió mạnh, gió nhanh.
Gió hung dữ, gió sát sanh, gió cuồng !*

*Đi say và cứ đi sông,
Ta đi mau lại hơn luồng gió mau.
Đi mau ! trốn nét ! trốn màu !
Trốn nơi ! trốn tiếng ! trốn nhau ! trốn
mình !*

nàng thi

*Thơ ta hơ hớ chưa chồng,
Ta yêu, muốn cưới, mà không thì giờ.
Mùa thi sắp tới ! – em Thơ,
Cái hôn âu yếm xin chờ năm sau.*

HUY CẬN

đẹp xưa

*Ngập ngừng mép núi quanh co,
Lưng đèo quán dựng, mưa lò mái
ngang..*

*Vi vu gió hút nẻo vàng;
Một trời thu rộng mấy hàng mây nao.*

*Dừng chân nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon...*

*Đi rồi, khuất ngựa sau non;
Nhỏ thừa tràng dạc tiếng còn tịch liêu...*

*Trơ vơ buồn lọt quán chiều,
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn heo hút
người.*

buồn đêm mưa

*Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la.
Tai nường nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn
buồn.
Nghe đi rời rạc trong hồn
Những chân xa vắng dậm mòn lẻ loi
Roi roi... diu diu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nổi lời vu vơ...
Tương tư hưởng lạc phương mờ...
Trở nghiêng gối mộng hững hờ nằm*

nghe.

*Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư...*

ngậm ngùi

*Nắng chia nửa bãi; chiều rồi...
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi là rêu.
Sợi buồn con nhện giăng mau;
Em ơi ! hãy ngủ..... anh hầu quạt đây.
Lòng anh mở với quạt này;
Trăm con chim, mộng về bay đâu
giường.*

*Ngủ đi em, mộng bình thường !
Ru em sẵn tiếng thủy dương mấy bờ..
Cây dài bóng xế ngán ngơ...
Hồn em đã chín mấy mùa thương đau?
Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi...*

chiều xưa

*Buồn gieo theo gió ven hồ,
Đèo cao quan chặt bến đò lan thưa.
Đồn xa quặn quại bóng cờ,*

Phất phơ buồn tự thời xưa thối về

Ngàn năm sức tỉnh, lê thê

*Trên thành son nhạt – Chiều tê cú
đầu...*

Bờ tre rung động trống châu,

Tưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan,

Đêm mơ lay ánh trăng tàn,

Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống đồn.

HỒ DZẾNH

tưởng truyện nghìn sau

*Ngôi đây tưởng chuyện ngàn sau
Lung linh nến cháy hai đầu áo quan
Gió lùa tiếng lá không vang
Tin ta vĩnh quyết trần gian hững hờ
Bao nhiêu đáng ảnh tôn thờ
Xa nhau lâu lắm, bây giờ lạ nhau
Người về gôi đất nằm đau
Nghe trên đất ướm phai màu nhớ thương
Chiều nào nghe vọng hồn chuông
Dừng chân bao kẻ trên đường mãi mê
Nghe tin ta lỗi câu thề*

*Nghìn thu xa vắng ra về trước ai
Nắng chiều trắng xóa rừng mai
Cảm thương sông nước ghi bài điệu
tang*

*Ngựa gầy bóng gió mênh mang
Chùa thiêng dáng cũ mây đàn ý xa
Ta nằm trong ván trong ra
Tủi thân vì thấy người hoa vẫn cười
Ta toan giận dỗi xa đời
Chợt hay khăn liệm trên người vẫn
thơm*

*Nát thân không nát nỗi hồn
Len trong cái chết vẫn còn cái đau.*

bài hát ru em

*Ngủ đi, em bé anh yêu,
Phòng em gió sáng dặt dìu tiếng hoa.
Thu về, mùa đã nghe xa...
Hoàng hôn nhân thế phai nhòa nhớ
thường
Riêng em tóc biếc, môi hường
Vui say bên nỗi đoạn trường là anh
Chiều đời : cây tạ hồn xanh,
Sương the lãng đăng, hoa cành tả tơi,
Em vui, xuân sắc riêng trời,
Hồn say giấc bướm, miệng cười vẽ hoa.
Em ơi chiều thế đường nhòa,*

*Môi khô khôn nín tên đà nhạt tên.
Bao nhiêu nguyên cũ đương quên,
Bao nhiêu tình cũ đang rên rĩ than
Tiếng sầu mất giữa nhân gian :
Nàng đi xa lắm và nàng đã vui
Anh về lòng góa tim cô,
Lửa thiêng đem sấy lại đời lạnh khô.
Gửi em giấc Mộng đầu mùa,
Hoa phai ghi dấu những giờ sót thương
Anh run, quỳ gối chân giường :
– Em ôi ! Cực Lạc ! Thiên Đường là Em !*

đội thơ

*Phút linh cầu mãi không về,
Phân vân giấy trắng chưa nê mực đen.
Khói trầm bén giấc mơ tiên,
Bâng khuâng... trắng rải qua miền
quạnh hiu.
Tô - châu lớp lớp phù kiều,
Trăng đêm Dương-tử, mây chiều Gi-
ang-nam.
Rạc rời vó ngựa qua quan,
Cờ treo ý cũ, mây giàn mộng xưa.
Biển chiều vang tiếng nhân ngư,
Non xanh thao thiết, trời thu rượi sầu...*

*Nhớ thương bạc nửa mái đầu,
Lòng nường quán khách nghe màu tà
huấn
Buồn Tư Mã, nhớ Chiêu Quân,
Nét hoa thấp thoáng, ý thần đê mê.
Phút linh cầu mãi không về,
Phân vân giấy trắng chưa nề mực đen
Tiếng xe mở lối vu quy
Hay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời
Miệng chồng Khánh gắn trên môi
Hình như mắt Khánh sáng ngời còn mơ
Từ ngày đàn chia đường tơ
Sao tôi không biết hững hờ nàng đan
Kéo dài một chiếc áo len*

Tơ càng dứt mối, nàng càng nổi dây
Nàng còn gỡ mãi trên tay
Thì tơ duyên mới đã thay hẳn màu
Góp hai thứ tóc trên đầu
Sao còn đan nối những câu tâm tình
Khánh ỏi còn hỏi gì anh ?
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng
Chỉ kêu những tiếng thu tàn
Tình ta đã chết anh càng muốn xa
Chiều tan, chiều tắt, chiều tà,
Ngày mai, ngày một vẫn là ngày nay
Em quên mất lối chim bay
Và em đã chán trông mây trông mờ
Đoàn viên từng phút, từng giờ

Sống yên lặng thế em chờ gì hơn
Từng năm từng đứa con son
Mím cười và kín vết thương lại lành.
Khánh đi còn đợi gì anh
Ái tình dù vỡ ái tình lại nguyên
Em về đan mối tơ duyên
Vào tà áo mới đừng tìm duyên xưa
Bao nhiêu giọt lệ còn thừa
Hãy dành mà khóc những giờ vợi vong
Bao nhiêu những cánh hoa lòng
Hãy dâng cho trọn nghĩa chồng hôn cha
Nhắc làm chi chuyện đôi ta
Bản năng anh đã phong ba dập vùi

*Hãy vui lên các anh ơi
Nàng đi tòi gọi hồn tôi trở về
Tâm hồn lạnh nhạt đêm nghe
Tiếng mùa lá chết đã xê dịch chiều
Giờ hình như gió thổi nhiều
Những loài hoa máu đã gieo nốt đời
Bao nhiêu nghệ sĩ nổi trôi
Sá chi cái đẹp dưới trời mong manh
Sá chi những chuyện tâm tình
Lòng đau đem chứa trong bình rượu
cay.*

đã khuya rồi
LƯU TRỌNG LƯ

*Hoa lan quên nở trên giàn:
Nhớ ai em để tiếng đàn ngừng đưa ?
Tiếc gì em, nửa đường tơ !
Cho hoa quên nở, trăng mờ quạnh soi.
Chờ em đêm đã khuya rồi !
Rộn ràng lá đổ, vàng rơi đầy thềm.*

thương nhớ kinh thành

NGUYỄN BÌNH

*Đương đêm giời đổ mưa rào,
Năm đây mơ dáng lâu cao kinh thành.
Mây hồ trắng, nước hồ xanh,
Ngày xưa hai đứa chúng mình có nhau.
Chung vui cho đến chung sầu,
Lòng thơ chung trắng mái đầu chung
xanh.
Cái ga Hàng Cỏ vô tình,
Nỡ ai đem dựng trường thành mà chơi.
Cũng là một chuyến tàu xuôi,*

Chuyến tàu xé lẻ chia đôi chúng mình.

Rời ra những ngón tay xinh,

Tàu đi, ánh sáng kinh thành bừng lên.

Nơi này chẳng có người quen,

Hồn đơn xin gửi lại miền lâu cao.

Thương như thể nhớ làm sao,

Kinh thành biết có mưa rào đêm nay ?

Hồn hoa giấc bướm đường say,

Có ai thềm nhớ nơi này, có ai ?

Nước mắt ngắn, nước mắt dài,

Chả cho nển khóc hộ người mãi đâu.

nguyện cầu

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Ta còn để lại gì không

Kìa non đá lở này sông cát bồi

Lang thang từ độ luân hồi

*U minh nẻo trước nẻo trước xa xôi dậm
về*

Trông ra bến hoặc bờ mê

Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương

Ta van cát bụi bên đường.

Dù nhớ dù sạch đừng vương gót này

Để ta tròn một kiếp say

Cao xanh liều một cánh tay níu trời

Thơ ta chẳng viết cho đời

*Không vang nhịp khóc đây cười nào
đâu*

Tâm hương đốt nén linh sâu

Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi

Đêm nào ta trở về ngôi

Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian

Một phen đã nín cung đàn

Nghĩ chi còn mất hơi tàn thanh âm.

bùng ngọn đỏ

CHẾ LAN VIÊN

Tàn đêm rả rích cơn mưa

*Ngàn năm buốt lạnh chưa vừa tuổi
than*

Mênh mông trời đất mênh mang

Nghe như đá nát phai vàng u minh

Ngồi lên ta đốt tâm tình

Hơ đôi tay lạnh vin nhành xuân sau

Tuổi vui hoa gió đón chào

*Chói chang mặt ngọc mưa rào khuất
che*

*Lửa dù tắt, bóng dù đi
Thiên thu tâm sự còn ghi sắc trời
Lửa to cháy giữa đêm dài
Hoa vui đỏ ngọn, tiếng người vây
quanh.*

hương cúc liên chi

ĐINH HÙNG

Gió qua còn ấm da người

Nắng băng khuâng chỗ nụ cười vào thu

Sắc mây hoàng yến năm xưa

Áo em bay lạc giấc mơ giấc mơ chưa về

Xa rồi hương các liên chi

Vàng mưa bụi phấn kinh kỳ đầy vai

Tóc buông uyển chuyển sông dài

Con sông lưu niệm trôi ngoài thời gian

*Mưa chiều ngọt giấc hoàng lan
Nghe run hơi thở cung đàn vào mê
Bàng hoàng máu chuyển thu đi
Nhìn nhau e gợn pha lê mắt buồn.*

UNG THƯ
TRUYỆN DÀI CỦA
THANH TÂM TUYỀN
(PHẦN THỨ BA)
CHƯƠNG 1

Khu vực nhà Rong dài xa, mờ xám. Trên bến rộng, một vài người thấp nhỏ đi trong khoảng cách các kho hàng há mồm đen ngòm hoặc đóng bít cửa sắt nặng. Người hoa tiêu đang leo những bậc thang lên tàu, bên kia vùng bến chợ Khánh-hội rào rào ; giữa thân Tàu và bờ ke hở một khe sâu nhỏ. Phía Sài-gòn những tòa nhà lầu cao đứng bên

đường rộng chưa hoạt động trong màu sương thoáng đột ngột của những ngày cuối năm chưa tan hết.

Hồi năm giờ sáng thức dậy ra sau rửa mặt, nghe tiếng chân ngựa gõ lộp cộp trong chuồng, mùi rơm cỏ nồng khai, ngựa hít khí trời nghe bụi nước đậu xuống mặt bất ngờ như đã về đến xứ Bắc : Con về ngoài bình yên mạnh giỏi. Chắc là con không còn vô nữa. “Thế nào có dịp con cũng vô lại Sài-gòn. Con không khi nào quên má và các em”. Má Hai, Hạnh và Nguyên xách đồ đưa lên xe thổ mộ của chú Năm hàng xóm ; Hạnh buồn đứng lại bên bờ tre nhìn chiếc xe lăn chậm trên đường cát ướt còn tối trong xóm Đồng Ông Cộ; con đường xe lửa điện lên Lái-thieu đã bị bóc, ga Bà Chiểu đã bị phá để xây chợ mới, trên cầu hàng Sanh quay nhìn xóm Lò-heo cũ. “Về ngoài vui chớ

Thầy Hai. Nghe nói Hà-nội đẹp hơn Sài-gòn”, chú Năm ghìim cương cho ngựa đở dốc, bên trái vùng sinh lầy chạy vô tới Cầu Sơn, Cầu Kinh lơ thơ ít nhà lá, nơi đây những ngày đầu kháng chiến, khi tiếng súng sáu nổ bì bọp vài phát ngoài cầu Bông, quận Tân-bình bị chiếm chưa đầy nửa tiếng, toán du kích Hàng Sanh đã cầm cự trọn ngày cho tới khi hết đạn, quân Pháp phải dùng tàu đổ bộ bọc mặt sông, dùng báng súng lưởi lê giết chết từng người một nằm ngâm mình dưới sinh; miếu thờ đám tử sĩ ấy còn nằm giữa vùng hoang vu ít người dám lui tới. Kho đạn Thị-nghe dời đi nơi khác, kho đã nổ rung chuyển cả thành phố và vùng phụ cận ba ngày liền ; “hồi nổ kho đạn thầy Hai ở đâu ?” “Tôi ở trên Tân-mai”, chú Năm phất chiếc roi nhỏ lên mái thiếc, miệng khẹt khẹt theo thói quen. Đường Chasseloup dài hút dưới bóng cây, đường

Paul Blanchy rộng và trống hơn, đường rầy lún sâu bị nhựa che lấp dần ; Đại lộ Norodom vẫn còn sang trọng. “Hồi biểu tình độc lập, chú có đi không ?” “Có chứ. Không nhìn thấy gì hết. Bữa tôi với con Hạnh nhà bà Hai chạy một mẻ chổi chết. Phải bọc ngã Hàng Sanh tới mười hai giờ trưa mới về tới nhà”. Một hai, một hai... Tiến lên đi kìa trời thăm hồng... Mùa thu rồi ngày hăm ba ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến... Nóp với giáo mang ngang vai nhưng thân trai nào kém oai hùng. Những bài hát của một thời lịch sử của tâm vòng giáo mác nhọn hoắt những nồng nhiệt ái quốc.

“Thầy Hai vô uống với tôi ly cà-phê. Tôi không vô trông được. Tôi đưa đồ qua cửa rồi thầy mượn người ta mang lên tàu cho” “Thầy Hai về ngoài mạnh giỏi. Tàu thầy đi tên chi vậy ?” “Saint Michel”

“Tôi gửi lời thăm hết lối xóm nghe chú Năm. Chào chú Năm”. Chú Năm quay xe về chợ Sài-gòn, đỗ bên hông nhà ga xe lửa, đón khách : Bà Chiêu đây... bà con cô bác ai về Bà Chiêu, Đất Hộ (Đakao)... Từ biệt Hạnh ở lại trong xóm Đồng Ông Cộ với các ngõ ngách rắc rối của nàng, nàng thường dẫn chạy trong các cuộc bố ráp, mà lính không thể kiểm thấy. Từ biệt những ngày sôi nổi và thơ mộng; từ thành ra bưng, từ bưng vô thành ; từ biệt Giồng Ông Tố, An Phú Đông, Bà Queo, Hốc-môn, Củ-chi, Tân-uyên, Long-thành, Trảng-bom... những Bảy Bưng, Tư Hộ, Mười Né, Ba Đen, Út Nhì... Từ biệt thành phố đã nuôi nấng mười năm lưu lạc.

Tàu tách bến, với hồi còi âm như không phải của nó. Tiếng còi gọi nhớ đến điệu kèn ô-tô-ray tốc hành Hà-nội

Hải-phòng, tòa ngói sang trọng cửa kính bóng loáng. Những chiếc thuyền nhỏ chèo tay nép sát vào thân chiếc tàu còn neo bến, người trên thuyền đưa mắt nhìn lên boong cao, thân người dưới thuyền lùn ngẩn. Ánh nắng đang làm sáng mặt sông. Khởi Nhà Bè, tàu chạy đến những khúc sông rộng vắng, hai bờ cây chàm, dừa nước, ô tô xanh um không thấy nhà cửa, ở các ngã ba sông những chiếc phao nổi sơn đen mang đèn báo dập dềnh. Trời mỗi lúc một rộng thêm, tịch mịch và mát mẻ ; máy tàu ầm ì cùng tiếng nước réo, một vài hồi còi bất thần như tiếng kêu quyến luyến. Sau lưng một vài người làm tàu đi lại vội vã ; những hành khách đứng trên boong đã dần tản biến mất. Giò thổi từ mũi tàu đến phảng phất mùi biển mặn, nhưng dòng nước dập dềnh dưới mắt vẫn còn đục lờ. Từ biệt Hạnh... Từ biệt Sài-gòn. Điều thuốc đốt hai ba

lần mới cháy, đầu thuốc nám đen nhưng
bập không nghe hơi khói trong miệng,
Chỉ có hương nồng của một màu thiên
nhiên hoang vu. Cảnh vật không thay
đổi cùng với gió sông làm mờ mắt, trải
loãng trí nhớ vào những kỷ niệm. Bây
giờ, lúc này, bất chợt thức giấc mình đã
là một người khác từ bao giờ. Cuộc sống
lầm lũi trong nhiều năm, tích lũy dần ở
đâu, tự kết hợp và bỗng hắt ra một hình
ảnh khác những gì mình vẫn tưởng về
mình. Không hiệu còn thích ứng được
với đời sống nơi chôn rau cắt rốn nữa
không? Quê hương. Tôi trở về quê hương
? Những gì đã thay đổi ở tôi, ở nơi tôi trở
lại. Mối lo lắng vu vơ tan hòa trong niềm
hân hoan xao xuyến. Mười năm, mười
năm rồi và tôi trở về. Ngày bỏ nhà trốn
đi mười bảy tuổi. Đang ở nhờ gia đình bà
cô ở Bắc-ninh, học trường Bách-Nghệ.
Trường nằm trên một ngọn đồi, đối diện

với một khu đồi trọc, dưới chân đồi trọc là sân đá bóng. Ngã ba trước cổng trường là chỗ gặp nhau của hai con đường từ Đáp-cầu xuống Bắc-ninh ; một đường chạy ngang Thị-cầu, một đường nối dốc lừ ưỡng nước qua trại lính Lê-Dương me và sáu um tùm gặp Quốc lộ chạy từ sông Cầu xuống ngang nhà ga. Vượt con đường sau này, xuống sân đá bóng, leo lên một ngọn đồi thấp đã được bạt phẳng với những bậc cấp chạy dài làm chỗ ngồi của khán giả, đi sát tới mép đồi dựng đứng sâu là đường xe hỏa Hà-nội Lạng-sơn chạy ở dưới. Tiếng còi tàu thét vang ở khoảng đó vì sắp vào ga. Những buổi sáng mùa đông, đi bộ đến trường, quãng đường từ đầu phố chính Bắc-ninh nằm trần trụi giữa đồng với hai hàng lúc lắc xác xơ, những hơi gió thốc tê tái mặt mũi chân tay buổi sáng tinh mơ, nghe tiếng còi tàu xa xôi và ầm ập. Trí tưởng phiêu

lưu buồn bã. Ngày nào đó, trong rạp hát mới lập của Đáp-cầu, rạp Vũ Đình Bôn, chật ních người, nghe đào Ái-Liên hát Tây, hát những bài cải cách đầu tiên (Tango mystérieux, J'ai deux amours... Meo, Meo, Trời sinh ra tôi kiếp con mèo) giữa những tiếng Bravo, bis của lính tây Lê-Dương, bọn thiếu niên mê say bỗng thèm khát đời sống, chưa vào tới. Chuyển xe tay đã chở hai đứa con trai mười bảy, mười tám tuổi tới đầu cầu Gia-lâm trong buổi sáng rét mướt, bùn lầy. Cái cánh gà che lấp trước mặt chỉ để hở một kẽ đục của bầu trời mưa phùn gió bắc. Giữa đồng trống, trên mô cao hai chuyến tàu hỏa đâm nhau gần ga Yên-viên mấy ngày trước vẫn còn nằm nghiêng nguyên vẹn. Tai nạn kinh khủng chỉ còn là cảnh mờ ảo sau làn mưa buốt hoang vắng. Hai đứa đi trên cầu Long Biên vào thành phố như hai đứa nhỏ lạc đến Đảo Vàng.

Nhưng một đứa đã bỏ cuộc trở về, còn một mình... Mười bảy tuổi với hai năm Bách Nghệ và năm đồng ăn cắp của bà cô. Những ngày sống chui rúc dưới gầm sân khấu, làm chân phụ vẽ phông, phụ trông nom hệ thống đèn trên sân khấu; đêm đêm nhìn kếp Huỳnh Thái đóng cặp với đào Ái Liên, thuộc dần những bài hát và lời đối thoại, lang thang trước các cửa rạp, nhìn những thành phố xa lạ mà buổi chiều đã ngồi trên xe chạy rong phố với tiếng trống tiếng phèng la, phát chương trình quảng cáo cho trẻ con. Vào đến Sài-gòn không còn muốn trở về nữa. Xứ Nam-kỳ, đất Sài-gòn, ngày và đêm, mưa và nắng, mở ra như một ngày hội bất tận. Những đêm ngủ ngoài trời sao bên hè phố, những buổi trưa trên ghế đá dưới vòm cây trong vườn Bờ-Rô, những ngày chen chúc trong các buồng xếp chữ các nhà in đợi hết giờ ngồi quán uống

la-de. Bài học ái tình thứ nhất với người con gái đóng sách sau những chồng giấy cao trong một ca làm đêm. Bông. Mùi dầu dừa trên tóc, tóc sơ như tàu lá dừa dọc bên kính lạch, thân hình mềm mại nồng ấm mát mẻ như trong đêm mưa nằm ngủ trên ván nhà sàn dựa mé sông, hai cánh tay choàng riết chi chít như cành lá trong rừng dây, những nhịp chuyển động dồn dập menh mông như vàm sông, như ánh nắng bọc trong gió đầy. Bông, Mỹ, Tươi.... và những người đàn bà không nhớ tên, không nhớ mặt đi qua như đời sống ngày ngày giản dị tự nhiên. Và Hạnh. Những ngày đau ốm từ bụng về thành dưỡng sức, những ngày thất nghiệp để hoạt động nội thành, được săn sóc nuôi nấng. Đi về tự do như nhà riêng, nằm trong buồng có lối mở ra bụi tre bên chuồng ngựa, bóng Hạnh ra vào dịu dàng; đêm đến Hạnh rón rén

vào mùng nằm rúc trong tay run rẩy, nhẹ hẫng như cơn gió trong bụi tre già chạy tới đám gò mả hoang phế. Tiếng kêu phải giấu nghẹn trong ngực trời sục như tiếng nấc, thân thể như cơn trốt cuốn giữa buổi trưa nắng, như con nước xoáy quanh chân cầu đá, miệng lưỡi ngọt ngào như hương thơm trong ruộng mía, những giọt nước mắt bất ngờ như sương của buổi mai cuối năm... Hạnh. Từ biệt Hạnh. Vậy mà bỏ đi ? Trở về ? Cái gì đã khiến mình trở về ?..

Liêm bỏ tay vào túi quần, lấy ra gói khăn tay cuộn tròn Hạnh đã dúm vào tay lúc sáng sớm khi vắng người và dặn : “Chỉ khi nào tàu chạy rồi anh mới được mở coi”. Liêm nắn cái gói được cột chắc, mở thận trọng và nhìn thấy những tờ giấy bạc mới. Một ngàn đồng. Hạnh đã dành dụm bao nhiêu lâu để

có chùng này tiền ? Dưới dòng nước đã thấy những vùng xanh thẫm màu lá pha trộn với màu đen nhạt. Bờ cây lúi tít, mở rộng chân trời đằng trước mặt. Tiếng ì ào ngoài khơi còn xa. Nhưng trong không khí bay những bụi nước đáp phớt qua mặt. Trời nắng sáng gắt nhưng bị gió lộng thổi nhạt. Liêm vẫn đứng tựa lan can đón nhìn biển. Trên boong cao hơn, dành cho hành khách hạng nhất, ba người đàn bà, một Tây-phương hai Việt-nam, nằm trên ghế ngả, mắt đeo kính dâm ngựa nhìn trời. Đứng trước mặt họ, chống thẳng hai tay vào thành sắt, một sĩ quan hàng hải đang chỉ chỗ giải thích. Màu nước mỗi lúc một xanh kín, tiếng sóng động nghe rõ dần, bờ cây biến mất trong tầm mắt, nhưng mặt nước lại như phẳng lặng hơn ; Máy tàu kêu lớn hân như gia tăng tốc độ. Một phút bàng hoàng mất phương hướng, Liêm cố gắng

đưa mắt tìm kiếm trong khoảng lục bao la của sông tàu vừa ra khỏi. Gió dần êm hơn trong vận tốc đều hòa của con tàu chạy trên một mặt phẳng, nhả hết sức của thị giác. Liêm chờ nghe cảm giác nôn nao của cơn say sóng, sẽ tới nhưng tịnh không thấy; chỉ thấy hai chân và hai tay mỗi nhừ; nhìn đồng hồ tay Liêm biết mình đã đứng chôn chân một chỗ gần hết buổi sáng. Ở chỗ khuất nào sau lưng Liêm nghe tiếng người nói lớn với nhau: đến Ô-cấp, tàu đậu lại một giờ, ăn bữa cơm trưa xong mới khởi chạy.

Liêm quay trở lại, tưởng như tàu không còn chạy nữa, tiếng nước vẫn sủi bọt réo hai bên thân tàu, nhìn thấy đằng xa những bóng núi Cap St. Jacques. Liêm leo qua những đồng dây chảo lớn cuộn tròn ném trên sàn tàu, hơi cúi thấp đầu giờ tay vịn những sợi giây cáp giăng

chéch ngang lối đi, bước vào khung cửa sắt nhỏ gần đuôi tàu, tụt lui xuống hầm.

Dưới hầm thiếu ánh sáng, bức bối ngột ngạt và huyền ảo như cái chợ vỡ. Chùng một đại đội lính Việt-nam di chuyển cùng gia đình. Kẻ nằm người ngồi la liệt trên các giường xếp chồng chất không đủ, phải trải bạt nằm dưới. Quân trang, vật dụng chằng lối. La lối gậy gỗ tranh dành giường nằm, chỗ tốt ; kêu gọi tìm kiếm nhau ới ới; trẻ con khóc la dầy dụa; đàn bà kể lể ớn ào ; ga-mên chén đĩa khua loảng xoảng... Ngồi trên một giường cao gần một cái lỗ tròn che mi-ca đục để lọt ánh sáng trời vào, Liêm nhìn xuống vẫn thấy nhiều bóng tối hơn ánh sáng. Liêm nghĩ đến ba ngày ba đêm trong gian hầm tối lúc nhúc những người này và nhớ tới không khí thoáng

lộng trên đầu. “Cơm” tiếng gọi vọng từ trên cửa hầm vang xuống và gian hầm di chuyển rầm rập như một đám biểu tình xô đuổi nhau chạy tán loạn. Liêm nằm xuống gối đầu lên chiếc va-ly của mình, bỏ bữa cơm đầu tiên trên tàu vì không thấy đói, thiếp ngủ trong những tiếng động hỗn tạp kéo dài của bữa cơm quây quần chật chội dưới hầm tàu. Lúc tỉnh dậy, Liêm nghe tiếng sóng vỗ ào ào bên ngoài thân tàu, ghé mắt dòm qua lỗ hồng, thấy trời vẫn còn sáng và mặt biển xanh đục chông chênh nghiêng ngả. Xung quanh bắt đầu nghe tiếng nôn ọe say sóng và tiếng la lối nguyên rủa vì dơ dáy, trẻ con ré khóc từng cơn. Bữa cơm buổi chiều đã bớt sức khua động náo nhiệt, Liêm cũng cảm thấy cơn say nôn nao trong ngực, không muốn trở dậy, nằm im trên giường lơ mơ thêm thiếp.

Giấc ngủ kéo dài theo cơn say. Sóng vỗ mạnh, lắc lư giường nằm, bắn tung toé trên lỗ tròn hổng vào đêm không nhìn được. Những ngọn điện mờ soi gian hầm im lặng tức thở. Đêm biển hung dữ ghê gớm. Tất cả những người nằm giường xung quanh đều mê mết. Chốc chốc tiếng ói mưa khiếp đảm. Thấp thoáng trên giường cao ở một góc vài ba người còn khoẻ chụm đầu đánh bài thâu đêm. Tiếng nói âm vang trong gian phòng bị sóng lớn bên ngoài va tạt. Và giấc ngủ cũng bị vùi lên dập xuống tơi tả chông chênh. Không còn thể phân biệt phương hướng thời gian. Chỉ còn tiếng sóng ào bất tận, đêm tối triền miên kín mít trong ánh đèn mờ đục không đổi thay, buổi sáng ảm ứt nhớp nháp lạnh lẽo như mặt mi-ca. Người nghe nhẹ thên như thoát xác, không ghi giữ thời gian, thần trí vài lúc tỉnh táo sáng suốt tách

rời. Những người đánh bài vẫn mê mải im tiếng. Bước chân vụng về dẫm trên sàn sắt lũng bùng. Một vài lời nói ngắn trao đổi vu vơ. Nghe trên hoong người đi lại tự nhiên. Tàu chùng như hãm bớt tốc độ.

Cớ sao anh lại có ý định về Bắc? Cớ Sao ? Có phải vì mệt mỏi chán nản? Có phải chàng ? Heureux qui comme Ulysse a fait an beau voyage... Chợt nhớ câu thơ từ ngày còn đi học. Không phải. Nhất định không phải thế. Buổi sáng nhộp nhúa này cũng giống như buổi sáng khi được thả khỏi bót Catinat. Cơn mưa chực sẵn trên nóc nhà thờ đức bà. Ba tháng, nằm ngay ở đầu phố sang trọng trung tâm Sài-gòn, gần những tòa nhà lầu cao ngất đẹp đẽ, trong một sân xi-măng vuông bị vây bởi ba bức tường cao và một rào sắt như một chuồng thú cùng

với hàng trăm nhân mạng khác. May mắn thì có được một chỗ nằm co cẳng, còn không thì ngồi khấp cứng, không co ruỗi nổi tay chân ; ăn ở đó, bốc bằng tay trong các ống lon, các tấm áo rách buộc túm, trên mảnh giấy báo mảnh lá bần, tiểu tiện ngay ở đó trong mấy cái ngách hẹp cũng ních người. Mỗi hy vọng duy nhất, mỗi hy vọng khiếp đảm tự vui tắt : được tham vấn xong để được chuyên đi nơi khác ; thiên đường mơ ước là khám lớn, sang khám lớn là được biết rõ số phận của mình. Còn ở trong khoảng sân ấy, dưới một khoảnh trời luôn luôn ảm nặng những ngày mưa, phơi mình trong khắc khoải và hốt hoảng, thân thể như một đám sinh hôi hám bốc cháy đau đớn ; bị dựng dậy bất cứ lúc nào trong đêm dẫm lên những tay chân đùi bụng đau la liệt trước mắt đi qua cánh cửa sắt vào trong hành lang để tới phòng lấy cung.

Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì, chỉ còn những xúc động tả tơi rách mướp như da thịt, thần trí hôn mê ngất xỉu trong cơn tra tấn. Rồi được vực trở về ném trả vào sau cửa sắt, nghe những bàn tay chà sát muối ớt lên những vết thương rướm máu, nghe tiếng la hét ở đâu trong miệng mình, nghe những lời an ủi vỗ về. Người khác là những cơn đau đớn dự tưởng, khi mình ở ngoài dương mắt ngó. Những thiếu nữ, thiếu phụ bị dí điện vào vành tai, vào đầu nhũ hoa, cửa mình, bị chấn nước dốc ngược, bị treo bằng giây thép ở cườm tay cổ chân, ngón tay... Tiếng kêu thất thanh không thoát khỏi những bức tường lót dạ ngăn tiếng động. Trong đêm bó gối ngồi nhìn những ngọn điện treo trên bốn góc đầu tường, nhìn đám người co quắp liệt rũ khốn nạn hèn mọn khắp sân, những cơn mê sáng dấy dựa, âm vang của những cơn

hành hạ thể xác. Đàn ông đàn bà lẫn lộn ngổn ngang nhưng không ai muốn mó tới thân thể người khác. Những người được kêu đi, không trở lại; những người mới tới ngơ ngác khiếp hãi trước cảnh tượng trong sân... Những tiếng hát cố gắng để xô đuổi sợ hãi bị dập tắt ngay vì những làn roi cá đuối. Những rì rào to nhỏ bị quét sạch bởi những vòi nước xịt mạnh. Co rúm lại, co rúm lại mãi như hy vọng chịu đựng. Cơn sốt, cơn say, cơn mê hoảng phủ chung mọi người. Thoát khỏi nơi đó như được sống lại một cách mầu nhiệm, không biết lý do. Nằm ở nhà Hạnh được săn sóc, chữa chạy, nghe nỗi sợ hãi vây bọc cùng bệnh hoạn. Bỗng nhiên trở lại tình cảnh của đứa bé mồ côi lưu lạc với những bất trắc thiếu thốn của đời mình. Có phải vì thế tôi muốn trở về ? Nhưng tôi còn gì ở nơi đó để tìm về ? Một bà mẹ đã tái giá. Một đứa em

traí. Tôi không còn gia đình, không còn quê hương. Đứa trẻ sống nhờ từ nhỏ, đã lớn lên, đã lưu lạc bỗng khiếp hãi, phải chăng ? Và tôi chạy trốn sự sợ hãi ? Có lẽ, có lẽ vậy. Những người cùng hoạt động, cũng bỏ rơi ; anh Xuân đến thăm và bảo : “Chú tạm nghỉ công tác. Tỉnh dưỡng cho bình phục. Lấy lại tinh thần đã. Sau đó sẽ hay” “Tôi muốn được làm việc lại”. “Lúc này tạm rút. Nhiều thay đổi lắm. Chú cứ yên tâm, lúc nào cần tôi sẽ cho người liên lạc với chú. Tạm chú đừng liên lạc với tôi”. “Tôi làm gì bây giờ ?” “Tùy chú, chú được tự do trong thời gian này”. Muốn sống chung với Hạnh nhưng cũng sợ hãi nốt cái dự tính của mình. Không một chỗ nào là của tôi cả.

Trong hầm chọt náo động hỗn loạn như lúc mới xuống, mọi người nhốn nháo sửa soạn đồ bộ. Tàu lướt êm hơn,

mặt biển thật phẳng ngoài cửa tròn nhỏ. Từ trên cửa hầm, những người đã thoát lên kêu gọi ới ới vọng xuống. Tourane, Tourane. Lại những tiếng cãi cọ giành giựt vật dụng, trẻ con la ré, như mắc chứng động kinh, chân dẫm thành thành trên sàn sắt tàu... Liêm tụt khỏi giường, leo vội lên boong. Buổi sáng ở trên thật trong, mặt biển xanh mát tới cùng chân trời. Lần đầu ngoài biển cả Liêm thấy những cánh buồm thuyền đánh cá lênh đênh nhỏ bé.

Cảm giác tỉnh táo sáng khoái gợi thức dần dần cơn đói mệt. Sờ lên mặt nhóp nhép ẩm ướt râu mọc tua. Tàu vẫn chạy tới gần phía núi mở, nước reo sủi bọt trắng bên mạn. Đàng đuôi tàu, một người Pháp ngậm ống điếu thản nhiên ngồi trên một gù sắt thả dây câu. Lạnh tê trên hai bàn tay dài gầy nắm trên vòng

sắt, lan dần khắp người hốc hác nghe thấy rõ ngày thứ hai trên tàu, đã hai mươi tám Tết. Bước chênh vênh trên boong có cảm tưởng dễ tuột ngã lăn xuống biển. Liêm trở xuống hầm ngồi trên giường ngắm nhìn những gia đình binh sĩ sửa soạn lên bờ, ngủ thiếp một giấc nữa. Khi tỉnh lại gian hầm vắng tanh im lặng.

Tàu đậu lại ngoài khơi Tourane nửa ngày. Dường như một trận bão đang thổi ngoài biên Nam-hải. Liêm nghi tàu có thể quay trở lại Sài-gòn và mình chắc chắn sẽ bỏ qua chuyến về Bắc. Sẽ ở lại xóm Đồng Ông Cộ với Hạnh hay sẽ ra bưng ? Nhớ ngày quân Pháp mới đổ bộ, làm hướng đạo cho một đơn vị ngoài Bắc vào từ Biên-hòa về Gia-định, đã thấy mình hoàn toàn cách biệt với những người đồng hương. Khoảng mười giờ tối, đơn vị qua cầu Bình-lợi yên lành,

đến cầu Bắg-ky chĩnh tể đội ngũ cất tiếng hát tiến vào thành phố Gia-định. Đường không bóng người lai vãng, chỉ có tiếng hát và bước chân anh hùng rầm rập. Ngoài lộ bàn ghế tử giường trong các nhà chất đầy giăng ngang làm hàng rào chướng ngại vật cản lối địch. Đơn vị được lệnh tản mác bố trí khắp các ngõ hẻm, núp dưới hầm hố dân chúng đào tránh bom Đồng-minh, nhưng đến hai giờ sáng lại được lệnh tức tốc rút lui về Biên-hòa; lệnh không thông báo kịp nhiều người bị bỏ rớt đến mờ sáng phải cải trang lẫn lút trốn ra khỏi thành phố. Chính đêm đó, đã nằm bên bụi tre nhà Hạnh, Hạnh đã mang chuối và bánh ra cho ăn ; lúc vào cám ơn Hạnh để rút, Hạnh cũng đã tưởng mình là anh chiến sĩ lặn lội từ Hà-nội vào Nam. Ba giờ sáng còn sục sạo trên đường Ba-tay kiếm một anh tiểu đội trưởng thất lạc, gõ cửa

những căn nhà rộng thênh không bàn ghế để hỏi thăm. Nghe các anh kể chuyện Hà-nội mà háo hức nhưng vẫn nhìn thấy họ không giống như mình ; lịch sự kiểu cách văn chương ngay cả trong khi bản cùng nguy khốn có cảm tưởng họ không phải là những người đã vượt cả ngàn cây số đến. Có lẽ mình đã bị Nam hóa, miền Bắc đã bị xóa nhòa nơi mình ? Vậy mà mình hiện đang ở trên đường trở về. Hạnh nói : “Anh về quê hương xứ sở của anh. Biết bao giờ anh lại trở vô. Con gái Bắc...” “Không. Anh về cho biết tình hình. Thế nào anh cũng vô lại. Nếu anh giàu anh đã đưa em cùng về chơi”. “Không ai về xứ mà còn muốn đi nữa. Em cũng vậy”. Hạnh muốn được kể cho nghe về miền Bắc, muốn biết thành phố mình sẽ đến để nàng có những căn cứ tưởng tượng khi nhớ nhung. Lúng túng và bối rối, không thể giảng cho Hạnh

hiếu, tôi không có nhiều kỷ niệm với miền Bắc ngoài những năm thơ ấu đau buồn; tôi nhớ rõ những thành phố khác trên đường lưu lạc hơn cả Hà-nội ; tôi không có quê hương xứ sở, chỉ có một cuộc đời phải sống mang theo mình.

Liêm mở va-ly, tìm chiếc áo dạ đã bị dán nhấm nhiều chỗ ; chiếc áo của Tường tặng cho khi Liêm đến báo tin từ biệt. “Tháng này ngoài ấy lạnh phải biết. Chú cầm lấy xài đỡ. Chắc tôi không bao giờ dùng đến nữa. Kỷ niệm của tôi đấy. Tôi mang từ ngoài Bắc vào.” Trừ người thân, không mấy ai biết gốc tích của Tường, Anh vào Nam đã hai chục năm, lấy vợ Cần-thơ, sinh năm đứa con sống nguyên trong một xóm, xóm Lách gần cầu Mạc-ma-hồng, từ khi nghèo khổ độc thân cho đến khi phong lưu lập được gia đình. “Quê hương tôi là đây. Dù mai kia có yên

ổn, tôi cũng không bao giờ đại dột mà về làm gì. Tôi không hiểu chú nghĩ thế nào”. Cười trừ. Anh đã bỏ nghề họa sĩ, làm maitre d’hôtel cho một khách sạn lớn, và là ủy viên kinh tài của tổ chức; chính anh giúp Liêm xin giấy tờ thông hành, cấp vé tàu và một món tiền hai ngàn đồng với hai lá thư giới thiệu hai người quen: một ở Hà-nội, một ở Sài-gòn. “Quý lắm đấy. Vợ tôi đòi bán ve chai, tôi không chịu”. Liêm mặc áo, leo lên boong, trong bụng đói cồn cào. Nhiều hành khách vừa ăn cơm trưa xong đang đi dạo, ngắm nhìn hải cảng ở trong. Thành phố ở xa trông như một đường viền cao hơn bờ biển, núi tím thẫm. Liêm tìm vào phòng ăn của hạng nhì, điều đình với người đầu bếp chính đang thu dọn bàn, mua lại một phần ăn của khách bỏ không dùng. Anh đầu bếp vận âu phục tím, trình trọng như một nhà trí thức, bằng lòng cho

Liêm ăn không lấy tiền, còn gọi thêm cho Liêm một cốc cà-phê sữa. Có lẽ mấy bữa hăn không có người chuyện trò nên gặp Liêm hăn nói thao thao suốt buổi. Chuyện bên Tây, bên Tàu, những nơi hăn đã đặt chân đến, những kiến thức thâm thái được, những nhân vật trí thức danh tiếng mà hăn đã gặp trên tàu này và hăn đã có dịp nói chuyện bàn luận về các vấn đề hệ trọng. Liêm chỉ lặng thinh ngồi nghe, đợi tiêu bữa ăn và nghĩ : Đúng là dân Bắc kỳ xạo ke. Để làm hăn khỏi thất vọng, Liêm cũng đã nói khoác mình là dân buôn lậu giang hồ, bị mắc kẹt ở Nam-kỳ vì thời cuộc, bây giờ tay trắng trở về quê hương. “Tôi tính về bán mấy cái nhà ở Hà-nội, để dựng lại cơ nghiệp”. Liêm cười thầm : chính mình cũng bắt đầu trở thành dân Bắc-kỳ, chỉ mới trong một nửa con đường trở về.

Trở xuống hầm một lúc, Liêm nghe tiếng ca-nô mang hành khách từ Tourane lên tàu. Trong gian hầm thêm được ba người nữa, chiếm ba giường dưới thấp kế bên ; Đó là một gia đình về quê ăn Tết gồm hai vợ chồng trẻ và người em gái. Khi tàu tiếp tục cuộc hành trình vào lúc bốn giờ chiều, trời vẫn còn trong sáng. Ngủ một giấc, thức dậy không còn thấy lỗ hồng bên mạn tàu nữa, Đèn trong hầm đã thấp soi những hàng bù-loong tròn nhẵn và những chiếc giường sắt tênh hênh không người. Gió gào ở bên ngoài át hẳn tiếng máy. Liêm tụt khỏi giường, dẫm phải những bãi nước nhờn trơn, nhìn ba người thiêm thiếp như xác chết, định lên phòng ăn. Vừa leo đến cửa hầm, nước tạt hắt vào mặt, gió thổi rú đẩy lui lại sau, phải bám chặt vào tay thang sắt lúi xuống định thần. Tàu bắt đầu đi vào vùng bão thổi. Những ngọn sóng nhào

khỏi thành tàu, rớt trên boong bắn tung tóe như cơn mưa lớn từng chập. Biển đen kịt và đặc kín tiếng sóng cuồn cuộn. Liềm định trở xuống hầm về giường lao đao. Vừa nằm xuống nôn thốc. Đầu buông rũ ngoài thành giường, hai tay nắm chặt hai bên, nghe người bị nhồi lắc lư. Con tàu bị nhấc bổng, ném xuống sâu từng hồi không dứt, lắc lư nghiêng ngả. Không nhìn thấy gì nữa, nước mắt nước mũi ròn ròn, chỉ nghe tiếng đồ đạc đổ dưới sàn lăn từ phía này sang phía khác bừa bãi khắp cả gian hầm rộng. Nôn mưa đến quặn ruột gan, miệng đắng ngắt và thiếp ngủ có quắp trong chiếc áo dạ. Một đêm mệt lả. Nhiều lúc thoáng nghe như con tàu liệt hết máy và chỉ được sóng đưa đi một cách chậm chạp. Ngày hôm sau, sức gió đã giảm nhưng mưa như trút. Nhìn qua lỗ hổng, trời như một buổi chiều dài quá. Con tàu vẫn nghiêng ngả nhồi

lắc. Liêm vẫn nằm liệt thu mình trong áo, đèn trong hầm thấp cả ngày. Những người ở giường dưới đã phều phào trao đổi được vài câu ngắn. Người vợ thể không bao giờ chịu đi tàu thủy nữa và hỏi chồng về những món hành lý lặt vặt. Đồ vật được mấy người làm tàu thu gọn lại, những người ấy đều mặc áo dạ dày, mũ và khăn trùm kín đầu cổ. Một người nói: Nốt hôm nay nữa thôi, mai là các ông các bà khỏe rồi. Khoảng cuối đêm ấy, mưa vẫn lớn, gió còn thổi nhưng sóng không còn nhồi. Giật mình thức giấc, giá buốt cả tay chân. Mùa đông, tôi đang ở trong mùa đông. Từ xứ mùa hè tôi đã vào tới xứ mùa đông. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Sáng ngày cuối cùng trên tàu, trời tạnh ráo. Cùng ba người khách đồng hạng lên boong ăn bát cháo nóng với

đậu om, bữa điểm tâm của hạng ba. Con tàu vẫn còn đông đưa nhẹ nhưng người thật tỉnh táo. Xoa hai bàn tay vào nhau, há miệng thở nhìn khói bốc ra trắng nhờ như màu trời. Những đầu ngón tay nhả lại nhưng khi vuốt lên mặt thấy da căng lên. Tiếng người thiếu nữ chuyện trò với chị, giọng nói trong và ấm, giọng nói thuần chất du dương đã lâu lắm mới được nghe lại. Gió thổi tê rát cả mặt mũi nhưng trong cơ thể tưởng đã đuối liệt hơi nhiệt vẫn bốc ra. Liêm lân la làm quen với người chồng, gia đình anh ta về Kiến-an ăn Tết. Anh làm interprète (thông dịch) cho quân đội viễn chinh. Trông anh cũng là người có học, Liêm không hiểu lý do khiến anh chịu làm việc công việc hèn hạ. Liêm nghĩ đến những cuộc bố ráp, phải ngồi cả buổi giữa trưa nắng, đợi chiếc bao bố với hai lỗ nhìn,

chùm kín mặt tên điếm chỉ, đi qua nhận diện từng người, theo sau chiếc bao bố là bọn sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp và duy nhất một tên thông ngôn Việt-nam. Liêm nói : “Tôi ở trong Nam lâu quá nên chẳng hiểu tình hình ngoài Bắc thế nào”. Anh ta thú thực miễn cưỡng mới phải làm cho Tây, thực tâm không muốn. Anh nói : “Bọn quốc gia thối nát quá. Mình đến thua Cộng-sản mất thôi”. “Cộng sản nào ?” Anh ta chăm chú nhìn Liêm, bật cười và nói lảng sang chuyện khác. Liêm cố gắng lái trở lại câu chuyện : “Tôi chỉ thấy có kháng chiến thôi.” “Không đơn giản thế đâu. Quê anh ở đâu ? Anh cứ thử về quê anh khắc rõ.” Về đâu ? Quê anh ở đâu ? Bắc-ninh ? Đó là một thị xã nơi tôi sống nhờ. Cái làng nhỏ trong tỉnh Hà-đông, trên bờ sông Hương-tích. Làng của mẹ tôi, tôi đã về một lần từ ngày nhỏ

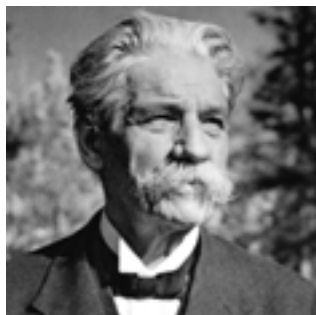
đến nay không nhớ nổi tên. Quê nội ? Tôi không biết. Con tàu lướt êm trên vùng biển lặng. Gió lạnh nhạt nhưng giá buốt. Người thiếu nữ ngồi trên giường chải tóc, hát nho nhỏ bài hát thật hay được nghe lần đầu. Về đây khi gió mùa thơm ngát, ôi lũ chim giang hồ... Đáng lẽ không nên trở về. Quê hương tôi không phải ở đây. Mọi sự đều mới mẻ, xa lạ. Tôi đã đi quá xa và biết bao nhiêu thay đổi trong chừng ấy năm. Tôi không có chung những kỷ niệm với những người tôi sẽ gặp. Trở lên boong một mình, làm quen với hơi gió bắc. Mặt nước xanh trong khác hẳn. Vẫn còn nghe tiếng hát của người thiếu nữ vọng lên qua cửa hầm đằng sau lưng. Bỗng nhiên tiếng còi tàu kéo lên như lúc khởi hành. Tiếng còi tắt trên một vùng mênh mông vẫn chưa thấy bến bờ. Trên boong cao nghe tiếng

cười nói vui của những người đàn bà và chợt nghe ra giọng nói của mình lơ lơ không thể giấu giếm được.

(Còn nữa. Kỳ sau đăng tiếp)

THANH TÂM TUYỀN

Albert Schweitzer không còn nữa...



TIỂU SỬ²⁵

Albert Schweitzer sinh ngày 14-I-1875 tại Kayzersberg, miền Alsace, lúc đó thuộc về nước Đức. Cha và ông ngoại đều là mục sư và cả hai đều là nhạc sĩ.

Thời thơ ấu của ông trôi qua trong xã Gun Bach một làng nhỏ ở thung lũng Munster, rồi ở Mulhouse, nơi ông theo học ban trung học. Được phụ thân dạy

²⁵ Tài liệu của báo J.E.O., Chính-Luận và l'Express.

về đại phong cầm, mới 9 tuổi ông đã có thể xử dụng đàn ấy trong các buổi lễ nguyện.

Học hành chăm chỉ, hơi có tính mơ mộng, chú trọng đặc biệt về môn vạn vật và sử ký, ông vẫn tiếp tục trau dồi về âm nhạc. Năm 1893, vào đại học Strasbourg, ông học xuất sắc về những môn thần học và triết học. Năm 1899, ông đệ trình luận án “Triết thuyết về tôn giáo của Kant”. Năm 1900, ông được cử làm phó trợ tế nhà thờ Saint Nicolas tại Strasbourg. Rất hiếu học, ông vừa làm vừa nghiên cứu triết học, vừa trau dồi âm nhạc với nhạc sư Widor.

Năm 1902, ông đậu thạc sĩ thần học. Năm 1906, tác phẩm của ông nhan đề là “Lịch sử khảo cứu về đời sống của Jésus”. Cùng lúc đó, vì sự thúc giục của Widor, năm 1905 ông cho xuất bản một tác

phẩm nhan đề là “Jean Sebastien Bach, nhạc sĩ kiêm thi sĩ”.

Năm 30 mươi tuổi sau khi dốc lòng phục vụ triết học và âm nhạc, ông cảm thấy phải tận tụy góp sức bình sinh để xoa dịu nỗi thống khổ của nhân loại. Nhân đọc một tập san của hội Truyền giáo Ba-lê thuật lại tình trạng thiếu thốn y sĩ ở xứ Gabon, ông bèn nhất quyết thay đổi hoàn toàn nếp sống và quay ra nghiên cứu y khoa.

Năm 1911, tại trường đại học Strasbourg, ông đậu cấp bằng y-khoa tiến-sĩ. Ngày 18-6-1912 ông kết hôn với Hélène Breslau, con gái của một sử gia ở Strasbourg. Bằng những chuyến đi trình diễn hòa nhạc và diễn thuyết lưu động ông dành dụm được một ngân quỹ cần thiết để thiết lập một bệnh viện ở Lambaréné (xứ Gabon).

Ngày 26-3-1913, hai vợ chồng ông đáp tàu sang Phi-châu cùng với 70 thùng vật liệu và 2000 Đức-kim tiền vàng, trong lòng thấp thỏm lo sợ xảy ra những vụ rắc rối quốc tế. Trước khi ra đi, ông đã kịp hoàn thành một cuốn sách phê bình âm nhạc của Bach, sách này ông hợp soạn với Widor.

Khởi thủy, bệnh viện Lambaréné chỉ là một túp nhà dài 8 thước, rộng 4 thước, lợp bằng lá gồi, Bác sĩ Schweitzer có hai người giúp việc là vợ ông đã được học nghề y tá và một y tá da đen.

Trận đệ Nhất Thế-chiến đã làm gián đoạn mọi công việc, vì cả hai vợ chồng ông, là ngoại kiều, đều bị giam giữ. Hết chiến tranh ông trở về Strasbourg tiếp tục nghiên cứu triết học và hành nghề y sĩ.

Ngày 14-1-1919, vợ ông sinh hạ một con gái, Rhéna. Năm 1923, ông xuất bản cuốn “Triết học của văn minh” bằng tiếng Đức, trong đó ông lấy căn bản của đạo đức là nguyên tắc “tôn trọng cuộc sống”, từ đó trở đi sẽ là nguyên tắc thẩm nhuần mọi quan niệm nhân đạo hoặc chính trị của ông.

Trong mấy năm trời, ông đi diễn thuyết lưu động ở Thụy-điển, Đan-mạch, Tiệp-khắc và trình diễn đại-phong-cầm để góp nhặt một số tiền, rồi đến tháng 2-1924, ông lại sang Phi-châu để tái thiết bệnh viện hủi ở Lanbaréné.

Ông phải mất hai năm mới khai phá được rừng rú và tự tay xây cất một bệnh viện rộng lớn hơn lần trước. Chẳng bao lâu ông đã đón nhận được khoảng 200 bệnh nhân.

Từ năm 1927 đến 1939, ông cứ xen kẽ thời gian phục vụ ở Lambaténé một hai năm, với những chuyến du hành sang Âu-châu đề diễn thuyết và trình diễn âm nhạc.

Năm 1932 ông được tặng chức Tiến sĩ danh dự của các đại học đường Oxford, Edimbourg và Saint André. Năm 1936, ông xuất bản cuốn “Những đại triết gia Ấn-độ”.

Trong suốt thời kỳ đệ Nhị Thế chiến, ông cứ ở lại Phi-châu, mãi đến 1948 mới tiếp tục những chuyến đi giữa Lambaréné với Âu-châu. Mùa hạ 1949, ông sang Hoa-kỳ và được tiếp đón trọng thể. Tên tuổi của ông vang dội khắp hoàn cầu. Hình ảnh của ông được phổ biến ở sân khấu kịch trường, trên màn bạc và được in vào bưu hoa. Nhiều cuốn sách đã viết về thân thế và sự nghiệp của ông.

Năm 1951, ông được bầu vào Hàn-lâm-viện Khoa học Tinh thần và Chính trị ở Ba-lê rồi đến năm 1952, ông đoạt giải thưởng quốc tế Nobel về hòa bình.

Từ năm 1954, trên báo chí nước Anh, trong các cuộc diễn thuyết, ông luôn luôn tố cáo hiểm họa nguyên tử. Năm 1958, ông công bố một tập sách nhỏ bằng tiếng Pháp và tiếng Đức, nhan đề là “Hòa bình hay chiến tranh nguyên tử”.

Mùa hạ 1959, ông đi thăm Âu-châu một lần chót, rồi vĩnh viễn trở về Phi-châu, nơi ông đã sống ba mươi năm. Vì tuổi tác đã cao, hoạt động chính thức về y khoa của ông ở Lambaréné cũng giảm sút nhưng ông vẫn nắm phần quản trị bệnh viện, cả một thị trấn gồm 600 người.

36 phút trước lúc nửa đêm thứ bảy ngày 4 tháng 9 vừa qua, A. Schweitzer đã trút hơi thở cuối cùng chấm dứt cho buổi hoàng hôn tàn tạ đã kéo quá dài.

Từ ba bữa trước, ông đã không nói nữa, nhưng vẫn còn tỉnh trí. Trong những giờ cuối cùng, ông nghe những khúc “Préludes” của Bach, thỉnh thoảng lại mỉm miệng cười, trong lúc bao nhiêu con mắt đắm lệ quay nhìn về ngôi huyệt mà ông đã cho đào sẵn từ lâu, dưới hàng cây móc cọ, trước nhà vài chục thước, bên cạnh nơi an nghỉ của bà vợ đã mất năm 1957.

✱

ALBERT SCHWEITZER : THẦN TƯỢNG HAY PHỔNG ĐÁ ?

Albert Schweitzer 1875-1965), một thần tượng được tôn sùng cùng khắp

Đứng trước những con người đương thời được suy tôn làm thần tượng bởi dư luận quần chúng (dư luận này có được, hay là bị, hướng dẫn hay không), ở bên này hay ở bên kia, thái độ cố hữu của chúng tôi lúc nào cũng vẫn là một thái độ cảnh giác. Đó hẳn không phải là vì chúng tôi bầm tánh gàn dở, ương ngạnh, không phục ai, không tin ai, và cho rằng mình không kém bất luận kẻ nào ; song cuộc đời còn ngăn ngúi của chúng tôi, với một số kinh nghiệm bản thân vốn rất ít ỏi, vẫn cứ dạy cho chúng tôi hiểu

thấu được một bài học tuy chua chát, nhưng rất mực hữu ích và hiệu nghiệm cho đường lối suy tư và hành động của mình : thế giới này đầy dẫy muôn vàn huyền thoại (huyền thoại – thực chất), và những thần tượng một thời hầu hết – chúng tôi bảo : hầu hết – đều có một số huyền thoại, đã được truyền ra khéo léo, dựng nên.

Thái độ cảnh giác của chúng tôi trước những thần tượng đương thời còn có thể tìm thấy một lối giải thích khác : những thần tượng đương thời dầu cao đẹp đến đâu, dầu vĩ đại đến đâu, vẫn cứ là người với tất cả ngần ấy khía cạnh tích cực, với tất cả chúng tôi ngần ấy khía cạnh tiêu cực, vốn là cái số phận không dùng từ số phận này với cái nghĩa siêu hình thường có chung của mọi người. Vậy thì làm sao lại có thể sùng bái một cá nhân nào một

cách tiên nghiệm được ? Vậy thì làm sao lại có thể sùng bái một cá nhân nào một cách toàn diện được ?

Mấy ý nghĩ vắn tắt trên đây đã đến với chúng tôi nhân cái chết của một con người mà toàn thể thế giới, ở khối Đông cũng như ở khối Tây, đều đồng thanh mến tiếc, vì đã đồng tâm tôn sùng : y sĩ Albert Schweitzer (1875-1965), “ân nhân của nhân loại”, giải thưởng Hòa-bình Nobel 1952. Xin nói ngay rằng chủ ý của chúng tôi khi viết bài này chỉ là trình bày một cách trung thực những điều mà chính tai mình đã nghe, chính mắt mình đã được đọc về một con người mà mình chưa hề hân hạnh (hay...) gặp mặt — và chính vì lẽ này mà chúng tôi không có lý do chánh đáng nào để hạ bệ một người được toàn thể thế giới tôn sùng non năm chục năm trời.

Như vừa nói trên, y sĩ Albert Schweitzer — vừa tạ thế hôm qua, chúa nhật 5 tháng Chín 1965 ở Lambaréné, nước Cộng-hòa Ga-bông, châu Phi-đen — đã được liệt vào hàng “ân nhân của nhân loại và đã được tặng Giải thưởng Nobel về Hòa-bình năm 1952”. Đó là những sự kiện bên ngoài mà ai cũng biết, nhờ báo chí, nhờ phim ảnh — một điều lạ thường là xem báo chí, xem phim ảnh nói về y sĩ Albert Schweitzer, chúng tôi không thể không chợt nhớ tới loại báo chí, loại phim ảnh đã đề cao cá nhân của Xtalin độ nào ! Hai số mạng, hai phương trời, hai tư tưởng, nhưng cùng một lối được tôn sùng và đề cao !

Nhưng còn thực chất bên trong của các sự việc này ?

Những điều tai nghe...

Một bạn đồng nghiệp giáo sư, nhưng trước kia là một ký giả làm phóng viên cho một tờ báo lớn ở Paris, có kể cho chúng tôi nghe chuyện này mấy năm trước, khi chúng tôi tỏ cho anh biết ý kiến khó chịu của chúng tôi về một cuốn phim (hiện nay chúng tôi không còn nhớ rõ là do đạo diễn nào thực hiện) nhan là *Bonne nuit, Docteur Schweitzer* (Xin chào Bác sĩ ngủ ngon), đề cao ông y sĩ này một cách quá đáng, nhưng lại được quần chúng (Pháp) bấy giờ kéo nhau đi xem, và được mấy nhà phê bình phim hòa nhau khen ngợi không tiếc lời.

Sau đây là lời anh bạn đồng nghiệp kể lại cho chúng tôi nghe — và chúng tôi xin cam đoan với bạn đọc rằng nếu như lời lẽ tiếp sau có thì không đúng y hệt lời lẽ thốt ra từ cửa miệng của anh, chúng

tôi vẫn trình bày được trung thành tinh thần của lời thuật này.

Cách đây khoảng mười ba năm, đúng vào năm 1952, anh được một tờ báo lớn ở Paris gửi đi làm phóng sự về tình hình xã hội ở mấy nước châu Phi miền nhiệt đới – bấy giờ còn là thuộc địa của Pháp. Anh đã nhân đó đi viếng tất cả mấy nước thuộc địa Pháp ở vùng này, từ nước Tchad đến nước Ga-bông qua nước Xê-nê-gal, nước Công-gô ; và anh không bỏ qua một nhà thương thí, một nhà thương chuyên y, hay một nhà thương tư nào. (Bạn đọc hẳn biết rằng số nhà thương do chánh quyền thực dân xây cất có thể đếm trên đầu — mấy ngón ? – ngón tay). Tình trạng xuất hiện hết sức là bi đát dưới mắt anh. Anh nhận rằng cứ vin theo tình trạng ở Công-gô do nhà văn André Gide miêu tả trong cuốn

Voyage au Congo (viếng thăm Công-gô, 1927) và trong cuốn Retour du Tchad (Tôi ở Tchad về, 1928) mà so sánh, thì cũng có phần nào tốt hơn, nhưng nếu chúng ta nhớ rằng, vào năm 1952, trên một phần đất rộng gấp tám lần nước Pháp, thế mà theo thống kê chánh thức, chỉ vồn vện có bảy mươi y sĩ — vồn vện có bảy mươi, và trong số bảy mươi này, ba mươi định nghiệp ở Brazzaville, nghĩa là ở thành phố lớn có đầy đủ tiện nghi và để sống như những bậc đế vương. Anh bạn đã lấy làm công phần, vốn là một người trung thực trong sự nhận định các sự kiện liên quan đến vấn đề thực dân và thuộc địa.

Rồi anh sang Ga-bông. Dân chúng Ga-bông đã bị chánh sách chiếm hữu địa sản của chánh quyền thực dân lừa về những chốn ma thiêng nước độc, và

bị bọn chủ rừng (forestiers) bóc lột đến tận xương tủy (thể như người dân Việt-nam bị bọn chủ vườn cao-su ở vùng đất đỏ Nam-ki bắt làm nô lệ thời nào). Biết rằng y sĩ Albert Schweitzer đã dựng nhà thương hủi của mình ở Lambaréné vốn là một vùng ma thiêng nước độc, và ông đã không ngừng rêu rao như vậy xuyên qua một số báo chí và xuyên qua một số người hưởng nhiều đặc quyền ở đó, anh bạn ngỏ ý muốn được tiếp kiến Albert Schweitzer và thăm viếng nhà thương này.

Thuật lại cho chúng tôi nghe cuộc thăm viếng và tiếp kiến này, anh bảo rằng anh chưa từng trông thấy có lều-ở (cases) nào dơ dáy và hôi hám như các lều-ở ở đây. Mấy con bệnh hủi thì bị bày ra cho anh xem như là những con quái vật trong một gành xiếc. Mấy con

bệnh hủi nặng hơn thì nằm trơ trên các chiếc cang hôi thúi không chịu nổi, vừa rên, vừa oẹ đầy đất, máu me nhỏ giọt, băng đen ruồi hung nhúc — mấy con bệnh hủi nặng này bị bọn chủ rừng chở thẳng đến đây bỏ đó để tránh nhiều thủ tục hành chánh phiền phức cho họ, và Albert Schweitzer đã chấp nhận sự việc này, hóa ra ông cũng tiếp tay một phần nào cho bọn này. Đâu đâu, dưới mắt anh, cũng đều dơ bẩn, hôi thúi, hư hỏng, mục nát, chỉ trừ khu phần dành cho bệnh nhân da trắng (hóa ra Albert Schweitzer là ân nhân của nhân loại... da trắng vậy). Một điều anh bạn còn nhớ rõ là cái máy ảnh của anh tịch thu ngay vào lúc anh đặt bước chân đầu tiên vào địa phận nhà thương (tại sao?).

Sau đó, anh được le Grand Docteur (Đại-bác-sĩ, Albert Schweitzer đã được

người ta gọi ở đây như vậy) tiếp anh, và anh nhận thấy mau lẹ được thực chất tinh thần của ông Đại-bác-sĩ này xuyên qua mấy câu đáp bộc trực mà anh còn nhớ rõ mồn một, nói về người dân xứ Ga-bông :

– Tụi nó, thì có mỗi việc là dùng roi mới hiệu nghiệm. (Ces gens-là, il faut les mener à la chicotte).

– Tụi nó không có tâm hồn (Ces gens-là n'ont pas d'âme).

Anh cho rằng Albert Schweitzer bộc trực với anh như vậy, là vì ông tưởng rằng anh cũng giống như mọi người da trắng thuộc địa.

... và mắt đọc

Chúng tôi nghe anh bạn đồng nghiệp giáo sư thuật lại mấy điều mắt

thấy tai nghe của mình trên, mấy năm trước. Nhưng chúng tôi không tin hẳn anh : dấu sao, đó cũng chỉ là những điều mắt thấy tai nghe của một người, và biết đâu, anh đã chẳng vì một sự bất toại nào, hay vì một chuyện nhỏ mà phóng đại chẳng – vì như đã nói trên, hồi ấy, anh đi làm phóng sự cho tờ báo ngày, và ký giả thường hay buộc phải viết theo khuynh hướng của tờ báo mà mình cộng tác.

Như vừa rồi chúng tôi được dịp đọc một cuốn sách dày của một nhà báo Mỹ : Doctor Schweitzer của Gerald McKnight – miêu tả cuộc đời và sự nghiệp của y sĩ Albert Schweitzer. Và cuốn sách này chứa đựng nhiều chi tiết không phải là không có liên quan tới những sự việc mà anh bạn đồng nghiệp giáo sư nọ đã kể cho chúng tôi nghe.

Thật ra, trong cuốn tiểu sử này, Ge-

rald McKnight tỏ ra hết sức là thận trọng và dè dặt trong việc quật ngã một thần tượng xây trên bao nhiêu là huyền thoại vững chắc. Gerald McKnight không che giấu lòng ngưỡng mộ của mình đối với thời niên thiếu siêng năng và chăm chỉ của Albert Schweitzer nhưng mọi sự bỗng nhiên đổi thay toàn diện ngay vào lúc Schweitzer trở thành một ông già vị kỷ bận tâm quảng cáo cho cá nhân mình hơn là bận lo chăm sóc con bệnh, ngay vào lúc ông Đại-bác-sĩ tìm đủ mọi cách hướng dẫn dư luận quần chúng sùng bái cá nhân mình.

Gerald McKnight khẳng định rằng các “môn đệ” (disciples) của Albert Schweitzer hoàn toàn không có một lợi ích nào cho nhà thương hủi nọ ở Lambaréné (Ga-bông) cả, rằng các ông thầy giải phẫu ở đó được quyền tự do tổ chức

những cuộc thí nghiệm đáng ngờ và không được chứng nghiệm bao giờ.

Tác giả còn nhắc cho chúng ta nhớ lại rằng Albert Schweitzer đậu bằng Y-khoa vào năm 1911 (năm mười lăm năm qua - bao nhiêu là tiến tới, bao nhiêu là phát minh, bao nhiêu là phát triển trong ngành y học !) và ông chẳng có hành nghề chữa bệnh này được bao năm và từ mấy năm xưa, ông chẳng còn hành nghề đó nữa. Còn về nhà thương hủi nọ, lời tả của tác giả cũng không khác lời kể của anh bạn ở đoạn trên, dơ bẩn, cũ kĩ, khinh người da-den.

Thân tượng hay phỗng đá ?

Một lần nữa, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng chúng tôi không hề có chủ ý

hạ bệ một thần tượng (hay phỗng đá ?) đã được toàn thể thế giới tôn sùng bằng chứng là các điện tín chia buồn cùng gia quyến của y sĩ Albert Schweitzer, đánh đi từ London (Anh), Paris (Pháp), Washington (Liên-quốc Mỹ), Mátxcơva (Liên xô), Bonn (Tây-Đức), Berlin (Đông-Đức) và từ các đô thị lớn Châu-Phi.

Nhưng chúng tôi nghĩ rằng mình có bốn phận trình bày một cách trung thực những điều mình có dịp nghe thấy, đọc thấy, nhứt là khi những điều này trực tiếp chúng nhận những ý kiến riêng biệt của mình về một cá nhân – cho dầu chúng không nằm trong khuôn đúc có sẵn của một dư luận bị hướng dẫn khéo léo.

Lời thêm :

Lẽ ra, bài này phải nằm dưới mục Một vì sao rụng, nhưng tác giả vốn không xem Albert Schweitzer như một vì sao, mà lại ngần ngừ do dự không biết nên xem ông như một thần tượng hay nhà một phỗng đá : vậy xin anh thư ký tòa soạn cho được miễn cái mục quen thuộc nọ mà thay vào đó một cái mục nào có cái nhan ít thiên vị hơn.

TRẦN THIÊN ĐẠO

(Paris, 6-IX-1965)

LỜI BÀN GÓP VỚI TRẦN THIÊN ĐẠO

Đọc bài của anh, với những lời rào đón kỹ lưỡng, hẳn sẽ không có bạn đọc nào nghi là anh có ý định “déboulonner l'idole”. Riêng tôi, vì anh đã có lòng tin

yêu mà trao gởi cho cái “ngân ngân, do dự” của anh, tôi muốn được lợi dụng lòng tin yêu ấy để ngỏ đôi lời, gọi là bàn góp với anh.

Trước hết, tôi không được cái may mắn xem phim *Bonne nuit, Docteur Schweitzer*, mà anh nói tới. Nhưng tôi nhớ hồi còn nhỏ có được xem một phim nhan là *Il est minuit, Docteur Schweitzer* và còn nhớ đây là một phim ảnh có nội dung tốt, nhất là đối với giới thanh niên đang hoài nghi cuộc sống.

Thứ đến, câu nói của Schweitzer : “*Ces gens-là n'ont pas l'âme.*” tôi xin được hiểu chữ *âme* theo nghĩa thông thường của tôn giáo. Mà Schweitzer thì, như anh cũng rõ đấy, là người rất sùng đạo. Ở đây, tôi muốn mở ngoặc để trình bày một ý nghĩ riêng : trường hợp Schweitzer cũng tựa tựa như trường hợp Hàn-Mặc Tử ở

bên ta ; Cả hai đều đã được đề cao hơi quá đáng, do những ai muốn tạo ra thần tượng để làm sáng danh cho tôn giáo mà họ sùng mộ. Chẳng hiểu anh có đồng ý với tôi chăng ?

Về sinh hoạt phản vệ sinh của nhà thương hủi do A. Schweitzer điều khiển, tôi tin những lời người bạn đồng nghiệp của anh nói là đúng. Bởi vì chính Schweitzer cũng không che giấu điều đó. Có điều, và đây là một sự thật hiển nhiên, là trong các lều-ở (cases) của Schweitzer, các bệnh nhân lại bớt đau khổ nhiều hơn là trong một bệnh viện ngăn nắp có đầy đủ tiện nghi tối tân (do chính phủ xây dựng đầu gần Lambaréné, tôi không nhớ rõ, nhưng chắc chắn bệnh viện đó cũng được xây dựng trong nước Cộng-hòa Ga-bông). Được như vậy là nhờ ở sự thoải mái mà bệnh nhân da đen tìm

thấy được trong lối sống quen thuộc với họ, sự lui tới thăm viếng, tiếp tế món ăn, của các thân nhân họ cũng được dễ dàng hơn là ở bệnh viện nhà nước.

Về sự kỳ thị mầu da của Schweitzer, tôi cũng biết là có thật. Tuy nhiên, ông ta già quá rồi (90 tuổi đầu !), làm sao chúng ta có thể buộc một người thuộc thế hệ cũ có được những ý niệm tiến bộ của thế hệ bây giờ ? Phần khác, dường như Schweitzer cũng đã có lần tuyên bố ông công nhận các người khác mầu da có thể là anh em, nhưng ông cho là người da-đen phải làm đàn em người da trắng. Một “vieux colonialiste” như ông mà nói thế thì kẻ cũng đã là tiến bộ rồi đó chứ anh ? Hơn bọn Tây khốn nạn bên xứ mình nhiều.

Sau chót, về cuốn sách Doctor Schweitzer²⁶ của nhà báo Hoa-kỳ Gerald McKnight mà anh nhắc tới tôi tiếc chưa được đọc, nhưng tôi cứ tưởng tác giả Gerald McKnight là một nhà báo Anh-cát-lợi, bởi vì đầu đó trên báo chí tôi đã được đọc một câu của Schweitzer trả lời khi có người hỏi ông có ghét bỏ cuốn sách đó không : “Ca a fait tellement de peine à la reine d’Angleterre.”

Anh Thiện Đạo thân mến,

Mấy lời bàn góp trên đây không phải được viết ra để biện hộ cho Schweitzer. Đối với vị y sĩ nổi tiếng này tôi vốn vẫn kính trọng, nhưng kính trọng không đồng nghĩa với tôn sùng

Nó được viết ra chính bởi lẽ, cũng như anh, tôi không muốn để dư luận

26 phải nhan tiếng Pháp là “Verdict sur Schweitzer” không anh ?

được (hay bị) hướng dẫn theo một chiều hướng nào.

Tôi đồng ý với anh là phần lớn các thần tượng đều đã do một số huyền thoại dựng nên một cách khéo léo (nhất là ở cái nước Việt-nam này, số người làm-bạc-giả lại đông đảo quá, nên thần tượng thì ít mà phỗng đá lại nhiều), nhưng – chẳng hiểu anh có đồng ý với tôi chẳng – thần tượng thì cũng chẳng khác huy chương bao nhiêu : *Toute médaille a son revers*.

Thần tượng Schweitzer nếu có đáng được nhắc tới thì ta nên ngừng lại ở cái ngày mà ông ta ngừng hành nghề y sĩ. Ít năm sau này, khi chỉ chăm chú gửi đi khắp nơi, đủ loại thông điệp, kiến nghị, lời kêu gọi v.v... thì tự nó, thần tượng Schweitzer đã sụp đổ rồi, chẳng cần đến cả cuốn sách của Gerald McKnight hay

bài báo rào trước đón sau kỹ lưỡng của anh.

TRẦN PHONG GIAO

(Maison de santé Cholon,

20-IX-1965)

GIAO ĐIỂM XUẤT BẢN

CON ĐƯỜNG

truyện dài mới nhất của

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

168 trang – giá 56\$



bài của MỖ LÀNG VĂN

GỬI MỖ LÀNG VĂN

Nghe mấy lời “trình làng” của Mỗ về việc mấy đứa đánh cắp Văn, Lê tôi phục hết mình cái bạo mồm của Mỗ.

Để tiếp hơi với Mỗ, Lê tôi xin gửi tới Mỗ bài “thơ” dưới đây cậy Mỗ rao lên cho cả làng nghe chơi. Thơ rằng :

QUAN THA KÊ CẤP (VĂN)

*Sống lâu mới thấy lắm trò hay
Nào tưởng đời đâu khi thế này
Trưởng, Tổng²⁷ tài cao lang mặt mũi
Giả, Thông²⁸ tật xấu hồ râu mày
Trên xà lượng thú Trần Công²⁹ tỉnh
Bên hũ khoan hồng Tất Trác³⁰ say
Mang tiếng nhỏ nhen làm đảo lý
Sao bằng nể Mỗ thả ra ngay.*

NHÂN PHỦ LÊ THẾ VINH

27 Trương Di và Tổng Tín. hai tay đại bơm về nghề đánh cắp văn, bị chủ có văn sai người lấy son vòng mép lấy mực vẽ mặt.

28 Giả Sinh ăn cắp văn bị bắt giải quận. Việc đang xét thì lính quận giải về một mụ ăn cúp vàng ở chợ. Mụ này lúc bị đuổi bắt đã vấp ngã vào cầu tiêu, mình đầy uế vật. Quan Quận bắt Giả Sinh quỳ, sai lính gột hết uế vật nơi mình mụ kia mà chát vào mặt Giả Sinh. / Thúc Tồn Thông, một tên đạo văn.

29 Trần Công biết trộm nằm trên xà nhà, lấy lời khuyên gián tiếp mà cảm hóa được hắn.

30 Tất Trác uống vụng rượu bị bắt giải quan, quan thương tình tha cho.

LẬT CHỒNG BÁO CŨ

Sau khi nhận được bài thơ trên của cụ Lê, Môtôi cứ thấp thỏm trong lòng. Chín e sẽ phụ lòng bậc tiền bối. Thời may, gặp chiều mưa lớn, nằm bẹp ở nhà, gỡ chồng báo cũ ra coi, Môtôi lại bắt gặp một vài khuôn mặt của bậc danh tài, xin đem ra trình làng, theo thứ tự thời gian của chúng có. Dưới đây Môtôi sẽ chỉ trình bày những dữ kiện hiển nhiên. Phần kết luận, xin dành cho chư vị trong họ ngoài làng toàn quyền... phán xét.

I.- ÔNG TÔ KIỀU NGÂN VÀ DANH TÁC

“BỨC TRANH QUÁI DỊ”

Trong tuần báo Tiểu thuyết thứ năm, số 22, tuần lễ từ 18-6 đến 24-6-1964,

trang 41, có đăng truyện ngắn Thoát chết của Margaret St. Clair do Kim Hiệp dịch. Đây là một truyện trinh thám loại suspense. Đại ý truyện thuật lại cơn ác mộng của một anh chàng đang cò bơ cò bất sau 6 tháng thất nghiệp, bỗng được một bà thím họ xa gọi tới ở cùng nhà để cho bà đỡ lẻ loi. Bà thím này có một sở thích là ham vẽ tranh, nhưng bà lại không vẽ được những cảnh vật gì lay động. Vì thế bà đã nhờ người cháu dẫn một cái cây đang nở hoa tươi tốt ngoài vườn đem vào trong nhà cho bà làm mẫu vẽ. Sau cái cây đến lượt con cá vàng do anh cháu mua tặng bà, được bà đem nhét vào tủ lạnh, cho nước đông lại để con cá hết tung tăng bơi lội. Sau con cá tới con chó cưng của bà một

pdf do Lê Tùng Châu cung cấp thiếu trang 153, 154, 155, 156 nên bản dựng ebook này đến đây là hết.

